ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 956 /BC-UBND	*An Giang, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2026

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) TỈNH

1. Việc triển khai các kết luận, Nghị quyết của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội

UBND tỉnh đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 09-CT/TU ngày 08/12/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 199-KL/TW ngày 10/10/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2025 - 2026; đồng thời, tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 ngay từ đầu năm. Xây dựng và triển khai Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 16/01/2026 về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 30/7/2026 về điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026 tỉnh An Giang; Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 về việc giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 về việc bổ sung nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2026 cho các sở, ngành, địa phương theo tinh thần "06 rõ"; Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 về việc kiện toàn các Tổ Công tác chỉ đạo việc thực hiện tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang[1]; thành lập 05 Đoàn kiểm tra đôn đốc tình hình giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 và các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh An Giang[2]; thành lập Ban Hỗ trợ đầu tư tỉnh An Giang và Tổ giúp việc[3].

2. Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị

Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị được Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc. Các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện được ban hành, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế; công tác tuyên truyền, quán triệt, rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách được chú trọng. Việc phân công, theo dõi, đôn đốc thực hiện được triển khai, nhiều nhiệm vụ bảo đảm tiến độ đề ra. Đối với các nghị quyết mới ban hành, các cơ quan,

---

[1] Tổ công tác số 1: Theo dõi, điều phối chung kế hoạch, kịch bản tăng trưởng và giải ngân vốn đầu tư công; Tổ công tác số 2: Theo dõi chỉ đạo thúc đẩy tăng trưởng khu vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch; Tổ công tác số 3: Theo dõi chỉ đạo thúc đẩy tăng trưởng khu vực nông - lâm - thủy sản; xây dựng; tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng; quy hoạch.

[2] Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 của UBND tỉnh về việc thành lập các Đoàn kiểm tra đôn đốc tình hình giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 và các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh An Giang.

[3] Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

đơn vị đang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Đến nay, tỉnh đang triển khai 12 Nghị quyết của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành 12 Chương trình hành động. UBND tỉnh đã ban hành 10 Kế hoạch triển khai thực hiện. Các sở, ban, ngành đã thành lập Ban Chỉ đạo, ban hành kế hoạch, đề án, chương trình chuyên đề để cụ thể hóa trong từng lĩnh vực. *(Chi tiết tình hình triển khai các nghị quyết tại Phụ lục IV đính kèm)*

3. Tình hình triển khai các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh An Giang.

Tổng số nhiệm vụ được giao đến ngày 10/10/2026 là 219 nhiệm vụ: Nhiệm vụ đã hoàn thành là 187 nhiệm vụ đạt (85,39%); Nhiệm vụ còn trong hạn 32 nhiệm vụ đạt (14,61%), cụ thể như sau: Chờ xác nhận: 01 nhiệm vụ; Đang thực hiện 20 nhiệm vụ; Chưa cập nhật: 11 nhiệm vụ.

Nhìn chung, đối với các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh An Giang đã nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện; phần lớn nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ, cơ bản hoàn thành theo yêu cầu. Đối với các nhiệm vụ còn thời hạn, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung rà soát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn các nhiệm vụ được giao.

4. Tình hình triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án trọng điểm tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, vay và trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030, gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"; Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Chương trình hành động số 10-CTr/ĐU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 11/5/2026 để triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, chương trình hành động nêu trên. Đến nay, UBND tỉnh đã triển khai 25/30 chương trình, dự án, đề án và đang triển khai, hoàn thiện 05/30 chương trình, dự án, đề án. *(Chi tiết các dự án tại Phụ lục VI đính kèm)*.

5. Tiến độ chuẩn bị Hội nghị APEC 2027

Công tác chuẩn bị phục vụ Hội nghị APEC được lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quyết liệt và đạt nhiều kết quả quan trọng. Thường trực UBND tỉnh tăng cường kiểm tra, khảo sát, đôn đốc việc thực hiện; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cho chủ trương, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và lãnh đạo quyết

liệt công tác giải phóng mặt bằng; các sở, ngành tỉnh, Đảng ủy, UBND đặc khu Phú Quốc tăng cường công tác phối hợp triển khai thực hiện các phần việc theo yêu cầu nhiệm vụ để đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án phục vụ hội nghị APEC...

Đến nay, có 20/21 dự án đủ mặt bằng để bàn giao cho nhà đầu tư tổ chức thi công (*Còn 01 dự án chưa khởi công (dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt An Thới; hiện đang được UBND đặc khu Phú Quốc trình Sở xây dựng thẩm định dự án tại Tờ trình số 399//TTr-UBND ngày 02/10/2026*); nguồn cát, đá, vật liệu san lấp phục vụ các dự án cơ bản được bảo đảm; tiến độ thi các công trình, dự án đang được đẩy nhanh; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 30/9/2026 là 9.370,94/13.476,57 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 69,54% kế hoạch vốn năm 2026 (*tỷ lệ giải ngân cả nước đến hết ngày 30/9/2026 là 64,9%, cao hơn 4,64%).* Cùng với đó, công tác tuyên truyền, quảng bá, lễ tân, hậu cần, y tế, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, phòng, chống khủng bố, cháy, nổ và các điều kiện thiết yếu khác phục vụ Hội nghị được triển khai quyết liệt. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 25/9/2026 về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác chuẩn bị phục vụ Hội nghị cấp cao lần thứ 27 và các hội nghị, hoạt động liên quan của Diễn đàn APEC năm 2027 tại đặc khu Phú Quốc. *(Chi tiết các dự án tại Phụ lục V đính kèm)*.

6. Các cuộc họp, làm việc với địa phương của lãnh đạo UBND tỉnh

Trong 9 tháng đầu năm, lãnh đạo UBND tỉnh chủ động tham dự các cuộc họp của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh; đồng thời chủ trì, tham dự các cuộc họp, hội nghị, làm việc với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị và các Bộ, ngành Trung ương. Qua đó, kịp thời cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Trung ương và Tỉnh ủy; tập trung chỉ đạo, điều hành, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, cục thể như:

Đối với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo tăng trưởng tín dụng, thu ngân sách, hỗ trợ doanh nghiệp và nhà đầu tư, triển khai các bản ghi nhớ hợp tác đầu tư; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và tháo gỡ khó khăn cho các dự án. Lãnh đạo UBND tỉnh thường xuyên kiểm tra thực địa, làm việc với địa phương, doanh nghiệp, chủ đầu tư để đôn đốc tiến độ các công trình, dự án trọng điểm, nhất là các dự án giao thông, năng lượng, hạ tầng và các công trình phục vụ APEC 2027; các quy hoạch phân khu tại đặc khu Phú Quốc; hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; xử lý các vấn đề về nhà, đất dôi dư và các khu đất còn tồn đọng.

Trong lĩnh vực du lịch, văn hóa và đối ngoại, tỉnh tập trung chuẩn bị các điều kiện phục vụ APEC 2027, chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng đặc khu Phú Quốc, triển khai Đề án chuyển đổi xanh; phối hợp thẩm định hồ sơ đề cử Di sản thế giới Khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê; tăng cường hợp tác, giao lưu với các địa phương, đối tác nước ngoài. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm, tập trung vào chuẩn bị năm học mới, xây dựng và đưa vào hoạt động các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới, đầu tư cơ

sở y tế, thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nhiệm vụ an sinh xã hội.

Công tác quốc phòng, an ninh, nội chính, tư pháp, thi hành án và cải cách hành chính được triển khai đồng bộ; chú trọng bảo đảm an ninh, trật tự, an ninh mạng, xây dựng địa bàn không ma túy, công tác biên giới, cửa khẩu, tiếp công dân, thi hành án và giải quyết các vụ việc còn tồn đọng. Đồng thời, tỉnh đẩy mạnh chuyển đổi số, làm sạch dữ liệu dân cư, triển khai định danh điện tử, sổ sức khỏe điện tử và cải thiện các chỉ số cải cách hành chính.

Bên cạnh đó, lãnh đạo UBND tỉnh tăng cường kiểm tra, khảo sát tại cơ sở; làm việc với các xã, phường, đặc khu để nắm tình hình, tháo gỡ khó khăn và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh duy trì đối thoại với doanh nghiệp, tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp, đồng thời khảo sát các khu vực khoáng sản, thủy sản, nông nghiệp và các địa bàn có tiềm năng phát triển nhằm huy động nguồn lực, mở rộng không gian phát triển và nâng cao hiệu quả hợp tác.

7. Một số nhiệm vụ trọng tâm khác

7.1. Về tình hình thực hiện Nghị quyết số 41/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội và Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 24/8/2026, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 41/2026/QH16 quy định cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các dự án, công trình phục vụ Hội nghị cấp cao APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang và ngày 28/8/2026, Chính phủ đã ban hành Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, UBND tỉnh phối hợp Bộ Tài chính và và các ngành Trung ương triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội và Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

7.2. Tổ chức Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh An Giang

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 09/4/2026 về việc tổ chức Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh An Giang và Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 về việc thành lập Ban Tổ chức và các Tiểu ban phục vụ Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư tỉnh An Giang. Tại Hội nghị, UBND tỉnh đã trao Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 19 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 66.952 tỷ đồng, tập trung vào các lĩnh vực hạ tầng giao thông, công nghiệp, năng lượng tái tạo, du lịch, logistics, đô thị và nông nghiệp công nghệ cao. Đồng thời trao 24 Bản ghi nhớ hợp tác nghiên cứu, khảo sát đầu tư với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong và ngoài nước với tổng vốn dự kiến đầu tư khoảng 1.500.000 tỷ đồng.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã phối hợp tổ chức Hội nghị tổng kết triển khai thực hiện Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí

Minh với các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2023 - 2025, ký kết Thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2026 - 2030.

7.3. Tình hình triển khai Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 30/7/2026 về điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026 tỉnh An Giang

Để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh trong năm 2026 từ 10,71% trở lên, UBND tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 30/7/2026 về điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026 tỉnh An Giang. Đến nay, hầu hết các đơn vị đã hoàn thành xây dựng kế hoạch điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm 2026.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Trong 9 tháng đầu năm, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì xu hướng phát triển tích cực. Các cấp, các ngành tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chương trình, kế hoạch năm 2026; hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch tiếp tục phục hồi và tăng trưởng; sản xuất nông nghiệp, thủy sản cơ bản ổn định; công nghiệp, xây dựng duy trì đà tăng trưởng khá. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm; an sinh xã hội được bảo đảm; cải cách hành chính, chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

1. Tình hình phát triển kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng GRDP quý III so cùng kỳ ước tăng 10,28% (đứng thứ nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đứng thứ 13/34 trong cả nước và cao hơn mức tăng trưởng chung cả nước 0,33% (GDP quý III cả nước 9,95%)). Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,54%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 26,27% (trong đó, công nghiệp tăng 12,89%; xây dựng tăng 53,24%); khu vực dịch vụ tăng 9,55% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,31%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, tăng trưởng GRDP so cùng kỳ ước đạt 9,23% (đứng thứ nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đứng thứ 16/34 trong cả nước và cao hơn mức tăng trưởng chung cả nước 0,22% (GDP 9 tháng cả nước 9,01%)). Trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,60%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 20,62% (trong đó, công nghiệp đạt 11,87%, xây dựng tăng 38,02%); Khu vực dịch vụ tăng 9,10% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 9,07%.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025			Kế hoạch năm 2026			Thực hiện năm 2026		
		6 tháng	9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	KB Quý III	KB 9 tháng	6 tháng	Quý III	Ước 9 tháng
Tăng trưởng GRDP (%)	%	8,01	7,96	8,39	10,71	11,26	9,71	8,63	10,28	9,23
1. Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	%	3,49	3,31	3,35	3,93	3,58	3,61	3,64	3,54	3,60

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025			Kế hoạch năm 2026			Thực hiện năm 2026		
		6 tháng	9 tháng	Cả năm	Kế hoạch	KB Quý III	KB 9 tháng	6 tháng	Quý III	Ước 9 tháng
2. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	11,64	12,27	12,88	21,52	24,60	19,75	17,18	26,27	20,62
Trong đó: Công nghiệp	%	*11,57*	*11,88*	*11.97*	*12,07*	*12,21*	*11,67*	*11,24*	*12,89*	*11,87*
3. Khu vực Dịch vụ	%	10,39	10,43	10,61	11,25	11,48	10,15	8,87	9,55	9,10
4. Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,75	7,25	7,10	9,54	8,15	9,46	9,81	7,31	9,07

1.2. Quản lý ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quý III/2026 ước đạt là 9.882,4 tỷ đồng, tăng 47,7% so với quý II/2026. Trong đó, thu nội địa 9.692 tỷ đồng, tăng 49% so với Quý II/2026 (*nếu loại trừ tiền sử dụng đất, hoạt động xổ số thì thu nội địa là 5.606,47 tỷ đồng, tăng 24% so với quý II/2026*); thu xuất nhập khẩu 190,4 tỷ đồng, tăng 1,9% so với quý II/2026.

Tổng thu ngân sách địa phương 9 tháng ước đạt[4] 25.253 tỷ đồng, đạt 78% so dự toán, tăng 35,9% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa ước đạt 24.701 tỷ đồng, đạt 77,6% so dự toán, tăng 36,1% so cùng kỳ (n*ếu loại trừ tiền thu không bao gồm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ước đạt 17.074 tỷ đồng, đạt 83,5% so dự toán và tăng 10,5%*); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 552 tỷ đồng, đạt 100,4% so dự toán và tăng 26,1% so cùng kỳ.

Thu tiền sử dụng đất 9 tháng đạt 46,4% dự toán, tăng 2,65 lần so cùng kỳ và bằng 62,4% kịch bản thu (*Số thu tiền sử dụng đất đã có quyết định giá đất, thông báo thu của Thuế tỉnh là 6.364.572 triệu đồng, trong đó đã thực hiện thu 2.780.496 triệu đồng, đạt 30,2% kịch bản thu; còn phải thực hiện thu 3.584.085 triệu đồng*). Tiến độ thu còn thấp chủ yếu do chậm xác định giá đất cụ thể, nhà đầu tư chậm cung cấp hồ sơ, một số cuộc đấu giá không có người tham gia hoặc phải xác định lại giá khởi điểm. Đáng chú ý, các nhà đầu tư còn chưa nộp 3.584 tỷ đồng dù đã có thông báo nộp[5], chủ yếu do khó khăn về tài chính. Nếu thu đầy đủ khoản này, tổng thu tiền sử dụng đất có thể đạt 7.853 tỷ đồng, bằng 85% dự toán HĐND tỉnh giao và cao hơn 15% Kịch bản thu.

[4] Bao gồm số dự kiến ghi thu - ghi chi số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do nhà đầu tư ứng trước được khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính đất đai phải nộp với tổng số tiền là 3.534.179 triệu đồng (trong đó Tiền sử dụng đất là 1.183.951 triệu đồng, Tiền thuê đất là 2.351.228 triệu đồng). Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 10553/BTC-QLCS ngày 20/7/2026: *"UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp số tiền nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp) vào dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và dự toán chi đầu tư phát triển để thực hiện giải phóng mặt bằng, trình HĐND cùng cấp quyết định."*. UBND tỉnh đang khẩn trương hoàn thiện các thủ tục để thực hiện ghi thu - ghi chi đối với nội dung này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

[5] Thông báo nộp nhưng nhà đầu tư chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính là 3.584 tỷ đồng, chủ yếu do một số nhà đầu tư gặp khó khăn về tài chính, chưa bố trí được nguồn vốn để nộp kịp thời. Trong đó, Công ty TNHH Mặt Trời PQ còn 1.072,1 tỷ đồng (Dự án Gateway 71,5 tỷ đồng; Dự án Bãi Đất Đỏ 832,3 tỷ đồng; Dự án Núi Ông Quán 168,3 tỷ đồng); Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phú Quốc (Dự án Housing) 1.865,6 tỷ đồng; Công ty Căn Nhà Mơ Ước - Cửu Long 646,2 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương quý III ước đạt 14.453,88 tỷ đồng. Trong đó, chi đầu tư 7.516,52 tỷ đồng; chi thường xuyên 6.937,37 tỷ đồng đồng. Lũy kế tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng ước đạt 37.349 tỷ đồng, đạt 62,4% dự toán và tăng 36,6% so cùng kỳ; trong đó, chi thường đầu tư phát triển 16.152 tỷ đồng, đạt 59,2% dự toán và tăng 85,5% so cùng kỳ; chi thường xuyên ước đạt 21.100,3 tỷ đồng, đạt 65% dự toán và giảm 8,7% so với cùng kỳ.

1.3. Hoạt động đầu tư

Về đầu tư công: Giá trị giải ngân đến ngày 30/9/2026 là 16.151.756/27.303.105 triệu đồng, đạt 59,16% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm *(nếu không tính phần vốn tiết kiệm 5%, đạt: 60,87%)*, đạt 55,90% Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung *(nếu không tính phần vốn tiết kiệm 5%, đạt 57,43%)*, đạt 57,86% kế hoạch vốn UBND tỉnh giao. Nếu được Thủ tướng Chính phủ xem xét giảm giá trị 2.228.247 triệu đồng *(Do các yếu tố ảnh hưởng khách quan[6] như được giao kế hoạch vốn thừa so với khả năng triển khai thực tế, dự án chưa được ký được hiệp định vay giữa Chính phủ Việt Nam và Nhà tài trợ và dự án có tỷ lệ giảm thầu nên không còn nhiệm vụ chi)* thì tỷ lệ giải ngân đạt 62,89% *(16.151.568/25.684.962 triệu đồng)*, trong đó nguồn vốn ngân sách trung ương đạt tỷ lệ 63,61% *(7.174.800/11.279.457 triệu đồng)* cao hơn tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách trung ương bình quân cả nước đạt 44,1%[7]..

Về tình hình thu hút đầu tư: Trong 9 tháng đầu năm, cấp mới cho 25 dự án với diện tích 208,40 ha, tổng vốn đăng ký 99.412 tỷ đồng (*bao gồm vốn đăng ký mới 11.626 tỷ đồng và vốn điều chỉnh tăng vốn 87.786 tỷ đồng).* Trong đó có 02 dự án FDI, với diện tích 4,01 ha, tổng vốn đăng ký 379,49 tỷ đồng), thực hiện điều chỉnh tăng vốn. Riêng quý III cấp mới 09 dự án với diện tích 32,84 ha, tổng vốn đăng ký 3.124 tỷ đồng.

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội quý III ước đạt 32.900 tỷ đồng; lũy kế 9 tháng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 80.416,8 tỷ đồng, đạt 70,9% kế hoạch năm (đạt 106,36% kịch bản[8]), góp phần tạo thêm nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt kế hoạch đầu tư công, thường xuyên chỉ đạo rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng, nguồn vật liệu xây dựng… để đẩy

---

6 (1) Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 đã được giao số vốn là 2.749.061 triệu đồng đảm bảo theo tổng mức đầu tư nhưng dự kiến thực tế giải ngân đạt 1.288.500 triệu đồng, vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng trong năm 1.449.061 triệu đồng; (2) 06 dự án trường dân tộc nội trú biên giới đất liền (gồm: dự án Trường PTDTNT TH&THCS Nhơn Hội; dự án Trường PTDTNT TH&THCS Phú Hữu; dự án Trường PTDTNT TH&THCS An Phú; dự án Trường PTDTNT TH&THCS Ba Chúc; dự án Trường PTDTNT TH&THCS Vĩnh Xương; dự án Trường PTDTNT TH&THCS Vĩnh Điều) dự kiến giải ngân đạt 600.130 triệu đồng, vốn còn lại không có nhu cầu sử dụng trong năm 605.130 triệu đồng đề xuất bố trí sang năm 2027 tiếp tục thực hiện.
(2) Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang: 115.000 triệu đồng đến nay Hiệp định vay vốn chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và Nhà tài trợ chưa được ký kết.
(3) Dự án Tuyến tránh Đường tỉnh 951 *(Đoạn từ Km8+550 đến Km15+950)*: 59.056 triệu đồng đấu thầu đạt tỷ lệ tiết kiệm cao. Số kinh phí dư thừa sau đấu thầu không còn nhiệm vụ chi.

2 Theo báo cáo số 818/BC-BTC ngày 02/10/2026 của Bộ Tài chính, lũy kế giải ngân cả nước đến hết ngày 30/9/2026 là 642.961,6 tỷ đồng, đạt 62,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó vốn NSTW là 164.315,3 tỷ đồng, đạt 44,1%, vốn NSĐP là 478.646,3 tỷ đồng, đạt 73,6%.

[8] Kịch bản quý III theo Kế hoạch số 419/KH-UBND là 75.608 tỷ đồng.

nhanh triển khai các dự án, nhất là công trình, dự án trọng điểm, công trình phục vụ Hội nghị APEC và các công trình an sinh xã hội[9].

1.4. Hoạt động ngân hàng

Đến cuối tháng 9/2026, vốn huy động tại địa phương ước đạt 199.800 tỷ đồng, đạt 102,49% kế hoạch, tăng 9,62% so cuối năm 2025; ước đến cuối tháng 9/2026, dư nợ tại địa bàn đạt 281.699 tỷ đồng, tăng 6,22% so với cuối năm 2025; tính chung, dư nợ tín dụng phục vụ nhu cầu của tổ chức, cá nhân (trong và ngoài địa bàn) đạt 286.500 tỷ đồng, tăng 5,16% so cuối năm 2025. Các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh tiếp cận vốn phục vụ sản xuất.

2. Tình hình sản xuất, kinh doanh

2.1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản

Về trồng trọt: Ước 9 tháng đầu năm tổng diện tích lúa xuống giống là 1.242.656 ha, đạt 92,53% kế hoạch bằng 92,46% so với cùng kỳ; diện tích ước thu hoạch 1.082.280 ha; sản lượng ước đạt gần 7,4 triệu tấn, đạt 84,11% kế hoạch và tăng 1,64% so cùng kỳ (*trong đó, sản lượng lúa chất lượng cao đạt 72,59%*). Cây bắp thu hoạch 4.959 ha, sản lượng là 60.039 tấn, đạt 83,59% so kế hoạch và tăng 0,37% so cùng kỳ; cây rau các loại, tổng diện tích thu hoạch 44.550 ha, sản lượng đạt 984.666 tấn, đạt 84,89% so kế hoạch và tăng 0,85% so với cùng kỳ.

Về chăn nuôi: tổng đàn gia súc, gia cầm 9 tháng đầu năm 2026: đàn trâu có 5.695 con, đạt 99,9% so kế hoạch và tăng 21,7% so với cùng kỳ; đàn bò có 58.226 con, đạt 98,7% so kế hoạch và tăng 3,1% so với cùng kỳ; đàn heo có 442.625 con, đạt 98,4% so kế hoạch 2026 và tăng 16,7% so với cùng kỳ; đàn gia cầm có 13.580 ngàn con, đạt 99,1% so kế hoạch 2026 và tăng 6,6% so với cùng kỳ; tổng sản lượng tổ yến 9 tháng khoảng 30,5 tấn, đạt 80,3% so kế hoạch và tăng 16,2% so với cùng kỳ.

Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 580 trang trại chăn nuôi, trong đó có 188 trang trại chăn nuôi heo/180.283 con (quy mô từ 50 con/trại); 173 trang trại chăn nuôi bò/5.065 con (quy mô từ 14 con/trại); 12 trang trại chăn nuôi trâu/215 con (quy mô từ 14 con/trại); 63 trang trại nuôi gà/1,72 triệu con và 144 trang trại nuôi vịt/778.032 con (quy mô từ 2.000 con/trại).

Về thủy sản: tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thuỷ sản 9 tháng ước đạt 1.288.477 tấn, đạt 77.48% so kế hoạch và tăng 9,9% so cùng kỳ (*trong đó: sản lượng khai thác là 302.518 tấn, đạt 70,09% so kế hoạch và tăng 2,8% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng là 985.959 tấn, đạt 80,07% so kế hoạch và tăng 12,3% so cùng kỳ).* Trong đó, quý III tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thuỷ sản là 477.955 tấn, tăng 10,17% so với cùng kỳ (*trong đó: sản lượng khai*

[9] Như: Các dự án tại Óc Eo; dự án thành phần 1, thuộc Dự án tuyến đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1); Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện dự án Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài) và làm việc về đầu tư các dự án giao thông kết nối với tuyến tránh TP. Long Xuyên; Kiểm tra tiến độ các dự án Cảng hành khách Rạch Giá, cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối An Biên - Rạch Giá và công tác giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận; Kiểm tra tiến độ các dự án Trường phổ thông nội trú tiểu học – trung học cơ sở và khảo sát đầu tư Trạm y tế tại xã biên giới Khánh Bình, Vĩnh Gia; công tác giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận, khảo sát các dự án phục vụ Hội nghị APEC 2027 trên địa bàn đặc khu Phú Quốc…

thác là 113.716 tấn, tăng 1,08% so với cùng kỳ và sản lượng nuôi trồng là 364.239 tấn, tăng 13,35% so với cùng kỳ).

Về chống khai thác IUU: tỉnh tiếp tục triển khai quyết liệt các nhiệm vụ theo Công điện số 34/CĐ-TTg ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh về thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác IUU.

Trong 9 tháng tổ chức 17 đợt tuần tra, kiểm soát, kiểm tra 277 lượt tàu; phát hiện 100 tàu vi phạm; lập biên bản vi phạm hành chính 89 tàu; ban hành 95 quyết định xử phạt đối với 84 tàu, tổng số tiền phạt 4,098 tỷ đồng.

Về lâm nghiệp, lực lượng Kiểm lâm phối hợp với chính quyền địa phương và các chủ rừng tổ chức tuần tra, truy quét 1.173 cuộc có 4.495 lượt người tham gia; tổ chức tuyên truyền pháp luật 230 cuộc với 5.349 lượt người tham gia (Chủ yếu tổ chức họp dân, tuyên truyền tại trường học, khu phố, ấp; chợ, cơ sở kinh doanh;…); trong 9 tháng đầu năm, qua công tác tuần tra, truy quét đã phát hiện và lập biên bản 52 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp[(10)] *(Giảm 02 vụ, giảm 3,70% so cùng kỳ)*; toàn tỉnh xảy ra 10 trường hợp cháy rừng *(giảm 05 trường hợp, 33,33% so với cùng kỳ)*, với diện tích cháy 15,24ha; chủ yếu cháy lướt lớp thực bì, rễ gốc tràm, không ảnh hưởng đến cây rừng. Các vụ cháy đều được dập tắt hoàn toàn, không để cháy lan. Tính đến nay tỷ lệ che phủ rừng đạt 8,73%, đạt 99,11% so với kế hoạch.

Công tác quản lý tài nguyên và môi trường: Công tác quản lý đất đai, định giá đất được tập trung thực hiện. Tổng số hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần xử lý là 179 hồ sơ; đã giải quyết 81 hồ sơ. Tổng số hồ sơ xác định giá đất là 129 hồ sơ; đã xử lý 34 hồ sơ. Giá trị định giá đất trong quý III khoảng 451 tỷ đồng, ước cả năm 2026 đạt 8.680 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch HĐND tỉnh giao. Văn phòng đăng ký đất đai đã in, phát hành 86.237 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức và cá nhân.

Công tác bảo vệ môi trường được tăng cường. Tiếp nhận 37 hồ sơ đánh giá tác động môi trường, đã tổ chức hội đồng và thông báo kết quả 16 hồ sơ, phê duyệt 04 hồ sơ; tiếp nhận 67 hồ sơ cấp giấy phép môi trường, đã cấp phép 22 hồ sơ. Phát hành 211 thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải công nghiệp với tổng số tiền trên 3,4 tỷ đồng. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường 08/12 đơn vị theo kế hoạch, xử phạt 02 đơn vị với tổng số tiền 50 triệu đồng; kiểm tra đột xuất 01 đơn vị, xử phạt 125 triệu đồng.

Công tác quản lý khoáng sản, tài nguyên nước tiếp tục được triển khai; trong 9 tháng tiếp nhận 125 lượt hồ sơ khoáng sản, đã trả kết quả 21 hồ sơ. Lĩnh vực tài nguyên nước tiếp nhận 402 lượt hồ sơ, đã giải quyết 252 hồ sơ, còn 150 hồ sơ đang thực hiện.

[(10)] Phá rừng trái pháp luật 16 vụ *(03/16 vụ vi phạm có dấu hiệu hình sự)*; Chiếm rừng 01 vụ; Khai thác rừng trái pháp luật 11 vụ; Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản 01 vụ; Tàng trữ, mua, bán, chế biến lâm sản trái pháp luật 03 vụ; Vận chuyển lâm sản trái pháp luật 08 vụ; Vi phạm các quy định của pháp luật về PCCCR gây ra cháy rừng 01 vụ; Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng 04 vụ; Vi phạm quy định về hồ sơ, thủ tục khai thác lâm sản có nguồn gốc hợp pháp 04 vụ; 01 vụ hai hành vi vi phạm gồm khai thác rừng trái pháp luật và vận chuyển lâm sản trái pháp luật; 01 vụ hai hành vi khai thác rừng trái pháp luật và vi phạm quy định về hồ sơ, thủ tục khai thác lâm sản có nguồn gốc hợp pháp.

UBND tỉnh ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của UBND tỉnh An Giang (Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 19/6/2026); ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 22/01/2026); kiện toàn Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thường xuyên cấp tỉnh trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản và thành lập Tổ giúp việc Hội đồng (Quyết định số 3531/QĐ-UBND ngày 23/7/2026); Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang (mỏ đá vôi Hang Cây Ớt và Xà Ngách, đá xây dựng Trà Đuốc Lớn) (Quyết định số 3977/QĐ-UBND ngày 12/8/2026).

Về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai: trong 9 tháng xảy ra 37 vụ sạt lở bờ kênh[11] với chiều dài 1.717 m, làm sụp bờ kè bảo vệ, sập 01 căn nhà và 02 băng tải lúa gạo của công ty, 17 căn nhà thông nông thôn và hư hỏng hoàn toàn 01 cây cầu sắt kết hợp với gỗ. Ước thiệt hại 18,994 tỷ đồng; làm 02 người chết; 03 người bị thương; xảy ra 77 vụ mưa, dông kèm lốc xoáy, gió giật mạnh làm thiệt hại 181 căn nhà...

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: đã thực hiện tổ chức tập huấn rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 cho 102 xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2020; quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổng hợp báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các biểu mẫu. Nội dung triển khai cụ thể: Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025; Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, một số văn bản khác có liên quan và Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh. Kết quả có 173 công chức xã tham dự, đạt kế hoạch đề ra. Kết quả thực hiện khảo sát công tác giảm nghèo năm 2026 tại 09 xã, phường[12]. Lũy kế đến nay đã thực hiện khảo sát được 15 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Về giải ngân các nguồn vốn đầu tư công thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đến ngày 28/8/2026 là 1.211/8.785 triệu đồng, đạt 13,79% so với số vốn kéo dài; trong đó ngân sách Trung ương giải ngân 0/4.572 triệu đồng. Nguồn vốn sự nghiệp đã giải ngân đến ngày 28/8/2026 là 6.865/198.423 triệu đồng, đạt 3,5% so với số vốn kéo dài, trong đó vốn ngân sách Trung ương giải ngân 6.294/174.528 triệu đồng, đạt 3,6% so với số vốn ngân sách Trung ương kéo dài.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc

[11] Ở các xã: Phú Lâm, Ba Chúc, Bình Mỹ, Vĩnh Thạnh Trung, Chợ Vàm, Ô Lâm, Tân An, Mỹ Đức, Hội An, Định Mỹ, Nhơn Hội, Bình Thạnh Đông, Châu Phú, Vĩnh Trạch, Châu Phong, Vĩnh Hòa, Nhơn Mỹ, Phú Hòa, An Châu, Óc Eo, Phú Hữu, Chợ Mới, Mỹ Hòa Hưng.

[12] Phú Hòa, Hội An, Phú Tân, Mỹ Đức, Bình Hòa, An Cư, Tịnh Biên, Long Phú, Châu Phong.

gia tỉnh An Giang; Quyết định số 3723/QĐ-UBND ngày 06/8/2026 về việc thành lập Tổ giúp việc cho Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh An Giang; Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 về việc đính chính nội dung Quyết định 3328/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh An Giang; Công văn số 2864/UBND-MTTQ ngày 28/7/2026 về việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030. Kết quả tự rà soát, đánh giá mức độ đạt 13 xã phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2026, dự kiến 03 xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (Phú Hòa, Mỹ Hòa Hưng và Kiên Lương).

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nguồn vốn đầu tư công đã giải ngân đến ngày 28/8/2026 là 24.624/85.526 triệu đồng, đạt 28,79% số vốn kéo dài; trong đó ngân sách Trung ương giải ngân 24.624/ 84.307 triệu đồng, đạt tỷ lệ 29,21% vốn ngân sách Trung ương kéo dài. Nguồn vốn sự nghiệp đã giải ngân đến ngày 28/8/2026 là 19.411/142.075 triệu đồng, đạt 13,7% số vốn kéo dài; trong đó vốn ngân sách Trung ương giải ngân 8.885/63.506 triệu đồng, đạt 14% số vốn ngân sách Trung ương kéo dài.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đợt 1 năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang cho 16 sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Kết quả có 15/16 sản phẩm đạt sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên[13], ước đạt 30% so với chỉ tiêu, kế hoạch năm 2026. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đã công nhận được 613 sản phẩm đạt hạng 3 sao trở lên[14]. Đến nay, UBND tỉnh đã có văn bản chấp thuận chủ trương chi giải thưởng cho 31 sản phẩm đạt hạng sao tại Công văn số 2342/UBND-MTQG ngày 24/6/2026.

Về cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, cụ thể như sau: Lúa là 344 mã số, với diện tích 22.060 ha; Cây ăn trái là 655 mã số, với diện tích là 9.290 ha; Rau màu 27 mã số, với diện tích là 447,5 ha; Cây công nghiệp 01 mã số, với diện tích là 10 ha; Cây dược liệu 02 mã số, với diện tích là 02 ha.

Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030": triển khai 08 mô hình trình diễn tại 08 xã, với tổng diện tích 398,16 ha, 98 hộ tham gia vụ Đông Xuân 2025 - 2026 và Hè Thu 2026.

2.2. Sản xuất công nghiệp - xây dựng

Về sản xuất công nghiệp: Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Chỉ số sản xuất công nghiệp quý III/2026 tăng 13,99% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm tăng 13,74% so cùng kỳ; trong đó: ngành khai khoáng tăng 14,36%; chế biến, chế tạo tăng 14,84%; sản xuất và phân phối điện tăng 6,19%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,25% so cùng kỳ năm trước. Một số sản phẩm tăng so cùng kỳ như sau: khai thác đá tăng 14,65%; thủy sản đông lạnh tăng 21,86%; sản phẩm gạo xay xát tăng 19,56%; sản phẩm

[13] Gồm 07 sản phẩm tiềm năng 5 sao, 01 sản phẩm 4 sao và 07 sản phẩm 3 sao.

[14] Gồm 14 sản phẩm đạt chuẩn 5 sao cấp quốc gia, 62 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 534 sản phẩm đạt hạng 3 sao và 03 sản phẩm tiềm năng hạng 5 sao), tính đến 31/8/2026 toàn tỉnh có 387 sản phẩm đạt hạng 3 sao trở lên còn thời hạn (6 sản phẩm đạt chuẩn 5 sao cấp quốc gia, 21 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 356 sản phẩm đạt hạng 3 sao và 03 sản phẩm tiềm năng hạng 5 sao.

quần áo may sẵn tăng tăng 18,48%; sản phẩm giày da tăng 11,97%; sản phẩm xi măng tăng 9,93%...

Công tác thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu được quan tâm, đến nay có 68 dự án đầu tư còn hiệu lực (trong đó, có 01 dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Vàm Cống với tổng vốn đầu tư 5.234,65 tỷ đồng và 67 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh), tổng vốn đăng ký của các dự án sản xuất, kinh doanh khoảng 14.215 tỷ đồng, với tổng diện tích đất cho thuê khoảng 225,5 ha, tạo việc làm cho khoảng 36.769 lao động.

Doanh thu doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tháng 9 ước đạt 1.584 tỷ đồng; lũy kế 9 tháng đạt 14.045 tỷ đồng, bằng 61% kế hoạch, tăng 2% so cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu tháng 9 đạt khoảng 51 triệu USD; lũy kế đạt 459 triệu USD, bằng 72% kế hoạch, giảm 0,4% so cùng kỳ.

Về hoạt động xây dựng: Về quy hoạch chung đô thị, đã hoàn thành 05/07 quy hoạch đô thị *(Rạch Giá, Long Xuyên, Châu Đốc, Tịnh Biên, Chi Lăng)*. Tổ chức công bố công khai Quy hoạch chung đô thị Rạch Giá, Chi Lăng, Tịnh Biên, Long Xuyên, Châu Đốc. Quy hoạch chung đô thị mới, đã tổ chức thông qua hội đồng thẩm định 09/17 gồm Châu Thành, Vĩnh Phong, Phú Tân, Châu Phú, Giồng Riềng, Kiên Lương, Thoại Sơn, Kiên Hải, An Châu. Quy hoạch chung xã và đặc khu, UBND cấp xã đã phê duyệt 42/67 quy hoạch.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 170/KH-UBND, ngày 05/11/2025 của UBND tỉnh tổ chức thực hiện các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết trên địa bàn đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang[15] và Kế hoạch số 374/KH-UBND ngày 09/7/2026 của UBND tỉnh về tổ chức lập quy hoạch phân khu các khu vực dự kiến lấn biển trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2030.

Chương trình phát triển nhà ở xã hội được đẩy mạnh. Trên địa bàn tỉnh An Giang đang thực hiện 07 dự án nhà ở xã hội[16]. Tính từ đầu năm 2026 đến nay hoàn thành 73 căn, nhà ở xã hội hình thành trong tương lai 790 căn *(dự án Phú Quý 751 căn, dự án Chợ Nông sản 39 căn)*.

2.3. Hoạt động thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu và du lịch

Về hoạt động thương mại: Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, chủ yếu nhờ sức mua tăng ở các nhóm hàng thiết yếu, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, đồ dùng gia đình và sự phục hồi của các hoạt động lưu trú, ăn uống, du lịch, vận tải, dịch vụ phục vụ đời sống. Tổng mức

---

[15] **(1)** QHPK Khu vực ven biển phía Tây Bắc *(thuộc phân khu 11),* đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000; **(2)** QHPK Khu vực Bãi Ông Lang - Cửa Cạn *(thuộc phân khu 3),* đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000; **(3)** QHPK Khu vực Bãi Trường (thuộc phân khu 2), đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000; **(4)** QHPK Bãi Sao *(thuộc Phân khu 5: Khu vực Bãi Sao)* tại An Thới, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2000); **(5)** QHPK Khu vực Phía Tây Vịnh Đầm *(thuộc phân khu 7),* đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000; **(6)** QHPK Rạch Vẹm (thuộc phân khu 10), đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000; **(7)** QHPK khu vực Gành Dầu (thuộc phân khu 10), đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, tỷ lệ 1/2.000; **(8)** QHPK Khu vực Bãi Vòng *(thuộc phân khu 4); **(9)*** QHPK Khu vực ven biển phía Đông *(thuộc phân khu 9).*

[16] (1) Nhà ở xã hội thấp tầng thuộc Khu đô thị mới Tây Sông Hậu; (2) Nhà ở xã hội - Khu đô thị Golden City An Giang; (3) Nhà ở công nhân Khu công nghiệp Bình Hòa; (4) Dự án Khu nhà ở xã hội thuộc dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Tràm; (5) Dự án Tuyến dân cư Đường số 2; (6) Dự án Khu dân cư Chợ nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá; (7) Dự án Khu đô thị Phú Cường Phú Quý.

bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng tăng 25,27% so với cùng kỳ[17]. Riêng quý III/2026 ước tăng 28,54% so với cùng kỳ.

Về hoạt động xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đạt 1.837,3 triệu USD, tăng 7,42% so với cùng kỳ và đạt 68,74% kế hoạch; riêng quý III ước đạt 658 triệu USD, tăng 7,53% so với cùng kỳ; Lũy kế 9 tháng ước đạt 872,5 triệu USD, tăng 57,09% so với cùng kỳ và đạt 104,71% kế hoạch; riêng quý III ước đạt 260,6 triệu USD, giảm 12,4% so với cùng kỳ

Về kinh tế biên mậu: Hoạt động kinh tế biên mậu cơ bản ổn định. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu 9 tháng ước đạt 832,187 triệu USD, giảm 16,32% so cùng kỳ; trong đó xuất khẩu 500,336 triệu USD, giảm 17,02% so cùng kỳ; nhập khẩu 331,852 triệu USD, giảm 15,25% so cùng kỳ.

Về hoạt động du lịch: Ngành Du lịch của tỉnh ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào chuỗi sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch chào đón Tết Nguyên đán 2026, lễ 30/4, Quốc tế Lao động 1/5 và Lễ Quốc Khánh 2/9 đã thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, trải nghiệm. Trong 9 tháng đầu năm 2026, tỉnh An Giang ước đón 23,48 triệu lượt khách tăng 18,04% so với cùng kỳ, đạt 93,9% kế hoạch (*trong đó, ước đón 1,94 triệu lượt khách quốc tế tăng 56,6% so với cùng kỳ, đạt 91,5% kế hoạch*); tổng thu từ du lịch ước đạt 57.922 tỷ đồng, tăng 38,2% so với cùng kỳ, đạt 82,7% kế hoạch năm[18]. Trong đó, Quý III, toàn tỉnh ước đón 6,83 triệu lượt khách, tăng 20,4% so với cùng kỳ (trong đó, ước đón 600.168 lượt khách quốc tế, tăng 81,9% so với cùng kỳ) ; tổng thu từ du lịch ước đạt 18.640 tỷ đồng, tăng 46,9% so với cùng kỳ.

Về hoạt động vận tải: Sản lượng vận chuyển hàng hóa 9 tháng đạt 68,76 triệu hàng hóa, tăng 18,35% so cùng kỳ và đạt 94,23% so kế hoạch; vận chuyển hành khách đạt 25,17 triệu hành khách, tăng 16,76% so cùng kỳ và đạt 79,61% so kế hoạch. Riêng tháng 9, sản lượng vận chuyển hàng hóa đạt 8,54 triệu tấn hàng hóa, tăng 16,19% so cùng kỳ; sản lượng vận chuyển hành khách đạt 33,6 triệu hành khách, tăng 11,28% so cùng kỳ.

Về tình hình phát triển doanh nghiệp: Trong Quý III năm 2026, từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/9/2026, toàn tỉnh có 917 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký 9.234 tỷ đồng; 142 doanh nghiệp hoạt động trở lại; 207 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh và 375 doanh nghiệp giải thể tự nguyện. Đến ngày 30/9/2026, toàn tỉnh có 3.812 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 25,39%; với tổng vốn đăng ký 25.423 tỷ đồng, tăng 3,15%; 578 doanh nghiệp hoạt động trở lại tăng 0,53% và 903 doanh nghiệp đăng ký giải thể tăng 56,45% so cùng kỳ. Lũy kế đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 19.322 doanh nghiệp đang hoạt động, với tổng vốn đăng ký 433.041,33 tỷ đồng.

Số doanh nghiệp giải thể tăng chủ yếu do tác động của chiến dịch "làm sạch mã số thuế", tháo gỡ điểm nghẽn trong kinh doanh theo chỉ đạo tại Công

---

[17] Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng ước đạt 234.527 tỷ đồng. Trong đó: Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 27,19%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 25,26%; doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tăng 18,61%; doanh thu Dịch vụ khác tăng 18,86% so cùng kỳ.

[18] Trong 9 tháng, đặc khu Phú Quốc ước đón 8,57 triệu lượt khách tăng 30,5% so với cùng kỳ (trong đó, ước đón 1,92 triệu lượt khách quốc tế tăng 60,2% so với cùng kỳ; tổng thu từ du lịch ước đạt 45.976 tỷ đồng tăng 47,7% so với cùng kỳ. Trong đó, quý III/2026, ước đón 2.797.765 lượt khách tăng 31,1% so với cùng kỳ (ước đón 597.078 lượt khách quốc tế, tăng 87,4% so với cùng kỳ); tổng thu từ du lịch ước đạt 14.469 tỷ đồng tăng 51,5% so với cùng kỳ.

văn số 9409/BTC-CT ngày 03/7/2026 của Bộ Tài chính và Công điện số 18/CĐ-CT ngày 13/7/2026 của Cục Thuế. Qua rà soát, các doanh nghiệp thực tế không còn hoạt động được hướng dẫn hoàn tất thủ tục giải thể, làm số doanh nghiệp giải thể được ghi nhận trong kỳ tăng.

Về công tác xúc tiến thương mại: Tổ chức đoàn công tác tham gia: Hội chợ Trung Quốc - ASEAN lần thứ 23 (CAEXPO 2026); Tuần lễ hàng Việt Nam tại Thái Lan 2026. Tham gia cùng đoàn công tác tỉnh dự Hội nghị tổng kết kết quả hợp tác giai đoạn 2022 - 2026 giữa tỉnh An Giang và tỉnh Champasak, Lào. Xây dựng Kế hoạch tổ chức tham gia Hội chợ Kết nối giao thương và quảng bá sản phẩm Việt Nam - Campuchia 2026, dự kiến từ ngày 14/10 - 17/10/2026 tại Trung tâm Hội nghị và Triển lãm Đảo Koh Pich, Thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia. Tổ chức Lễ ra mắt Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng An Giang với chủ đề "Không gian trải nghiệm bản sắc An Giang" kết hợp Lớp tập huấn "Đào tạo thực tiễn Thị trường Halal, phục vụ nguồn cung ứng APEC 2027" và thông tin kết nối thị trường Halal tại Siêu thị Halal Mart Phú Quốc. Tổ chức Không gian Kinh tế - Văn hóa "Phiên chợ Óc Eo và Trưng bày sản phẩm tiêu biểu của địa phương" trong khuôn khổ Tuần lễ Di sản văn hóa Óc Eo - Ba Thê năm 2026. Tham gia Chuỗi sự kiện kết nối chuỗi cung ứng hàng hóa quốc tế - VietNam International Sourcing 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tham gia Hội nghị phổ biến cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực triển khai Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2026 tại Đắk Lắk.

2.4. Xử lý các công trình, dự án tồn đọng, vướng mắc kéo dài và quản lý, sắp xếp, sử dụng tài sản công, trụ sở dôi dư

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính và Tỉnh ủy về sắp xếp, xử lý nhà, đất dôi dư sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, bố trí, khai thác và xử lý tài sản công, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án tồn đọng, kéo dài; ban hành các kế hoạch, thành lập tổ công tác, phân công nhiệm vụ, xác định lộ trình và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị.

Trên Hệ thống 751 của tỉnh có 474 dự án gặp khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài. Thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện các giải pháp theo quy định. Đồng thời, UBND tỉnh đã thành lập Tổ Công tác rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án tồn đọng, kéo dài trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 16/10/2025. Đến nay, tỉnh An Giang đã hoàn thành việc rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với 474/474 dự án tồn đọng, kéo dài trên hệ thống 751, đạt 100%. Thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương theo dõi, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án theo đúng quy định, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, qua đó khơi thông nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đến ngày 30/9/2026, toàn tỉnh có 7.014 cơ sở nhà, đất, trong đó 5.859 cơ sở giữ lại tiếp tục sử dụng ưu tiên chuyển đổi công năng phục vụ giáo dục, y tế, văn hóa và 1.155 cơ sở dôi dư đã phê duyệt phương án xử lý. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Bộ Tài chính và Tỉnh ủy về đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư, không để tài sản công bỏ trống, xuống cấp, gây lãng phí; các đơn vị đã tổ chức cho thuê và ký hợp đồng cho thuê ngắn hạn theo Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP là 111 cơ sở với tổng giá trị hợp đồng 55.191 triệu đồng. Cơ bản các cơ sở nhà, đất dôi dư đã tổ chức thực hiện theo đúng chỉ đạo, đảm bảo tiến độ và sẽ tiếp tục hoàn thành xử lý trong năm 2026 theo chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy.

3. Văn hóa, xã hội

3.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức Lễ khai giảng năm học mới 2026 - 2027 gắn với Lễ khánh thành các trường phổ thông nội trú liên cấp tại 03 xã biên giới đất liền giai đoạn 1[19]; hoàn thành phương án sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, giảm 618/1.296 trường, chiếm 47,7% tổng số trường; về đội ngũ, đã bố trí cán bộ quản lý giảm 845/3.055 người, nhân sự hỗ trợ giáo dục (kế toán, thủ quỹ, văn thư) giảm 417/1.536 người.

Công tác nâng cao chất lượng giáo dục được quan tâm, chú trọng giáo dục STEM/STEAM; tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe đầu năm học và khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, giáo dục hướng nghiệp và phát triển năng lực học sinh.

Trong 9 tháng đầu năm 2026, công tác giáo dục nghề nghiệp được triển khai bám sát mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh. Kết quả tuyển sinh, đào tạo đạt 30.493/40.000 người (Trong đó: trình độ Cao đẳng đạt 3.463 chỉ tiêu; trình độ Trung cấp đạt 5.329 chỉ tiêu; trình độ Sơ cấp đạt 2.906 chỉ tiêu; đào tạo dưới 03 tháng đạt 18.795 chỉ tiêu), tương đương 76,23% kế hoạch năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 74,75%, tiệm cận mục tiêu 75%, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 19,92%, còn 0,85 điểm % so với mục tiêu 20,77%.

Thực hiện chủ trương sắp xếp cơ sở giáo dục phổ thông, đến ngày 02/10/2026, toàn ngành có 678 trường học, trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Trong đó, có 660 trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập.

Tổng số trường đủ điều kiện công nhận chuẩn quốc gia theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT là 298/660 trường; tổng số trường đạt chuẩn quốc gia 175/298 trường, đạt tỷ lệ 58,72%[20]; có 142/250 trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 56,8%, đến thời điểm hiện tại, Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực

[19] Trường PTNT TH&THCS Giang Thành; Trường PTNT TH&THCS Vĩnh Gia; Trường PTNT TH&THCS Khánh An.

[20] trong đó cấp mầm non có 33/48 trường, đạt tỷ lệ 68,75%; cấp tiểu học có 36/58 trường, đạt tỷ lệ 62,07%; cấp trung học cơ sở có 56/98 trường, đạt tỷ lệ 57,14%; cấp trung học phổ thông có 50/94 trường, đạt tỷ lệ 53,19%.

hiện hoàn thành 90,16% kế hoạch năm 2026. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 có 37.809/38.252 thí sinh được công nhận tốt nghiệp, đạt 98,84%.

3.2. Y tế

Duy trì, đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động thu đúng, khám chữa bệnh và cấp cứu bệnh nhân tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh, trong 9 tháng tiếp nhận khám chữa bệnh cho trên 9,716 triệu lượt người tăng 2,6% so với cùng kỳ. Một số bệnh truyền nhiễm tăng so với cùng kỳ, nhất là tay chân miệng với 5.215 ca mắc (*tăng 2.308 ca so cùng kỳ*); bệnh Sốt xuất huyết có 6.679 ca mắc (*tăng 3.812 ca so cùng kỳ*)...; ghi nhận 06 trường hợp tử vong do các bệnh truyền nhiễm[21]. Công tác phòng, chống dịch bệnh, tiêm chủng và giám sát dịch tễ tiếp tục được tăng cường; 100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai bệnh án điện tử; 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện khám chữa bệnh BHYT; 100% trạm y tế triển khai thực hiện khám sàng lọc một số bệnh không lây nhiễm (như Tăng huyết áp, Đái tháo đường, COPD, Hen phế quản,...).

Trong 9 tháng thành lập 360 đoàn kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm; kiểm tra 7.925 cơ sở, có 94,92% cơ sở bảo đảm an toàn thực phẩm; xử phạt 83 cơ sở với số tiền 379,01 triệu đồng.

Thực hiện 9 tháng đầu năm, số bác sĩ/vạn dân đạt 13,12 bác sĩ (kế hoạch là 11,6), số giường bệnh/ vạn dân đạt 31,4 giường (kế hoạch là 31,8), tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,35%, vượt 0,2% kế hoạch quý III (95,15).

3.3. Lao động, người có công và an sinh xã hội

Về chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội: thực hiện Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 và Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện trợ giúp cho khoảng 428.780 đối tượng với kinh phí khoảng 1.325 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh và Công văn số 142/UBND-KGVX ngày 14/01/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND, đã thực hiện chúc thọ, mừng thọ cho 2.543 người cao tuổi nhân dịp tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 (trong đó, người cao tuổi thọ 90 tuổi là 2.365 người, người cao tuổi thọ 100 tuổi là 178 người) với tổng kinh phí chúc thọ khoảng 2.273 triệu đồng (bao gồm quà tặng và chi tiền mặt).

Trong 9 tháng đầu năm, đã hỗ trợ giải quyết việc làm cho 34.550 lao động[22], đạt 86,37% so với kế hoạch (trong đó, quý III hỗ trợ tạo việc làm cho 11.500 người). Trong 9 tháng, có 924 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*Nhật Bản: 620, Đài Loan: 230, Hàn Quốc: 14, thị trưởng khác: 60*); trong đó, quý III có 265 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Ban hành Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá

---

[21] Trong có: 01 ca Sốt xuất huyết, 01 ca Tay chân miệng, 01 ca bệnh dại và 01 ca viêm não mô cầu; 02 ca viêm não cấp (chưa rõ tác nhân).

[22] Trung tâm dịch vụ việc làm tư vấn giải quyết việc làm cho 9.456 lao động; hỗ trợ tạo việc làm từ công tác đào tạo nghề cho 11.412 lao động; dự án vay GQVL 12.758 lao động; lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 924 lao động.

học với tổng số số nhu cầu xây mới và sửa chữa là 110 căn, trong đó: xây mới 56 căn, sửa chữa 54 căn. Phê duyệt danh sách 145 đối tượng thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp hằng tháng và danh sách 03 đối tượng là con liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi thực hiện hỗ trợ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi gửi Bộ Nội vụ để Quỹ Thiện tâm - Tập đoàn Vingroup tặng quà tri ân nhân kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2027); lập danh sách 28 mẹ Việt Nam anh hùng đề nghị Quỹ Thiện Tâm Tập đoàn VinGroup trao quà nhân kỷ niệm 80 năm ngày thương binh liệt sĩ.

Phê duyệt danh sách tặng quà nhân dịp kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ theo Quyết định số 885/QĐ-CTN ngày 11/6/2026 của Chủ tịch nước với 25.246 người với số tiền trên 7,6 tỷ đồng; thực hiện tặng quà theo Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND đối với người có công giúp đỡ cách mạng của 102 xã, phường, đặc khu với 34.282 người với số tiền trên 27 tỷ đồng; Tham gia Đoàn công tác thực hiện nhiệm vụ ký kết hợp tác tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia, giai đoạn XXVI (mùa khô năm 2026 - 2027). Tổ chức Lễ truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước 05 "Bà Mẹ Việt Nam anh hùng" và tặng thưởng 02 Huân chương độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ; Lễ truy tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" trong thời kỳ kháng chiến (02 ông: Lâm Kiên Trì và Liệt sĩ Huỳnh Văn Thạnh).

Về quy tập hài cốt liệt sĩ (HCLS): Giai đoạn XXV (mùa khô 2025 - 2026) đã tìm kiếm, quy tập được 170 hài cốt liệt sĩ, có 01 hài cốt liệt sĩ xác định được danh tính (*trong tỉnh là : 42 HCLS (K92 = 27; K93 = 15); Tại Campuchia là 128 HCLS (K92 = 33; K93 = 95*)). Giai đoạn XXVI (mùa khô 2026 - 2027): Từ ngày 29/7/2026 đến ngày 07/10/2026 đã tìm kiếm, quy tập được 136 hài cốt liệt sĩ, có 01 hài cốt liệt sĩ xác định được danh tính (*Trong tỉnh là 96 HCLS (K92 = 73; K93 = 23); Tại Campuchia là 40 HCLS (K92 = 08; K93 = 32*)).

3.4. Văn hóa, thể thao

Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn toàn ngành Văn hóa và Thể thao từ tỉnh đến cơ sở triển khai công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức các hoạt động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, nhân dịp kỷ niệm của dân tộc và các sự kiện trọng đại của đất nước, của tỉnh, nổi bật như: Chương trình biểu diễn nghệ thuật đặc biệt với chủ đề "Xuân An Giang 2026" và bắn pháo hoa đón Giao thừa Xuân Bính Ngọ năm 2026; Lễ hội kỷ niệm 64 năm Ngày hy sinh của Anh hùng LLVTND Phan Thị Ràng (09/01/1962 - 09/01/2026); Lễ hội kỷ niệm 290 năm thành lập Tao đàn Chiêu Anh Các (1736 - 2026); Lễ tưởng niệm 46 năm ngày mất Chủ tịch Tôn Đức Thắng (14/02/1980 - 14/02/2026 âm lịch); Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương tại Đền thờ Quốc Tổ Hùng Vương, xã Tân Hiệp; các hoạt động kỷ niệm: 51 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2026), 101 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2026), 81 năm Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2026), Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2026), 138 năm Ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 - 20/8/2026),...

Bảo tàng tỉnh và Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng mở cửa thường xuyên phục vụ tốt nhu cầu tham quan, tìm hiểu của du khách trong và ngoài nước.

Bảo tàng tỉnh đã đón tiếp 1.862 lượt khách tham quan, trong đó Bảo tàng tỉnh cơ sở 01 đón tiếp 789 lượt khách (09 lượt khách quốc tế), Bảo tàng tỉnh cơ sở 02 đã đón tiếp 1.073 lượt khách (03 lượt khách quốc tế). Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng đón tiếp 6.944 lượt khách tham quan (84 lượt khách quốc tế).

Tổ chức thành công Lễ Bế mạc Đại hội Thể dục thể thao tỉnh An Giang lần thứ I, năm 2026, vào ngày 22/8/2026; tổ chức thành công Giải vô địch Cờ tướng trẻ xuất sắc quốc gia năm 2026, từ ngày 24/8 - 01/9/2026 tại An Giang. Thể thao thành tích cao, cử các vận động viên, chuyên gia tham dự các giải khu vực, toàn quốc và quốc tế, từ ngày 01/01/2026 đến ngày 08/9/2026), các bộ môn thể thao thành tích cao của An Giang đạt 623 huy chương gồm 164 HCV, 187 HCB và 272 HCĐ (31 huy chương quốc tế).

Về báo chí và truyền thông: UBND tỉnh ban hành Công văn tăng cường trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý cơ quan báo chí. Chỉ đạo các cơ quan báo chí tỉnh tăng cường trách nhiệm trong việc đề nghị cấp, đổi thẻ nhà báo và quản lý hoạt động của phóng viên; rà soát, thống kê các cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh; đồng thời ban hành công văn cung cấp thông tin thực thi pháp luật về quyền tác giả đối.

3.5. Khoa học và công nghệ

Về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN): Quản lý thực hiện 60 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (48 nhiệm vụ cấp tỉnh và 12 nhiệm vụ cấp cơ sở) bao gồm 29 nhiệm vụ đang triển khai, 15 nhiệm vụ đã tổ chức hội đồng đánh giá nghiệm thu, 02 nhiệm vụ trình UBND tỉnh dừng thực hiện, các nhiệm vụ còn lại đang tiến hành thủ tục hồ sơ ký hợp đồng; Thống nhất danh mục 178 đề xuất được phân thành 03 nhóm (khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số) và đang triển khai; việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã tạo ra những đột phá quan trọng, đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế "02 con số". Trong giai đoạn 2020 - 2025, trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đạt được, UBND tỉnh giao quyền sử dụng, ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu đối với 37 nhiệm vụ cấp tỉnh nghiệm thu đạt kết quả cao cho các cơ quan, đơn vị thụ hưởng và có liên quan trên địa bàn tỉnh. Tổ chức làm việc, khảo sát thực tế kết quả ứng dụng tại một số cơ quan, đơn vị về ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu đối với 37 nhiệm vụ cấp tỉnh đã nghiệm thu trong giai đoạn 2020 - 2025. 113/113 (100%) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sau khi nghiệm thu đã được các tổ chức ứng dụng và nhân rộng.

Về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay trên địa bàn tỉnh An Giang; công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong năm 2026 tỉnh An Giang; cụ thể hóa thành 03 nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược trình Bộ Khoa học và Công nghệ: (i) ứng dụng AI và IoT trong dự báo sâu bệnh, điều tiết tưới tiêu tự động phục vụ canh tác lúa chất lượng cao, phát thải thấp; (ii) xây dựng nền tảng dữ liệu y tế thông minh, triển khai bệnh án điện tử tích hợp AI hỗ trợ chẩn đoán; (iii) ứng dụng camera AI và UAV trong giám sát cháy rừng, tuần tra bảo vệ rừng và phát triển kinh tế tầng thấp tại Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

Tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh "Khoa học, công nghệ và ĐMST - Động lực phát triển kinh tế biển bền vững tỉnh An Giang"; Hội thảo khoa học "Giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh An Giang năm 2026 và định hướng cho những năm tiếp theo"; Tổ chức thành công Lễ chuyển giao mô hình khởi nghiệp sáng tạo tỉnh An Giang vào ngày 29/01/2026; "Chuỗi sự kiện Ngày hội khởi nghiệp tỉnh An Giang năm 2026"; ban hành Chương trình số 207/CTr-UBND ngày 16/4/2026 hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035, với nguồn lực dự kiến 120 tỷ đồng, làm nền tảng chính sách chung cho hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) xếp hạng 27/34 tỉnh, thành phố trên cả nước trong năm 2026. Nguyên nhân không đạt do chất lượng nguồn nhân lực mặt bằng chung của tỉnh còn thấp; việc thu hút FDI của địa phương còn hạn chế và hạ tầng công nghiệp chưa hoàn thiện.

Ban hành Chương trình số 208/CTr-UBND ngày 16/4/2026 về hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo đến năm 2030, định hướng hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tỉnh An Giang; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026. Hiện tỉnh đang hợp tác với Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong cả khu vực công và khu vực tư; phối hợp xây dựng, tư vấn triển khai các đề án, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ,...

UBND tỉnh đã ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang đến năm 2030 (Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 30/3/2026); Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ năm 2026 (Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 12/5/2026); Kế hoạch số 317/KH- UBND ngày 16/6/2026 về tiếp tục triển khai thực hiện Công điện số 38/CĐ-TTg ngày 05/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang. Phê duyệt hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ trong nước đối với 09 nhãn hiệu, 06 sáng chế của các tổ chức, cá nhân với tổng kinh phí: 252 triệu đồng. Tham mưu UBND tỉnh đăng ký bảo hộ trong nước[23] và ngoài nước[24] của các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện để được hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ là 528.000.000 đồng (Tờ trình số 8554/TTr-SKHCN ngày 22/9/2026).

Về kiến trúc, hạ tầng số, bảo đảm trang thiết bị cho chuyển đổi số: hạ tầng viễn thông đến nay Internet tốc độ cao đã được phủ tới 100% trung tâm xã, phường, đặc khu; Internet băng rộng di động 3G/4G/5G phủ sóng đến 100% khu phố, khóm, ấp. Tỷ lệ phủ mạng Internet băng rộng cố định và 3G/4G/5G đạt

[23] 25 nhãn hiệu, 03 sáng chế, 01 kiểu dáng công nghiệp
[24] 03 nhãn hiệu

100% các xã toàn tỉnh[25]. Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s đạt: 100%. Tỷ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 5G trên dân số đạt: 92%; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 82,86%.

Thực hiện theo Điều 1 Thông tư số 10/2024/TT-BTTTT ngày 13/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Ngưng hiệu lực thi hành một số nội dung của Thông tư số 03/2024/TT-BTTTT ngày 30/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Thông tư số 04/2024/TT-BTTTT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo đó, quy định kể từ ngày 16/9/2024, không cung cấp dịch vụ cho thiết bị đầu cuối thuê bao chỉ hỗ trợ tiêu chuẩn GSM (công nghệ di động 2G), trừ trường hợp cung cấp dịch vụ cho thiết bị đầu cuối thuê bao kết nối vào mạng GSM cho mục đích truyền, nhận dữ liệu giữa thiết bị với thiết bị (M2M) và chỉ cung cấp dịch vụ tại khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, nhà giàn DK, sẽ được thực hiện sau ngày 15/10/2026.

Về dữ liệu số: Tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Chiến lược dữ liệu của tỉnh An Giang[26]; Kế hoạch Phát triển dữ liệu phục vụ Chính quyền số tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2027; Khung kiến trúc số tỉnh An Giang; triển khai dự án Cổng dữ liệu số tỉnh An Giang. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 về ban hành Danh mục Dữ liệu chủ chuyên ngành, Dữ liệu dùng chung và Dữ liệu mở tỉnh An Giang. Tỉnh đã ban hành Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh An Giang (tại Quyết định số 3846/QĐ-UBND ngày 13/8/2026) theo yêu cầu tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/11/2025.

Ngày 01/10/2026, UBND tỉnh tổ chức Hội thảo Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2026 kết hợp triển lãm giải pháp chuyển đổi số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI); Tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, tổ chức Lễ ra mắt Trung tâm Điều hành thông minh (IOC). Tỉnh đang triển khai thí điểm một số ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong điều hành và thực thi công vụ.

3.6. Dân tộc, tôn giáo

Đời sống và sản xuất vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) tiếp tục duy trì ổn định, chuyển biến tích cực, góp phần vào tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Tổ chức 14 lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho hơn 720 lượt cán bộ, công chức (gồm 01 lớp tiếng Khmer với 200 học viên); tập huấn pháp luật về hôn nhân, dân số tại phường Chi Lăng và xã Nhơn Hội; tổ chức đoàn 35 đại biểu học tập kinh nghiệm về thực hiện Chương trình MTQG tại tỉnh Khánh Hòa và Lâm Đồng. Thực hiện đầy đủ chính sách đối với 643 lượt người có uy tín (tập huấn, đưa đoàn tham quan phía Bắc, cấp phát báo chí); vận động Nhân dân đồng thuận xây dựng Trường phổ thông nội trú liên cấp biên giới.

---

[25] Toàn tỉnh hiện có 5.491 vị trí cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động (BTS), bán kính phục vụ đạt 0,77 km. Trong đó, số trạm thu phát sóng thông tin di động 3G là 3.261 trạm, 4G là 5.451 trạm, 5G là 1.242 trạm. Trạm thu phát sóng thông tin di động 5G đạt 22,6%/ vị trí thu phát sóng được triển khai tại các khu vực trọng điểm, bao gồm: các khu dân cư; cụm công nghiệp; các khu vực biên đảo, khu sản xuất - chế biến; khu vực cửa khẩu, giao thương biên giới; bệnh viện, cơ sở y tế, trường học; khu du lịch; trung tâm hành chính. Hạ tầng viễn thông đáp ứng nhu cầu kết nối tốc độ cao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan Đảng và Nhà nước, đồng thời phục vụ nhu cầu thông tin liên lạc của người dân và doanh nghiệp.

[26] Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31/12/2025.

Tình hình an ninh, trật tự trong lĩnh vực tôn giáo trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định. Các tổ chức, chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Các lễ hội tôn giáo lớn trong thời gian qua được tổ chức an toàn, văn minh, thu hút đông đảo du khách và tín đồ, tạo động lực phát triển cho ngành du lịch tâm linh, dịch vụ - thương mại, vận tải và ẩm thực địa phương. Vận động các tổ chức tôn giáo phát huy nguồn lực xã hội hóa cho từ thiện, an sinh xã hội (xây nhà, làm cầu đường, khám chữa bệnh miễn phí, bếp ăn từ thiện).

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: tính đến ngày 28/8/2026 đã giải ngân nguồn vốn đầu tư công số tiền 9.585/33.845 triệu đồng, đạt 28,32% số vốn kéo dài; trong đó ngân sách Trung ương giải ngân 8.231/25.691 triệu đồng, đạt tỷ lệ 32,04% vốn ngân sách Trung ương kéo dài; vốn sự nghiệp đã giải ngân số tiền 42.620/208.222 triệu đồng, đạt 20,5% số vốn kéo dài; trong đó vốn ngân sách Trung ương giải ngân 39.674/183.086 triệu đồng, đạt 21,7% số vốn ngân sách Trung ương kéo dài.

4. Công tác tư pháp, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền

Về công tác tư pháp: Công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn tỉnh được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả, có nhiều chuyển biến tích cực. Các văn bản được ban hành cơ bản bảo đảm tiến độ, kịp thời cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Trong 9 tháng đầu năm trình HĐND tỉnh thông qua 47 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 99 Quyết định, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 16/4/2026 thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030" trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch số 208/KH-UBND ngày 20/4/2026 thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2026 - 2030" trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026. Toàn tỉnh có 1.828 Tổ hòa giải, đã tiếp nhận 3.002 vụ việc, đưa ra hòa giải 2.934, trường hợp hòa giải thành 2.530 vụ việc, tỷ lệ hòa giải thành đạt 86.2%.

Về công tác cải cách hành chính: Công tác cải cách hành chính (CCHC) tiếp tục được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai đồng bộ, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Trung ương, đã ban hành 61 văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính. Các nhiệm vụ CCHC cơ bản được triển khai bảo đảm tiến độ; đến hết quý III, đã hoàn thành 72/81 nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2026, đạt 88,9%. Công tác kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; công tác kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được chú trọng theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. 100% thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 90,1%, cấp kết quả điện tử đạt 90,14%, tái sử dụng dữ liệu đạt 94,01%. Chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được đẩy mạnh; toàn tỉnh cung cấp 2.154 dịch vụ công trực tuyến,

100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính được thực hiện điện tử, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền CCHC, đo lường sự hài lòng của người dân, cải thiện các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI và đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp được quan tâm thực hiện. Tỉnh đã tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS năm 2025 và Hội nghị tập huấn chuyên đề về CCHC theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến 102 xã, phường, đặc khu; tổ chức 06 lớp tập huấn về CCHC và văn hóa công vụ cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh, với 579 người tham gia, gồm 04 lớp cải cách hành chính (399 người) và 02 lớp văn hóa công vụ (180 người). Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và hiệu quả quản trị, điều hành; từng bước cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Về công tác triển khai dịch vụ công quốc gia: Hiện nay, trên địa bản tỉnh An Giang có 2.301 thủ tục hành chính (TTHC) được công khai (*gồm 1.885 thủ tục cấp tỉnh; 416 thủ tục cấp xã, phường, đặc khu*). Trong đó, dịch vụ công trực tuyến một phần có 1.137 dịch vụ; dịch vụ công trực tuyến toàn trình có 890 dịch vụ; tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn đạt 97,48%. An Giang đã tích hợp 92,85% dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình của tỉnh (2027 dịch vụ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia (riêng theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 14/7/2025, Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/7/2025, đạt tỷ lệ 100%).

Về xây dựng bộ máy chính quyền: Ban hành các văn bản triển khai Thông báo số 809-TB/TU ngày 25/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương quy định số lượng Phó Giám đốc sở và tương đương; khung số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, Phó Chi cục trưởng và tương đương thuộc sở; xây dựng kế hoạch sắp xếp đơn vị sư nghiệp theo Kết luận số 210-KL/TW, Nghị quyết số 105/NQ-CP và Chương trình hành động số 15-CTr/TU.

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 361/2025/NĐ-CP, UBND tỉnh ban hành Công văn số 552/UBND-TH, thống nhất phương pháp xác định danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực và hồ sơ thẩm định. Đến nay, 14/14 cơ quan chuyên môn, 02/02 tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh và 102/102 UBND xã, phường, đặc khu đã được phê duyệt danh mục và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, đạt 100%. Kết quả là cơ sở phục vụ tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm công chức.

Thực hiện Nghị định số 106/2020/NĐ-CP[27], UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với 14 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở ngành (tỷ lệ 100%) và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã (05 UBND xã).

Thực hiện Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3124/UBND-TH ngày 11/8/2026 triển khai thực hiện Nghị định số 232/2026/NĐ-CP. Đồng thời, thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp phân

[27] Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/09/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

quyền, ngày 23/9/2026, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 103/2026/QĐ-UBND về phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, qua đó tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức thực hiện theo thẩm quyền được phân cấp[28].

Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các Nghị định số 361/2025/NĐ-CP và 232/2026/NĐ-CP; hướng dẫn thống nhất những nội dung còn vướng mắc; tiếp nhận, rà soát hồ sơ, phê duyệt hoặc điều chỉnh theo thẩm quyền; tổng hợp kết quả, khó khăn, báo cáo Bộ Nội vụ; theo dõi việc cập nhật dữ liệu vị trí việc làm theo quy định.

Triển khai Nghị định số 231/2025/NĐ-CP, 259/2026/NĐ-CP, 154/2025/NĐ-CP, 233/2026/NĐ-CP, Thông tư số 15/2026/TT-BNV. Ban hành Quyết định: Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, xếp ngạch, nâng lương, nghỉ hưu cho trên 50 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức; Bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh An Giang (02 trường hợp); Phê duyệt danh sách tinh giản biên chế đợt 07 và 08 năm 2026 với 257 trường hợp (46 trường hợp đợt 07; 211 trường hợp đợt 08).

Tổ chức 28/45 lớp bồi dưỡng, tập huấn theo Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 22/6/2026 của UBND tỉnh với 2858 học viên là đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh, đại biểu HĐND cấp xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã, công chức, viên chức làm công tác cải cách hành chính, văn hóa công vụ, văn thư - lưu trữ, thanh niên và công chức, viên chức giữ chức vụ hoặc được quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã và cấp phòng ở cấp sở và tương đương.

Thực hiện thành công công tác bầu đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; trình HĐND tỉnh bầu 05 Phó Chủ tịch và 16 Ủy viên UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031; miễn nhiệm, bầu Ủy viên UBND tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2026 - 2031 đối với Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê chuẩn kết quả bầu 102 Chủ tịch, 205 Phó Chủ tịch UBND nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại 102 xã, phường, đặc khu.

Ban hành 02 Quyết định công nhận xã đảo thuộc tỉnh An Giang đối với xã Cù Lao Giêng và xã Mỹ Hòa Hưng, 03 Quyết định công nhận xã An toàn khu đối với các xã An Biên, Đông Thái và Tây Yên. Trình Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính tỉnh An Giang và hồ sơ Đề án phân loại đơn vị hành chính đặc khu Phú Quốc; Quyết định về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh An Giang; Điều chỉnh kết quả phân loại đơn vị hành chính đối với xã Chợ Vàm và An Phú tại Phụ lục kèm Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã. Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND tỉnh với 84 đại biểu tham dự; 08/22 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND cấp xã với 801 đại biểu tham dự.

---

[28] Thay thế Quyết định số 47/2026/QĐ-UBND về phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, qua đó tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị chủ động tổ chức thực hiện theo thẩm quyền được phân cấp).

5. Công tác thi hành án dân sự

Kết quả thi hành án dân sự 9 tháng như sau: Về việc: Tổng số giải quyết 58.201 việc; trong đó năm 2025 chuyển sang 27.717 việc (sau khi trừ số đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng), số thụ lý mới 30.484 việc. Trong tháng 9 đã thụ lý mới 3.442 việc. Tổng số phải thi hành 58.044 việc; trong đó, có điều kiện 40.629 việc (chiếm 70%), chưa có điều kiện 16.003 việc (chiếm 27,57%). Số việc giải quyết xong là 25.063 việc, đạt 61,39%. Trong tháng giải quyết xong 1.531 việc. Số việc chuyển tháng sau 32.981 việc.

Về tiền: Tổng số giải quyết 28.494.857.591 nghìn đồng; trong đó năm 2025 chuyển sang 18.210.403.332 nghìn đồng (sau khi trừ số đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng), số thụ lý mới 10.284.454.258 nghìn đồng. Trong tháng 9 đã thụ lý mới 951.381.734 nghìn đồng. Tổng số phải thi hành 27.585.057.414 nghìn đồng; trong đó, số có điều kiện thi hành 16.258.273.727 nghìn đồng (chiếm 58,94%); số chưa có điều kiện 8.211.049.200 nghìn đồng (chiếm 29,77%). Số tiền giải quyết xong là 5.521.813.272 nghìn đồng, đạt 33,96%. Trong tháng giải quyết xong 523.909.619 nghìn đồng. Số tiền chuyển tháng sau 22.063.244.142 nghìn đồng.

6. Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Về công tác thanh tra: trong 9 tháng đầu năm, đã triển khai trong kỳ 34 cuộc (12/12 cuộc theo kế hoạch, đạt 100%; 22 cuộc đột xuất), trong đó có 03 cuộc thanh tra chuyên đề theo chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ[29]. Đã kết thúc 20 cuộc, ban hành kết luận 23 kết luận thanh tra. Qua thanh tra phát hiện sai phạm kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 60.636 triệu đồng, xử lý khác 4.627 triệu đồng, xử lý hành chính đối với 35 tổ chức, 236 cá nhân và 203 kiến nghị chấn chỉnh về chủ trương; chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý 02 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự[30].

Về tiếp công dân: Ban Tiếp công dân tỉnh, các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu tiếp thường xuyên được 8.344 người, 23 đoàn đông người với 275 người. Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu tiếp định kỳ và đột xuất được 1.101 lượt 1.352 người (các kỳ còn lại không có công dân đến).

Công tác xử lý đơn: Tiếp nhận 10.041 đơn (đã xử lý 9.998 đơn, đang xử lý 43 đơn), đơn đủ điều kiện xử lý 8.538 đơn, không đủ điều kiện xử lý 1.460 đơn. Trong đó, đơn thuộc thẩm quyền là 4.473 đơn (1.167 đơn khiếu nại, 169

[29] 01 cuộc thanh tra chuyên đề về công tác quản lý, cấp phép, khai thác khoáng sản; 01 cuộc thanh tra việc quản lý, sử dụng đất công và cơ sở nhà đất dôi dư sau sắp xếp trên địa bàn tỉnh An Giang; 01 cuộc thanh tra các dự án có khó khăn, vướng mắc, tồn đọng kéo dài.

[30] (1) Vụ việc 02 đơn vị, doanh nghiệp khai thác vượt sản lượng 19.582.468 m3 so với giấy phép và 06 đơn vị, doanh nghiệp khai thác nước khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, gia hạn giấy phép với tổng sản lượng 142.247.875 m3, có dấu hiệu tội phạm về gây thất thoát, lãng phí nguồn tài nguyên nước, thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước; (2) Vụ việc Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang (trước sáp nhập) tổ chức ký 02 phụ lục hợp đồng khám chữa bệnh BHYT vào thời điểm tháng 10/2023 nhưng Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐKCB-BHYT ghi ngày 06/01/2022 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐKCB-BHYT ghi ngày 05/01/2023 giữa BHXH tỉnh Kiên Giang và Bệnh viện Bình An là có dấu hiệu hợp thức hóa hồ sơ tài liệu để được thanh toán chi phí KCB BHYT ngoại trú vào các ngày nghỉ, ngày lễ của Bệnh viện Bình An với số tiền 9,9 tỷ, hành vi này gây thiệt hại cho quỹ BHYT.

đơn tố cáo, 3.137 đơn kiến nghị, phản ánh); đơn không thuộc thẩm quyền 4.065 (hướng dẫn 1.125 chuyển đơn 2.940).

Về giải quyết khiếu nại, tố cáo: trong kỳ, đã giải quyết 348/1.144 đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đã thụ lý, đang giải quyết 796 đơn.

Về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; ban hành 14 kế hoạch và 04 công văn chỉ đạo thực hiện công tác PCTNTC trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch số 422/KH-UBND ngày 31/7/2026 sơ kết việc thực hiện Chiến lược quốc gia về PCTNTC đến năm 2030 giai đoạn thứ nhất (từ năm 2023 đến năm 2026) và tổ chức sơ kết theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ tại Kế hoạch số 2259/KH-TTCP ngày 14/7/2026. Qua thực hiện giai đoạn đầu của Chiến lược, tỉnh An Giang đã hoàn thành các mục tiêu chung và mục tiêu từng năm của công tác PCTNTC theo Kế hoạch (có Báo cáo số 805/BC-UBND ngày 28/8/2026).

Tổ chức đánh giá công tác PCTN của tỉnh năm 2025, kết quả đánh giá, tỉnh An Giang tự chấm đạt 76,96 điểm/100 điểm; tiến hành xác minh tài sản, thu nhập năm 2026, kết thúc đã ban hành Kết luận về xác minh tài sản, thu nhập đối với 58 người của 28 cơ quan, đơn vị, theo đó có 32/58 người kê khai trung thực, cơ bản đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập nhưng việc kê khai thông tin mô tả về tài sản và xác định giá trị tài sản không đầy đủ, không chính xác và 03/58 người kê khai và giải trình thu nhập tăng thêm không trung thực về tài sản, thu nhập.

Qua thanh tra đã phối hợp, chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra 02 vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (đã nêu tại kết quả công tác thanh tra). Tiếp tục theo dõi tiến độ điều tra 13 vụ việc (11 vụ việc của kỳ trước và 02 vụ mới chuyển trong năm 2026) có dấu hiệu tội phạm qua thanh tra chuyển sang cơ điều tra.

7. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Các lực lượng chức năng trên địa bàn tỉnh duy trì nghiêm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, theo dõi nắm chắc tình hình, nhất là tình hình trên tuyến biên giới, biển, đảo và địa bàn trọng điểm, các ngày lễ, kỷ niệm và các đoàn công tác. Tổ chức các hoạt động "Tết Quân - Dân" năm 2027. Tổ chức bàn giao 06 căn "Nhà Đồng đội", "Nhà Tình Đồng đội". Triển khai thực hiện "Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sỹ". Phát động Phong trào "3 Tiên phong quyết thắng" trong Thanh niên lực lượng vũ trang tỉnh giai đoạn 2025 - 2030.

Các lực lượng chức năng trên địa bàn tỉnh duy trì nghiêm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, theo dõi nắm chắc tình hình, nhất là tình hình trên tuyến biên giới, biển, đảo và địa bàn trọng điểm, các ngày lễ, kỷ niệm và các đoàn công tác. Tổ chức các hoạt động "Tết Quân-Dân" năm 2027. Tổ chức bàn giao 06 căn "Nhà Đồng đội", "Nhà Tình Đồng đội". Triển khai thực hiện "Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt

liệt sỹ". Phát động Phong trào "3 Tiên phong quyết thắng" trong Thanh niên lực lượng vũ trang tỉnh giai đoạn 2025 - 2030.

Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật được tập trung chỉ đạo, triển khai đồng bộ.

Trong 9 tháng đầu năm, tội phạm về trật tự xã hội phát hiện 1.242 vụ (giảm 263 vụ, tương đương 17,5% so với cùng kỳ); phát hiện 19 vụ tội phạm về tham nhũng, chức vụ (tăng 10 vụ); phát hiện 213 vụ tội phạm, vi phạm pháp luật về kinh tế (giảm 59 vụ); phát hiện bắt giữ, xử lý 866 vụ tội phạm về ma túy (tăng 326 vụ); phát hiện 158 vụ tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường (tăng 41 vụ); 18 vụ vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (tăng 08 vụ).

Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được quan tâm chỉ đạo, nhất là các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn cháy, nổ trong mùa khô, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Xảy ra 22 vụ (giảm 10 vụ), không có người chết (không tăng, giảm) làm bị thương 02 người (tăng 02 người) thiệt hại tài sản khoảng 8,7 tỷ đồng (giảm 0,6 tỷ đồng và 11,39 ha rừng). Nguyên nhân chủ yếu do sự cố điện, bất cẩn trong sử dụng lửa và các nguyên nhân khác. Xảy ra 01 vụ nổ, tăng 01 vụ, làm 07 người bị thương; thiệt hại đang được thống kê.

Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được tăng cường. Trong 9 tháng, xảy ra 300 vụ tai nạn giao thông (tăng 06 vụ), làm chết 200 người (giảm 10 người), bị thương 136 người (tăng 10 người). Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến vi phạm quy định về nồng độ cồn, tốc độ, vượt xe không đúng quy định và các nguyên nhân khác.

Hoạt động đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh triển khai trên nhiều lĩnh vực, như: đón tiếp 09 Đoàn đại biểu Tòa Hành chính các tỉnh giáp biên, lực lượng vũ trang Trung ương, Bộ Tư lệnh Hiến binh Hoàng gia[31] Vương quốc Campuchia và Đoàn lãnh đạo tỉnh Champasak, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang thăm, chúc Tết lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh An Giang; tổ chức 03 đoàn đại biểu đi thăm và chúc Tết cổ truyền Chôl - Chnăm - Thmây và Bunbimay năm 2026 đối với các Tỉnh, Lực lượng vũ trang của Vương quốc Campuchia và tỉnh Champasak, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; hội nghị ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa tỉnh An Giang và tỉnh Champasak, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2026 - 2030; phối hợp tổ chức tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ Quân tình nguyện và Chuyên gia Việt Nam trong mùa khô 2026 - 2027 với các tỉnh[32] thuộc Vương quốc Campuchia. Trong 9 tháng đầu năm, thực hiện thủ tục 64 đoàn ra với 253 lượt người (*trong đó, quý III thực hiện thủ tục 13 đoàn ra với 52 lượt người và 58 lượt người đi nước ngoài*); thực hiện thủ tục 131 đoàn vào với 1.016 lượt người nước ngoài; 14 đoàn công tác có yếu tố nước ngoài (48 người Việt Nam) đến hoạt động về lĩnh vực y tế, nông nghiệp và thăm các dự án đang triển khai tại địa phương; cấp phép 01 doanh nhân sử dụng thẻ đi lại doanh nhân APEC (thẻ ABTC). Tham gia Hội chợ Trung Quốc - ASEAN lần thứ 23 (CAEXPO 2026).

[31] Các tỉnh Koh Kong, Kandal, Takeo, Kampot, Kampong Chhnang, Kep, Preah Sihanouk.
[32] Kampot, Kep, Koh Kong, Preah Sihanouk, Kampong Speu và Takeo (Campuachia).

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong 9 tháng đầu năm 2026, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì xu hướng phát triển tích cực, có sự phục hồi và tăng trưởng khá trên nhiều lĩnh vực. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh ngày càng chủ động, linh hoạt, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026; kịp thời điều chỉnh kịch bản tăng trưởng, phân công nhiệm vụ theo tinh thần "06 rõ", tăng cường kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ khó khăn cho các ngành, địa phương, doanh nghiệp và các dự án trọng điểm.

Tỉnh tổ chức thành công Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư, trao quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 19 dự án, tổng vốn khoảng 66.952 tỷ đồng và 24 bản ghi nhớ hợp tác nghiên cứu, khảo sát đầu tư, tổng vốn dự kiến khoảng 1.500.000 tỷ đồng. Tỉnh tổ chức tiếp, làm việc với các Đoàn công tác của Trung ương về mục tiêu tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn và khảo sát các công trình, dự án phục vụ APEC 2027; phối hợp hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù và đẩy nhanh tiến độ các công trình phục vụ Hội nghị.

Đồng thời, tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 đồng bộ, kịp thời; sắp xếp các cơ sở giáo dục, giảm 613 đầu mối trường mầm non, phổ thông; phối hợp thẩm định Hồ sơ đề cử Di sản thế giới Khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê. Tỉnh tổ chức tìm kiếm, quy tập và hồi hương 18 hài cốt liệt sĩ tại tỉnh Kampot (Campuchia); tăng cường hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với CT Group và ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận hợp tác với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030. Đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tình hình tôn giáo ổn định; các lễ hội lớn diễn ra an toàn; công tác diễn tập, quốc phòng - an ninh, biên giới được bảo đảm.

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục duy trì xu hướng phát triển tích cực. Tăng trưởng GRDP 9 tháng đầu năm ước đạt 9,23%[33], đứng thứ nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đứng thứ 16/34 trong cả nước[34]. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,60%; công nghiệp và xây dựng tăng 20,62%; dịch vụ tăng 9,10%.

Thương mại, dịch vụ và du lịch tiếp tục là khu vực có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng. Du lịch tiếp tục là điểm sáng lượng khách du lịch đến trên địa bàn tăng 18%, trong đó khách quốc tế tăng 56,60%. Kết quả này cho thấy sức mua, nhu cầu dịch vụ và sức hấp dẫn du lịch của tỉnh tiếp tục được cải thiện.

Tỉnh tiếp tục triển khai các dự án trọng điểm, tháo gỡ khó khăn cho các dự án tồn đọng. Đặc biệt, tỉnh đã hoàn thành rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với 474/474 dự án tồn đọng, kéo dài, góp phần khơi thông nguồn lực và tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư trong thời gian tới.

Công tác chuẩn bị APEC 2027 được triển khai quyết liệt, tạo động lực mới cho đầu tư và phát triển hạ tầng. Tập trung triển khai Nghị quyết số 41/2026/QH16 của Quốc hội và Quyết định số 1679/QĐ-TTg của Thủ tướng

[33] GDP cả nước 9 tháng là 9,01%.

[34] GDP cả nước quý III là 9,95%. GDRP quý III tỉnh An Giang tăng 10,28%, là địa phương có mức tăng trưởng trên 10%, xếp hạng 13/34 cả nước.

Chính phủ tạo thêm cơ sở để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình phục vụ APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm. Công tác giáo dục, y tế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chính sách người có công và an sinh xã hội được triển khai kịp thời; 9 tháng đã hỗ trợ giải quyết việc làm cho 34.550 lao động, đạt 86,37% kế hoạch. Công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền tiếp tục được đẩy mạnh, tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn đạt 97,48%. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tư pháp, thanh tra, phòng chống tham nhũng, tiêu cực được triển khai đồng bộ; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vụ việc tồn đọng tiếp tục được quan tâm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, cụ thể như sau:

Trong tổng số 33 Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh và Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 16/01/2026 đề ra, có 07 chỉ tiêu vượt[35]; 07 chỉ tiêu đạt, đạt từ 75% trở lên[36]; 06 chỉ tiêu đạt thấp, đạt dưới 75%[37] và 13 chỉ tiêu cuối năm đánh giá[38].

Tốc độ tăng trưởng GRDP 9 tháng đạt 9,23%, dù đứng đầu Đồng bằng sông Cửu Long nhưng vẫn thấp hơn kịch bản mục tiêu quý III (9,71% trở lên), tạo áp lực rất lớn cho Quý IV (phải đạt từ 14,95%). Do các động lực tăng trưởng chưa phát huy đồng đều; một số ngành, lĩnh vực vẫn còn dư địa lớn nhưng chưa chuyển hóa được thành mức đóng góp tương xứng vào GRDP. Mục tiêu tăng trưởng "2 con số" (≥10,71%) đòi hỏi quy mô giải ngân vốn đầu tư toàn xã hội cực lớn, trong khi một số dự án lớn chưa bước vào giai đoạn đóng góp sản phẩm thương mại.

Giải ngân vốn đầu tư công còn thấp so với yêu cầu, 9 tháng đạt 59,16% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm *(nếu không tính phần vốn tiết kiệm 5%, đạt: 60,87%)*, đạt 55,90 % Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung *(nếu không tính phần vốn tiết kiệm 5%, đạt 57,43%)*, đạt 57,86% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao; nếu được Thủ tướng Chính phủ xem xét giảm giá

---

[35] Có 07 chỉ tiêu vượt gồm: (1) Tỷ lệ đô thị hóa 57,82%/46,5%; (2) dân số toàn tỉnh 3.855/3.700 nghìn dân; (3) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh 74,9/74,66; (4) Số bác sỹ trên vạn dân 13,2/11,6; (5) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số 95,35/95; (6) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội 18,86%/18,47%; (7) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn 94,6%/94%;

[36] Có 07 chỉ tiêu đạt, đạt từ 75% trở lên Nghị quyết năm, gồm: (1) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 25.253/32.362 tỷ đồng (đạt 78% NQ); (2) Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia 95,51%/99,51%; (3) Giải quyết việc làm mới 34.550/40.000 việc làm (đạt 86,38% NQ); (4) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo 74,75%/75% (đạt 75% NQ); (5) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung 95,4%/96%, Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 83%/83,28%; (6) Tỷ lệ che phủ rừng 8,73%/88%; (7) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý 100%/100.

[37] Có 06 chỉ tiêu đạt thấp, đạt dưới 75% Nghị quyết năm, gồm: (1) Quy mô kinh tế (Tổng sản phẩm trên địa bàn): 243.132,2 tỷ đồng/335.000 tỷ đồng *(đạt 72,58% NQ)*; (2) Tốc độ tăng GRDP (theo giá so sánh) 9,23/10,71%; (3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (giá hiện hành) 80.416,81tỷ đồng/113.500 tỷ đồng *(đạt 70,9% NQ)*; (4) Số giường bệnh trên vạn dân đạt thấp 31,4/31,8; (5) Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia 56,8%/63%; (6) Số nhà ở xã hội 73/921 căn (7,93% so NQ).

[38] Có 13 chỉ tiêu cuối năm đánh giá, gồm: (1) GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành); (2) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP; (3) Tỷ trọng tăng thêm của kinh tế số trong GRDP; (4) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, chỉ số chuyển đổi số DTI, chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương; (5) Chỉ số phát triển con người (HDI); (6) Tỷ lệ thất nghiệp; (7) Năng suất lao động theo giá so sánh; (8) Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều hằng năm; (9) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng; (10) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế; (11) Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; (12) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý; (13) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

trị 2.228.247 triệu đồng *(Do yếu tố ảnh hưởng khách quan)* thì tỷ lệ giải ngân đạt 62,89%. Tiến độ giải ngân còn bị ảnh hưởng bởi các vướng mắc kéo dài về bồi thường, giải phóng mặt bằng và nguồn vật liệu, nhất là tại các dự án trọng điểm, năng lực điều hành của một số chủ đầu tư và năng lực thi công của nhà thầu còn yếu.

Hoạt động xuất khẩu chưa đạt tiến độ đề ra; kim ngạch xuất khẩu 9 tháng đạt 68,74% kế hoạch; hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu cũng giảm so với cùng kỳ; số doanh nghiệp giải thể tăng 56,45% so với cùng kỳ, do một bộ phận doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh kém, khả năng chống chịu biến đổi thị trường yếu, năng lực cạnh tranh thấp.

Thu tiền sử dụng đất 9 tháng mới đạt 46,4% dự toán (đạt 62,4% kịch bản thu). Các nhà đầu tư còn chưa nộp tới 3.584 tỷ đồng dù đã nhận thông báo nộp thuế. Do chậm xác định giá đất cụ thể; nhà đầu tư chậm cung cấp hồ sơ; một số cuộc đấu giá không có người tham gia hoặc phải xác định lại giá khởi điểm; các nhà đầu tư gặp khó khăn về năng lực tài chính.

Tình hình dịch bệnh truyền nhiễm còn diễn biến phức tạp, số ca mắc tay chân miệng, sốt xuất huyết tăng so với cùng kỳ. Công tác phòng, chống thiên tai còn nhiều áp lực do xảy ra sạt lở, mưa dông, lốc xoáy gây thiệt hại về người và tài sản. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng về khoa học, công nghệ chưa tạo được sự đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội; điều kiện và khả năng khai thác, sử dụng các nền tảng, dịch vụ số của người dân (nói chung) vẫn còn hạn chế. Do điều kiện tiếp cận hạ tầng và kỹ năng khai thác, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến của một bộ phận người dân nói chung còn hạn chế; biến đổi khí hậu cực đoan và thời tiết mùa mưa bão gây nhiều áp lực cho công tác phòng, chống thiên tai và y tế dự phòng.

Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, một số loại tội phạm và vi phạm pháp luật tăng so với cùng kỳ, nhất là tội phạm về ma túy[39], môi trường, tham nhũng, chức vụ; tai nạn giao thông còn xảy ra nhiều, số vụ và số người bị thương tăng, do ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông chưa cao, nguyên nhân trực tiếp chủ yếu do vi phạm nồng độ cồn, chạy quá tốc độ và vượt xe sai quy định. Công tác phòng ngừa, đấu tranh được triển khai quyết liệt, song vẫn cần tiếp tục tăng cường các giải pháp phòng ngừa từ cơ sở, kiểm soát các địa bàn, đối tượng và lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Trong 3 tháng cuối năm, các ngành, các địa phương bám sát Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05/10/2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương; tập trung triển khai thực hiện nghiêm, đồng bộ và hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch

[39] Do thực hiện các đợt cao điểm đấu tranh trấn áp tội phạm ma túy nhằm hiện thực hóa các mục tiêu trong Đề án phòng, chống ma túy.

phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026; Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 27/6/2026 về cập nhật kịch bản tăng trưởng và giải pháp trọng tâm trong các quý còn lại để thực hiện mục tiêu tăng trưởng năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 30/12/2025, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 16/01/2026; Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 09/10/2026 của UBND tỉnh về Điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế quý IV, phấn đấu đạt kế hoạch tăng trưởng năm 2026 của tỉnh An Giang.

Quý IV là giai đoạn "nước rút", mang tính quyết định để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026; có những khó khăn, thách thức, thời cơ, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Theo yêu cầu của Chính phủ, các ngành, các địa phương tiếp tục đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả hơn nữa các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và của Chính phủ; tận dụng tối đa thời cơ, các yếu tố thuận lợi, khắc phục khó khăn, hạn chế, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, tạo đà bứt phá cho năm 2027 với tinh thần tăng tốc, hành động quyết liệt.

Tập trung cao nhất cho mục tiêu tăng trưởng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành quý IV; phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP quý IV đạt từ 14,95%, cả năm đạt 10,71%; gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; lấy hiệu quả thực chất của nền kinh tế, năng suất, sức cạnh tranh, sự phát triển của doanh nghiệp và việc làm, thu nhập, chất lượng cuộc sống của Nhân dân làm thước đo cho sự phát triển; đồng thời bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Trọng tâm thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chuẩn bị chu đáo nội dung kỳ họp HĐND tỉnh cuối năm, Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2027; quán triệt các nghị quyết, chỉ đạo; hoàn thiện tổ chức bộ máy, chính quyền địa phương 02 cấp

Tập trung chuẩn bị đầy đủ, kịp thời các nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm; đồng thời xây dựng, hoàn thiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027, bảo đảm bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và định hướng của Trung ương. Lấy kết quả giải ngân vốn đầu tư công và kết quả thực hiện kịch bản tăng trưởng quý IV làm căn cứ điều chuyển vốn, bố trí kế hoạch vốn và xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2027, với tinh thần tạo bứt phá cho năm 2027.

Quán triệt, triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh, nhất là Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05/10/2026 của Chính phủ; tập trung thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương và các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh nhằm hoàn thành cao nhất các

mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 221/NQ-CP ngày 09/8/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV; bảo đảm mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05/10/2026 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương và Nghị quyết 278/NQ-CP ngày 18/9/2026 về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9 năm 2026 và một số nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội thời gian tới.

Tập trung hoàn thành trong tháng 10 năm 2026 các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 221/NQ-CP: giải quyết dứt điểm tồn tại, vướng mắc sau sắp xếp, ưu tiên xử lý trụ sở, nhà đất, tài sản công dôi dư, hồ sơ lưu trữ, bảo đảm nhân lực, điều kiện hoạt động của cấp xã; rà soát phần mềm, nền tảng đang triển khai, xây dựng tiêu chí để áp dụng và ban hành hướng dẫn kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu, tạo điều kiện triển khai thành công mô hình chính quyền địa phương 02 cấp kết hợp với chuyển đổi số; cơ bản hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp, y tế, sự nghiệp khác; rà soát tình hình phân cấp, phân quyền và phân cấp thủ tục hành chính của Trung ương cho địa phương, đề xuất cụ thể những khó khăn, vướng mắc để bộ, ngành Trung ương xem xét, phối hợp giải quyết, báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 20/10/2026.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, vị trí việc làm; nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời chấn chỉnh tình trạng né tránh, đùn đẩy, giải quyết công việc chậm hoặc không đúng thẩm quyền.

2. Kiên định mục tiêu ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, hoàn thành cao nhất các mục tiêu năm 2026 theo kịch bản tăng trưởng quý IV

Theo số liệu tổng hợp sơ bộ của Chính phủ, GRDP 9 tháng của tỉnh tăng 9,23%; để cả năm đạt 10,71%, tốc độ tăng trưởng quý IV phải đạt từ 14,95%, cao hơn nhiều so với kịch bản tăng trưởng quý IV của cả nước *(GDP tăng 12,50%; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 3,80%, khu vực công nghiệp và xây dựng 14,1%, khu vực dịch vụ 13,4%)*. Vì vậy, các ngành, lĩnh vực, địa phương chưa đạt kịch bản phải có giải pháp cụ thể, tập trung chỉ đạo, điều hành, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026.

Rà soát toàn bộ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026; có giải pháp cụ thể, quyết liệt đối với chỉ tiêu thực hiện thấp, có khả năng không đạt mục tiêu và các nhiệm vụ chậm tiến độ, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất. Trên cơ sở kịch bản tăng trưởng quý IV của các ngành, lĩnh vực, địa phương, từng ngành, từng địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cơ quan thực hiện; rà soát, xác định các động lực, dư địa tăng trưởng những tháng cuối năm; quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền và kịp thời tham mưu, đề xuất những vấn đề vượt thẩm quyền; thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ

tiêu quý IV và cả năm, nhất là những ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu đạt thấp.

Tiếp tục theo dõi sát diễn biến kinh tế trong nước và quốc tế, chủ động các kịch bản tăng trưởng; tập trung vào các ngành, lĩnh vực có khả năng đóng góp lớn vào tăng trưởng quý IV. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng sản xuất, kinh doanh, đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; nâng cao công suất các dự án đang hoạt động; đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế. Tăng cường xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, sử dụng hiệu quả đất đai, lao động và tài nguyên.

Xác định rõ các dự án có khả năng sớm hoàn thành, đưa vào khai thác và các doanh nghiệp có khả năng mở rộng sản xuất, kinh doanh để tập trung tháo gỡ khó khăn, đôn đốc thực hiện. Tiếp tục chỉ đạo, bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được điều chỉnh), bảo đảm đồng bộ, thống nhất; phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn về nguyên liệu, thị trường và thủ tục đầu tư đối với dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2026, sớm hình thành năng lực sản xuất mới.

Tập trung thu hoạch các vụ sản xuất cuối năm; đẩy mạnh liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; mở rộng vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Triển khai hiệu quả Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục triển khai hiệu quả kịch bản tăng trưởng ngành Nông nghiệp *(theo kịch bản quý IV của cả nước, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tối thiểu cần tăng 3,80% và phấn đấu cao hơn)*; tập trung sản xuất và thu hoạch 03 tháng cuối năm; chủ động ứng phó nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn sâu, bảo vệ sản xuất vụ Đông Xuân 2026 - 2027; duy trì ổn định quy mô đàn chăn nuôi, hỗ trợ tái đàn gia súc, gia cầm, phát triển nuôi trồng thủy sản. Theo dõi chặt chẽ tác động của El Nino, tình hình khí tượng thủy văn, nguồn nước để chủ động chỉ đạo tích trữ nước cuối mùa lũ phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.

Thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); tăng cường kiểm tra, kiểm soát tàu cá, truy xuất nguồn gốc thủy sản và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

3. Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, xử lý dứt điểm dự án tồn đọng, tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng; chuẩn bị APEC 2027; tăng cường thu ngân sách

Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 13/3/2026 của UBND tỉnh và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ; phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026. Rà soát toàn bộ danh mục dự án, phân loại

theo khả năng giải ngân trong quý IV; tập trung vốn, nhân lực và thời gian cho các dự án có khối lượng hoàn thành lớn, có khả năng giải ngân nhanh.

Phấn đấu đến ngày 31/01/2027 giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao, trong đó tập trung giải ngân tốt cả vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, gắn việc giải ngân với việc hoàn thành khối lượng. Khẩn trương lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng hoàn thành, không để dồn khối lượng giải ngân vào cuối năm; kiên quyết điều chuyển vốn từ dự án giải ngân chậm sang dự án giải ngân tốt có nhu cầu sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ vốn tạm ứng, bảo đảm tạm ứng phù hợp với tiến độ dự án, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đẩy nhanh thu hồi tạm ứng, không để xảy ra tạm ứng quá hạn; cập nhật đầy đủ dữ liệu phục vụ chấm điểm giải ngân.

Tăng cường kiểm tra hiện trường, xử lý ngay các khó khăn về giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, đất đai, vật liệu xây dựng, hồ sơ thanh toán; thực hiện nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả". Đối với dự án chậm tiến độ do nguyên nhân chủ quan, xác định trách nhiệm của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các cơ quan liên quan; kịp thời điều chuyển vốn đối với các dự án không có khả năng giải ngân theo tiến độ.

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 53/CĐ-TTg ngày 12/8/2026: tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, đôn đốc chủ đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh thi công, bảo đảm hoàn thành các dự án theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn trong vận hành, khai thác. Kịp thời rà soát, cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng sát diễn biến thị trường, phục vụ triển khai các dự án; có phương án xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng, vướng mắc kéo dài, nhất là các dự án giao thông, năng lượng, hạ tầng lớn.

Đặc biệt tập trung chỉ đạo dự án thành phần 1 thuộc dự án cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 do tỉnh là cơ quan có thẩm quyền: kế hoạch vốn ngân sách trung ương là 2.749,1 tỷ đồng, đến hết ngày 30/9/2026 mới giải ngân 269,0 tỷ đồng, đạt 9,80% (Phụ lục III Nghị quyết số 312/NQ-CP); cần có giải pháp cụ thể, quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh toán và giải ngân trong quý IV.

Khẩn trương rà soát, phân loại, xác định rõ nguyên nhân và phương án xử lý đối với các dự án, công trình tồn đọng, kéo dài. Thực hiện cơ chế "luồng xanh" đối với hồ sơ, thủ tục liên quan đến công tác chuẩn bị, đầu tư, thi công các công trình, dự án phục vụ Hội nghị cấp cao APEC 2027, bảo đảm đúng quy định pháp luật và tiến độ được giao theo Văn bản số 3221/UBND-KT ngày 17/8/2026 của UBND tỉnh.

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 58/CĐ-TTg ngày 22/8/2026: khẩn trương cung cấp đầy đủ thông tin (tình hình triển khai, khó khăn, vướng mắc cụ thể dẫn đến chưa thể tiếp tục triển khai; xác định lĩnh vực, căn cứ pháp lý cụ thể; đề xuất rõ giải pháp, cơ chế, chính sách, cấp thẩm quyền xử lý để giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của dự án) đến bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, đồng gửi Bộ Tài chính để phối hợp, theo dõi các dự án đề xuất Trung ương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 29/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai, trật tự xây dựng, hành lang an toàn đường bộ và trật tự đô thị.

Đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch còn lại; hoàn thiện quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tại đặc khu Phú Quốc theo kế hoạch. Tập trung xử lý hồ sơ đất đai, định giá đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; rà soát, xử lý các khu đất, nhà đất dôi dư và các dự án tồn đọng, kéo dài. Tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng; chủ động giải quyết các vướng mắc ngay từ cơ sở.

Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản và xây dựng; bảo đảm thực hiện đúng chỉ tiêu được phân bổ tại quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt. Đẩy nhanh đo đạc, lập hồ sơ địa chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; tập trung xử lý hồ sơ tồn đọng về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, cập nhật số liệu về tài nguyên, trữ lượng, tình trạng cấp phép, công suất khai thác và khả năng cung ứng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, gửi Bộ Công Thương để tổng hợp, điều phối. Kịp thời giải quyết các thủ tục thuộc thẩm quyền, xử lý khó khăn, vướng mắc đối với nguồn vật liệu phục vụ công trình, dự án trọng điểm; tăng cường bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác trái phép.

Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, đất đai; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Tham mưu UBND tỉnh thống kê, tổng hợp dữ liệu đất đai đồng bộ với hệ thống dữ liệu quốc gia về đất đai.

Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 41/2026/QH16 và Quyết định số 1679/QĐ-TTg. Tập trung nguồn lực hoàn thành các dự án, công trình phục vụ APEC 2027 theo đúng tiến độ; chủ động xử lý các khó khăn phát sinh về đất đai, đầu tư, xây dựng, giải phóng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách đặc thù đã được cấp có thẩm quyền ban hành; tăng cường phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để tháo gỡ các vấn đề vượt thẩm quyền. Đồng thời, chuẩn bị đồng bộ các điều kiện về hạ tầng, đô thị, môi trường, y tế, giao thông, an ninh, đối ngoại, thông tin truyền thông và các điều kiện phục vụ tổ chức Hội nghị. Phối hợp chuẩn bị chu đáo Tuần lễ du lịch cấp cao APEC tại Phú Quốc theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch.

Đẩy nhanh tiến độ rà soát, xử lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nhà, đất dôi dư sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; tăng cường quản lý chặt chẽ tài sản công sau sáp nhập, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí tài sản công. Việc kiểm kê, lập phương án xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư phải bảo đảm không để xuống cấp, lãng phí.

Tiếp tục điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, chặt chẽ, hiệu quả; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách. Rà soát các nguồn thu còn dư địa, nhất là thu từ đất đai, hoạt động sản xuất kinh doanh, thương

mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu; tăng cường chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Đẩy nhanh xác định giá đất, hoàn thiện hồ sơ các dự án có nghĩa vụ tài chính về đất; tăng cường quản lý tài sản công, đất công và các nguồn lực thuộc ngân sách nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, các nhiệm vụ cấp thiết và các công trình, dự án trọng điểm, an sinh xã hội, cải cách tiền lương và các nhiệm vụ cấp bách.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí còn phù hợp; điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Quan tâm, bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực tài chính để triển khai đồng bộ, hiệu quả chính sách an sinh xã hội do Chính phủ ban hành, nhất là các chính sách áp dụng từ ngày 01/7/2026 như trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nợ, chậm chi trả chính sách.

Phối hợp Bộ Tài chính rà soát, cập nhật, hoàn thiện kết quả Tổng kiểm kê tài sản công của tỉnh, bảo đảm đúng, đầy đủ yêu cầu về phạm vi, đối tượng, nguyên tắc và thời điểm kiểm kê, để công bố kết quả Tổng kiểm kê tại thời điểm ngày 01/01/2026 theo quy định chậm nhất trong tháng 10 năm 2026.

4. Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp; phát triển thị trường trong nước, xuất khẩu và du lịch

Tăng cường đối thoại, nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp; chủ động tháo gỡ khó khăn về đất đai, tín dụng, thủ tục đầu tư, lao động, thị trường và các điều kiện sản xuất kinh doanh. Theo dõi sát tình hình sản xuất công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có đóng góp lớn cho tăng trưởng; hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, mở rộng sản xuất và khai thác công suất. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; tập trung các dự án có quy mô lớn, công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng, logistics, du lịch, đô thị và nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và các bản ghi nhớ hợp tác.

Tăng cường kết nối doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, ổn định thị trường, bảo đảm cung - cầu hàng hóa, năng lượng trong các tháng cuối năm. Thực hiện nghiêm yêu cầu của Chính phủ về xử lý kiến nghị của doanh nghiệp: khẩn trương xử lý dứt điểm, kịp thời thông báo kết quả xử lý tới doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp đối với các kiến nghị thuộc thẩm quyền; trước ngày 25 hằng tháng gửi kết quả xử lý kiến nghị của doanh nghiệp về Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để tổng hợp chung.

Rà soát, cập nhật số liệu về triển khai các dự án nguồn và lưới điện được phê duyệt tại Quy hoạch điện VIII; chịu trách nhiệm về tính chính xác, kết quả thực hiện, bảo đảm an ninh năng lượng theo Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị, gửi Bộ Công Thương trong tháng 10 năm 2026 để tổng hợp, điều phối. Khẩn trương triển khai hỗ trợ phát triển điện mặt trời mái nhà và các biện pháp tiết kiệm năng lượng theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30/3/2026 của Thủ tướng

Chính phủ.

Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp được thành lập trước ngày 01/7/2025 trên địa bàn bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định của pháp luật; phấn đấu đến hết năm 2026 có trên 80% số doanh nghiệp hoàn thành việc bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.

Tận dụng nhu cầu tiêu dùng và mùa cao điểm cuối năm để kích cầu thương mại, dịch vụ; tổ chức các chương trình kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm địa phương. Tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh; phát huy hiệu quả liên kết thương mại - du lịch, khai thác tốt thị trường khu vực nông thôn, biên giới và các địa bàn có lợi thế.

Triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng, khuyến mại tập trung gắn với các dịp lễ, Tết và mùa mua sắm cuối năm; tăng cường kết nối cung - cầu, mở rộng kênh phân phối, thương mại điện tử, hỗ trợ tiêu thụ hàng Việt Nam gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Nắm chắc tình hình sản xuất, lưu thông và giá cả các mặt hàng thiết yếu, chiến lược, bảo đảm nguồn hàng, lưu thông thông suốt, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá, đầu cơ, "găm hàng"; phối hợp theo dõi sát diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI), giá cả thị trường, nhất là các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu; chủ động bảo đảm nguồn cung xăng dầu đầy đủ, không để xảy ra đứt gãy, tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong kinh doanh xăng dầu.

Tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA), chủ động cập nhật các tiêu chuẩn, quy định của thị trường nhập khẩu để hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng. Tập trung các giải pháp nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu; tháo gỡ khó khăn về logistics, chi phí vận chuyển và thủ tục xuất nhập khẩu.

Tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khai thác hiệu quả các FTA đã có hiệu lực, xúc tiến thương mại biên giới và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu sang Nam Mỹ, Trung Đông..., phát triển thương mại cân bằng, bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp dệt may, da giày, gỗ duy trì đơn hàng, đa dạng hóa thị trường. Khẩn trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) đã phân cấp cho địa phương theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 262/NQ-CP ngày 05/9/2026.

Đẩy mạnh kích cầu và xúc tiến, quảng bá du lịch; phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với lợi thế biển, đảo, sinh thái và văn hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường liên kết phát triển du lịch, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế, góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực dịch vụ. Tiếp tục phát huy tiềm năng du lịch, nhất là Phú Quốc; nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng lưu trú và chi tiêu của du khách; chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ mùa du lịch cuối năm và APEC 2027.

Tiếp tục phát huy, đổi mới, nâng cao giá trị các sản phẩm du lịch hiện có trên cơ sở ứng dụng công nghệ, khai thác chiều sâu giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan và bản sắc của điểm đến, tạo thêm sức hấp dẫn, khả năng lan tỏa, giá trị

gia tăng cho sản phẩm; hoàn thiện các sản phẩm du lịch đang được xây dựng, bảo đảm có tính đặc trưng, khác biệt, khả năng cạnh tranh, phù hợp thị trường. Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoàn thiện kịch bản phát triển du lịch quý IV năm 2026 *(kịch bản quý IV của cả nước, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 22,9%)*; chuẩn bị sớm các sự kiện lớn trong năm 2027 như Năm hợp tác du lịch Việt - Trung, Tuần lễ du lịch cấp cao APEC tại Phú Quốc theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch. Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới và Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 07/9/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW.

5. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống văn bản thuộc thẩm quyền địa phương.

Hoàn thiện, bảo đảm chất lượng kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo ý kiến chỉ đạo, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Phiên họp tháng 9 năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật và Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn, trước hạn; khắc phục các hồ sơ trễ hạn, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, tài nguyên, đầu tư và xây dựng. Đẩy nhanh việc hoàn thiện, kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu; mở rộng dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, đẩy mạnh cải cách hành chính. Tập trung khắc phục các chỉ số thành phần còn hạn chế, cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải cách hành chính (PAR INDEX), mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; khắc phục các điểm nghẽn về kết nối, chia sẻ dữ liệu và giải quyết thủ tục liên thông.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; đổi mới phương thức quản trị, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và các nền tảng số dùng chung. Đẩy mạnh phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với học tập suốt đời và phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng.

Phát huy hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao, nhất là nghiên cứu, đánh giá đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tăng cường ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển nhân

lực chất lượng cao

Triển khai hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương.

6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân; nâng cao chất lượng y tế, giáo dục

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, người có công, bảo trợ xã hội, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế; tập trung giải ngân các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là các chương trình có tỷ lệ giải ngân còn thấp. Đẩy mạnh giải quyết việc làm, đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường; hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; quan tâm các nhóm lao động yếu thế và người có hoàn cảnh khó khăn.

Tiếp tục triển khai hiệu quả "Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ"; đẩy mạnh nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện thông tin hồ sơ về mộ liệt sĩ, mộ liệt sĩ tập thể, bảo đảm khoa học, khả thi; tham gia hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia; khẩn trương trình HĐND tỉnh ban hành đầy đủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, tỷ lệ vốn đối ứng thuộc thẩm quyền; hoàn thành phân bổ, giao dự toán năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (trường hợp chưa hoàn thành, báo cáo rõ số chưa phân bổ, nguyên nhân, trách nhiệm và cam kết thời hạn hoàn thành), bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người dân. Chủ động xây dựng giải pháp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm giải ngân hết 100% vốn ngân sách nhà nước năm 2025 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026 và kế hoạch, dự toán đã được giao trong năm 2026. Tập trung triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, tạo sự chuyển biến thực chất, hiệu quả trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu đào tạo nghề và nâng tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 63% vào cuối năm 2026. Đồng thời, đẩy nhanh đầu tư cơ sở vật chất, giải quyết dứt điểm tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, chuẩn hóa kiểm tra đánh giá, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tăng cường y tế dự phòng, giám sát, phòng chống dịch bệnh, nhất là sốt xuất huyết, tay chân miệng và các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ gia tăng; nâng cao năng lực y tế cơ sở, bảo đảm thuốc, vật tư, nhân lực và phương án xử lý khi dịch bệnh diễn biến phức tạp. Tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm; chủ động kiểm soát nguy cơ ngộ độc thực phẩm, nhất là trong các cơ sở dịch vụ ăn uống, trường học, khu du lịch và các dịp lễ, Tết cuối năm.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện khám sức khỏe định kỳ và tầm soát miễn phí toàn dân gắn với Sổ sức khỏe điện tử, bảo đảm hoàn thành đúng yêu cầu khám sức khỏe miễn phí cho toàn dân trong năm 2026. Rà soát tổng thể nhu cầu và xử

lý dứt điểm tình trạng thiếu sách giáo khoa tại địa phương; bảo đảm mọi học sinh trong độ tuổi đi học đều được đến trường, kể cả học sinh hết trung học cơ sở không trúng tuyển vào trường trung học phổ thông công lập được học tập ở các loại hình trường và chương trình giáo dục phù hợp, theo quy định. Triển khai ngay các biện pháp cần thiết bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm bữa ăn học đường; chính quyền địa phương trực tiếp chỉ đạo, lựa chọn các doanh nghiệp có năng lực, bảo đảm chất lượng để cung ứng dịch vụ bữa ăn học đường; tuyệt đối không để mất an toàn thực phẩm, tham nhũng, tiêu cực. Cắt giảm khâu trung gian không cần thiết trong mua sắm, cung ứng thuốc và thiết bị y tế; bảo đảm các cơ sở khám, chữa bệnh công lập không bị thiếu hụt vật tư, bệnh nhân tiếp cận được thuốc chất lượng với giá hợp lý.

7. Chuẩn bị chu đáo các hoạt động văn hóa, lễ hội cuối năm; bảo đảm quan hệ lao động, việc làm; đẩy mạnh thông tin, truyền thông

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu của Nhân dân; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch bền vững. Tập trung hoàn thiện hồ sơ, đẩy nhanh tiến độ các công trình, hạng mục phục vụ việc đề cử Khu di tích khảo cổ Óc Eo - Ba Thê trình UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

Chuẩn bị chu đáo các hoạt động văn hóa, lễ hội vào dịp cuối năm, trong đó tổ chức tốt Ngày Văn hóa Việt Nam (24/11) gắn với Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11) và Tuần lễ văn hóa - đại đoàn kết dân tộc năm 2026 theo Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 30/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ; ban hành Kế hoạch tổ chức Ngày Văn hóa Việt Nam năm 2026 và các năm tiếp theo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, hoàn thành trong tháng 10 năm 2026; kết hợp hài hòa nguồn lực ngân sách nhà nước với nguồn xã hội hóa theo quy định, bảo đảm tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, tránh phô trương, hình thức, lãng phí. Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm để thúc đẩy nhanh hơn tốc độ tăng trưởng công nghiệp văn hóa.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; chủ động nắm tình hình, hướng dẫn các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng thực hiện đúng quy định của pháp luật; bảo đảm các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra an toàn, văn minh, tiết kiệm, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

Theo dõi sát tình hình quan hệ lao động, tiền lương, tiền thưởng tại các khu công nghiệp; tăng cường tổ chức các sàn giao dịch việc làm, hỗ trợ kết nối lao động cho các doanh nghiệp phục vụ cao điểm sản xuất cuối năm.

Đẩy mạnh thông tin, truyền thông chính sách, nhất là các giải pháp trọng tâm, trọng điểm và kết quả phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; biểu dương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; tăng cường quản lý, kiểm soát thông tin trên không gian mạng, các nền tảng mạng xã hội, đấu tranh phản bác thông tin xấu, độc.

8. Đẩy nhanh thanh tra, tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Tập trung hoàn thành chương trình thanh tra năm 2026; tăng cường thanh tra các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; thực hiện nghiêm

các kiến nghị, kết luận sau thanh tra, nhất là thu hồi tiền, tài sản sai phạm. Nâng cao chất lượng tiếp công dân, xử lý đơn thư ngay từ cơ sở; tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài; hạn chế phát sinh điểm nóng, khiếu kiện vượt cấp. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực; kiểm soát tài sản, thu nhập; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách, đầu tư công, đất đai, tài sản công và các lĩnh vực nhạy cảm.

Đẩy nhanh tiến độ ban hành kết luận thanh tra đối với các cuộc thanh tra đã hoàn thành thanh tra trực tiếp; rà soát, xử lý dứt điểm tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; đôn đốc việc thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong việc tiếp công dân định kỳ, đột xuất; gắn tiếp công dân với rà soát, đối thoại, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng, nhất là trong thời gian diễn ra Kỳ họp thứ Hai Quốc hội khóa XVI. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng; đẩy mạnh thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, kinh tế.

9. Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại; chủ động phòng, chống thiên tai

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; chủ động nắm chắc tình hình, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển, đảo, cửa khẩu; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh mạng và an toàn thông tin; quản lý chặt chẽ biên giới, ngăn chặn xuất nhập cảnh trái phép.

Tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm kinh tế, môi trường, công nghệ cao, buôn lậu, gian lận thương mại và các loại tội phạm phát sinh tại khu vực biên giới. Đẩy mạnh công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về nồng độ cồn, tốc độ, tải trọng và các hành vi là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông. Tăng cường phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại khu dân cư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, chợ, trung tâm thương mại, khu du lịch và các công trình tập trung đông người; chủ động phương án bảo đảm an toàn trong các sự kiện lớn.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng, buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm tiếp tục kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí. Chủ động bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống thiên tai trong mùa mưa lũ.

Triển khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; duy trì quan hệ hợp tác với các địa phương của Vương quốc Campuchia và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; tăng cường hợp tác về kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch, văn hóa và quản lý biên giới. Thúc đẩy ngoại giao kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp

mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chủ động phòng, chống cháy rừng, bảo vệ rừng; tăng cường tuần tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp. Chủ động phương án phòng, chống sạt lở, thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của người dân. Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, kịp thời chỉ đạo, triển khai công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai những tháng cuối năm 2026; rà soát các khu vực xung yếu, có nguy cơ mất an toàn, chủ động sơ tán người dân khi cần thiết; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm theo phương châm "04 tại chỗ".

Trên đây là Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2026 của tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP; các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, tqtrung "HT".

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong

Phụ lục I
Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND và Kế hoạch số 14/KH-UBND
(Kèm theo Báo cáo số 956 /BC-UBND ngày 14/10/2026 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND và KH số 14/KH-UBND	Ước thực hiện quý III	Ước TH 9 tháng	9 tháng so KH	Đánh giá 9 tháng	Ước TH cả năm	Ước cả năm so KH	Đánh giá cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**											
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành	Tỷ đồng	335.001,47		243.132,20	72,58	Chưa đạt	335.001,47		-	Thống kê, các sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công thương, Xây dựng, Du lịch	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
2	Tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh	%	10,71	10,28	9,23		Chưa đạt	10,71		-		
3	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)											
	Theo nội tệ	Triệu đồng	90,53				Chỉ tiêu cuối năm	90,53		Đạt		
	Theo ngoại tệ	USD	3.600					3.600		Đạt		
4	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	32.362,00	9.882,40	25.253,00	78	Trên 75%	35.097,00	108,5	Vượt	Sở Tài chính, Thuế, Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	113.500	32.900	80.416,80	70,9	Dưới 75%	113.500	100	Đạt	Sở Tài chính, BQL Khu kinh tế tỉnh, BQL Khu kinh tế Phú Quốc	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
6	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	%	33,88		33,08	-0,8	Chỉ tiêu cuối năm	33,88		Đạt		

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND và KH số 14/KH-UBND	Ước thực hiện quý III	Ước TH 9 tháng	9 tháng so KH	Đánh giá 9 tháng	Ước TH cả năm	Ước cả năm so KH	Đánh giá cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	46,5	57,82	57,82	124,34	Vượt	57,82	124,34	Vượt	Sở Xây dựng	Thống kê tỉnh, UBND các xã, phường đặc khu
8	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	8		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm	8		Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ	
9	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99,7	99,7	99,7	100	Đạt	99,7	100	Đạt	Sở Công thương	
	Trong đó: Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	*%*	*99,51*	*99,51*	*99,51*	*100*		*99,51*	*100*	Đạt		
10	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	xếp hạng cả nước	15		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm	15		Đạt	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)	xếp hạng cả nước	15					15		Đạt	Sở Nội vụ	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	Chỉ số chuyển đổi số DTI	xếp hạng cả nước	10					10		Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ	
	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	xếp hạng cả nước	10					27		Chưa đạt		
II	**CHỈ TIÊU XÃ HỘI**											
1	Dân số toàn tỉnh	Nghìn người	3.700,27		3.855	104,2	Vượt	3.857,00	104,2	Vượt	Sở Y tế	Thống kê tỉnh và các Sở, ban,

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND và KH số 14/KH-UBND	Ước thực hiện quý III	Ước TH 9 tháng	9 tháng so KH	Đánh giá 9 tháng	Ước TH cả năm	Ước cả năm so KH	Đánh giá cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
2	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	74,66		74,9	100,32	Vượt	75	100,46	Vượt		ngành và UBND các xã, phường đặc khu
3	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,69		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm	0,69		Đạt	Thống kê tỉnh	UBND các xã, phường đặc khu
4	Giải quyết việc làm mới	Người	40.000		34.550	86,38	Trên 75%	40.000	100	Đạt	Sở Nội vụ	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
5	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế	%	100		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm	100		Đạt	Thống kê tỉnh	các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
6	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	75		74,5	99,33	Trên 75%	75	100	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	Trong đó: tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng, chứng chỉ	*%*	*20,77*		*19,92*	*95,91*		*20,77*	*100*	Đạt		
7	Tỷ lệ thất nghiệp	%	< 3,6		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm	< 3,6		Đạt	Thống kê tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc
8	Năng suất lao động theo giá so sánh	Tr.đồng/lao động	94,77					94,77		Đạt		

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND và KH số 14/KH-UBND	Ước thực hiện quý III	Ước TH 9 tháng	9 tháng so KH	Đánh giá 9 tháng	Ước TH cả năm	Ước cả năm so KH	Đánh giá cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
	Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh	*%*	*9,58*					*9,58*		Đạt		khu có liên quan
9	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sỹ	11,6		13,12	113,1	Vượt	13,12	113,1	Vượt	Sở Y tế	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
10	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	31,8		31,4	-0,4	Dưới 75%	31,8	100	Đạt		
11	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	> 95		95,35	100,37	Vượt	96	101,05	Vượt	Bảo hiểm xã hội	Sở Y tế, các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
12	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	18,47		18,86	102,11	Vượt	19,26	104,28	Vượt		
13	Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	63		56,8	90,16	Chưa đạt	63,09	100,14	Vượt	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
14	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%	<0,90		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm	<0,90		Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm %	0,3-0,5*					0,3-0,5*		Đạt		

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND và KH số 14/KH-UBND	Ước thực hiện quý III	Ước TH 9 tháng	9 tháng so KH	Đánh giá 9 tháng	Ước TH cả năm	Ước cả năm so KH	Đánh giá cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
15	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Nghìn đồng	5.844					5.844		Đạt	Thống kê tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
16	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	100				Đạt	100		Đạt		
	Trong đó: - Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	*%*	*96*		*95,4*	99,38		96	100	Đạt	Sở Xây dựng	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	*%*	*83,28*		*83*	99,66		83,28	100	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
17	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	15***		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm				Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	Trong đó:											
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	*%*										
	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	*%*										
18	Số nhà ở xã hội	Nhà	921		73	7,93	Chưa đạt	1.120	121,61	Vượt	Sở Xây dựng	Thống kê tỉnh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND và KH số 14/KH-UBND	Ước thực hiện quý III	Ước TH 9 tháng	9 tháng so KH	Đánh giá 9 tháng	Ước TH cả năm	Ước cả năm so KH	Đánh giá cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
III	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**											
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	8,8		8,73	99,2	Đạt	8,8	100	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
2	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	99,2		Chỉ tiêu cuối năm		Chỉ tiêu cuối năm	99,2	100	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100		100	100	Đạt	100	100	Đạt	Sở Y tế	
4	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	94		94,6	100,6	Vượt	94,9	+0,9	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100		40	40	Chỉ tiêu cuối năm	40	40	Chưa đạt	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	

Ghi chú:

Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2026, trong tổng số 33 Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 và Kế hoạch số 14/KH-UBND: Có 07 chỉ tiêu vượt; 07 chỉ tiêu đạt, đạt từ 75% trở lên; 06 chỉ tiêu đạt thấp, đạt dưới 75% và 12 chỉ tiêu cuối năm đánh giá.

- Có 07 chỉ tiêu vượt gồm: (1) Tỷ lệ đô thị hóa 57,82%/46,5%; (2) dân số toàn tỉnh 3.855/3.700 nghìn dân; (3) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh 74,9/74,66; (4) Số bác sỹ trên vạn dân 13,12/11,6; (5) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số 95,35/95; (6) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội 18,86%/18,47%; (7) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn 94,6%/94%;

- Có 07 chỉ tiêu đạt, đạt từ 75% trở lên Nghị quyết năm, gồm: (1) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 25.253/32.362 tỷ đồng (đạt 78% NQ); (2) Tỷ lệ hộ sử dụng điện 99,7%/99,7%; (3) Giải quyết việc làm mới 34.550/40.000 việc làm (đạt 86,38% NQ); (4) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo 74,75%/75% (đạt 75%

NQ); (5) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung 95,4%/96%, Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn 83%/83,28%; (6) Tỷ lệ che phủ rừng 8,73%/88%; (7) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý 100%/100%;

- Có 06 chỉ tiêu đạt thấp, đạt dưới 75% Nghị quyết năm, gồm: (1) Quy mô kinh tế (Tổng sản phẩm trên địa bàn): 243.132,2 tỷ đồng/335.000 tỷ đồng *(đạt 72,58% NQ)*; (2) Tốc độ tăng GRDP (theo giá so sánh) 9,23/10,71%; (3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (giá hiện hành) 80.416,81 tỷ đồng/113.500 tỷ đồng *(đạt 70,9% NQ)*; (4) Số giường bệnh trên vạn dân đạt thấp 31,4/31,8; (5) Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia 56,8%/63%; (6) Số nhà ở xã hội 73/921 căn (7,93% so NQ);

- Có 13 chỉ tiêu cuối năm đánh giá, gồm: (1) GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành); (2) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP; (3) Tỷ trọng tăng thêm của kinh tế số trong GRDP; (4) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, chỉ số chuyển đổi số DTI, chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương; (5) Chỉ số phát triển con người (HDI); (6) Tỷ lệ thất nghiệp; (7) Năng suất lao động theo giá so sánh; (8) Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều hằng năm; (9) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng; (10) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế; (11) Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; (12) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý; (13) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

Phụ lục II
Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 và Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số 956 /BC-UBND ngày 14 / 10/2026 của UBND tỉnh)

3	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND	Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước kết quả thực hiện 9 tháng	Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND	Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước thực hiện cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**									
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP	%	10,71	9,71	9,23		Chưa đạt	10,71	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh tổng hợp theo dõi, đánh giá chung	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	- Khu vực I (Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản)	%	3,93	3,61	3,60			3,86	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các xã, phường, đặc khu triển khai; phối hợp Thống kê tỉnh tổng hợp, đánh giá	
	- Khu vực II (Công nghiệp - Xây dựng)	%	21,52	19,75	20,62			20,87	Sở Công Thương, Sở Xây dựng triển khai; phối hợp Thống kê tỉnh tổng hợp, đánh giá	
	- Khu vực III (Dịch vụ)	%	11,25	10,15	9,10			11,57	Sở Công Thương, Sở Du lịch, các Sở, ngành phụ trách lĩnh vực dịch vụ triển khai; phối hợp	

3	**Chỉ tiêu**	**ĐVT**	**Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND**	**Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước kết quả thực hiện 9 tháng**	**Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước thực hiện cả năm**	**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	**Đơn vị thực hiện và phối hợp**
									Thống kê tỉnh tổng hợp, đánh giá	
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)								Sở Tài chính, Thống kê tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	- Giá so sánh 2010	Tỷ đồng	171.571,82	199.028,00	198.261,6		Chưa đạt			
	- Giá hiện hành	"	335.001,47		243.132,2					
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	91,06				Đánh giá cuối năm		Sở Tài chính, Thống kê tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	Thu nhập bình quân đầu người (01 tháng)	Nghìn đồng	5.844				Đánh giá cuối năm			
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	113.500	75.608	80.416,81	106,36	Vượt	113.500	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh; Thuế tỉnh	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu

3	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND	Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước kết quả thực hiện 9 tháng	Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND	Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước thực hiện cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
5	Tổng thu ngân sách NN trên địa bàn	Tỷ đồng	32.362	23.725	25.253	106,44	Vượt	35.097		Chi cục Hải quan khu vực XX, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	- Thu nội địa	"	31.812	23.311	24.701	105,96		34.417		
	- Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu	"	550	414	552	133,33		680		
6	Giải ngân vốn đầu tư công giao đầu năm	Tỷ đồng	27.303	27.303	16.151,77	59,16	Chưa đạt	28.892	Sở Tài chính, Thống kê tỉnh, các Ban Quản lý dự án tỉnh và chủ đầu tư	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
	Giải ngân vốn đầu tư công giao bổ sung		28.892	28.892	16.151,77	57,43	Chưa đạt	28.892		
	Trong đó: Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm	"	27.303	27.303	16.151,77	59,16		28.892		
	HĐND tỉnh giao	"	27.913	27.913	16.151,77	58,23		28.892		
7	**Phát triển doanh nghiệp**								Sở Tài chính	Thuế tỉnh,, Công an tỉnh, Ngân hàng

3	**Chỉ tiêu**	**ĐVT**	**Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND**	**Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước kết quả thực hiện 9 tháng**	**Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước thực hiện cả năm**	**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	**Đơn vị thực hiện và phối hợp**
	- Số doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới trên địa bàn	Doanh nghiệp	4.500	3.807	3.812	100,13	Vượt	4.500		Nhà nước chi nhánh khu vực 15; Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	- Tổng vốn đăng ký doanh nghiệp tư nhân trong nước đăng ký thành lập mới trên địa bàn	Tỷ đồng	36.195	25.238	25.423	100,73	Vượt	36.195		
8	**Thu hút đầu tư**									Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Các sở, ban, ngành và UBND xã, phường, đặc khu
	- Cấp mới (trong kỳ báo cáo)	Dự án	30	20	25	125,00	Vượt	30		
	- *Vốn đăng ký*	*Tỷ đồng*	*131.000*	*54.617*	*99.412*	182,02	Vượt	*132.780*		
	Trong đó: Vốn đăng ký mới	"		*54.617*	*11.626*			*12.139*		
	Điều chỉnh tăng vốn	"			*87.786*			*120.641*		
9	Tổng sản lượng lúa	Tấn	8.800.000	7.712.170	7.398.041	95,93	Chưa đạt	8.801.424	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường, đặc khu

3	**Chỉ tiêu**	**ĐVT**	**Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND**	**Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước kết quả thực hiện 9 tháng**	**Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước thực hiện cả năm**	**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	**Đơn vị thực hiện và phối hợp**
	Trong đó: tỷ lệ lúa chất lượng cao	*%*	*70*	*71,44*	*72,59*	101,61		*70,88*		
	Tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng	Tấn	1.641.994	1.275.988	1.288.477	100,98	Đạt	1.735.653		
	- Sản lượng thủy sản khai thác	"	431.600	314.561	302.518	96,17		428.955		
	-Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	1.210.394	961.427	985.959	102,55		1.306.698		
10	Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	132.520					132.520	Sở Công Thương	Thống kê tỉnh; Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
	Chỉ số phát triển công nghiệp (IIP)	*%*	*13,19*	*14,45*	*13,74*	95,08	Chưa đạt	*13,19*		
11	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	2.673	1.961,62	1.837,30	93,66	Chưa đạt	2.673		
	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	574	615,49	872,5	141,76		574		

3	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND	Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước kết quả thực hiện 9 tháng	Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND	Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước thực hiện cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
	Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	%	24,98	25,45	25,27	99,29	Chưa đạt	24,98		Thống kê tỉnh; Sở Du lịch; Sở Xây dựng và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
13	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	8,00				Đánh giá cuối năm	8,00	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
14	Tỷ lệ đô thị hóa	%	46,5		57,82		Vượt	57,82	Sở Xây dựng	Thống kê tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
15	Số lượng nhà ở xã hội	Căn	1.125		73		Chưa đạt	1.120		
16	Tổng lượt khách du lịch	Triệu lượt	25	23,11	23,48	101,58	Vượt	27,91	Sở Du lịch	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	- *Số lượt khách quốc tế*	*Nghìn lượt*	2.120	1.726	*1.940,62*	112,44	Vượt	*2.525,96*		
	Doanh thu từ hoạt động du lịch	Tỷ đồng	70.000	53.683	57.922	107,90	Vượt	73.983		

3	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND	Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước kết quả thực hiện 9 tháng	Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND	Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước thực hiện cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
17	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)	Thứ hạng	10/34				Đánh giá cuối năm	27/34	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	Chỉ số chuyển đổi số (DTI)	Thứ hạng	10/34				Đánh giá cuối năm	10/34		
18	Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Thứ hạng	15/34				Đánh giá cuối năm	15/34	Sở Nội vụ	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Thứ hạng	15/34				Đánh giá cuối năm	15/34		
	Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)	Thứ hạng	15/34				Đánh giá cuối năm	15/34		
	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Thứ hạng	15/34				Đánh giá cuối năm	15/34	Sở Tài chính	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu

3	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND	Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước kết quả thực hiện 9 tháng	Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND	Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước thực hiện cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
19	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	%	15				Đánh giá cuối năm	15	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
II	**CHỈ TIÊU XÃ HỘI**									
1	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95,20		95,35		Vượt	96	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	Sở Y tế, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu
	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	18,47		18,86		Vượt	19,26		
2	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	75		74,75		Đạt	75	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
	Tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng, chứng chỉ	*%*	*20,77*		*19,92*		*Đạt*	*20,77*		
3	Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%	63		56,80		Chưa đạt	63,09		
4	Số bác sỹ trên 10.000 dân	Bác sĩ	11,60		13,12		Vượt	13,12	Sở Y tế	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành

3	**Chỉ tiêu**	**ĐVT**	**Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND**	**Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước kết quả thực hiện 9 tháng**	**Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND**	**Ước thực hiện cả năm**	**Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá**	**Đơn vị thực hiện và phối hợp**
	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	31,80		31,40		Đạt	31,8		và UBND các xã, phường đặc khu
	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	75		74,9		Đạt	75		
	Dân số trung bình	nghìn người	3.700,27		3.855 (T8.2026)		Đánh giá cuối năm	3.857		
5	Chỉ số phát triển con người (HDI)	Giá trị	0,69				Đánh giá cuối năm	0,69	Thống kê tỉnh	các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
6	Tổng số lao động được hỗ trợ tạo việc làm	Người	40.000		34.550		Vượt	40.000	Sở Nội vụ	Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu
7	Năng suất lao động (theo giá so sánh)	Triệu đồng/lao động	94,77				Đánh giá cuối năm	94,77	Thống kê tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường đặc khu có liên quan
	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế	%	100				Đánh giá cuối năm	100		
	Tỷ lệ thất nghiệp	%	<3,6				Đánh giá cuối năm	<3,6		

3	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND	Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước kết quả thực hiện 9 tháng	Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND	Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước thực hiện cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
8	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	<0,9				Đánh giá cuối năm	<0,9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	Giảm tỷ lệ nghèo đa chiều	Điểm %	0,3-0,5				Đánh giá cuối năm	0,3-0,5		
9	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99,70		99,70		Đạt	99,70	Sở Công Thương	Thống kê tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
	Trong đó: Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,51		99,51		Đạt	99,51		
III	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**									
1	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100		40		Đánh giá cuối năm	40	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	UBND các xã, phường, đặc khu có liên quan
2	Tỷ lệ che phủ rừng	%	8,8		8,73		Đạt	8,8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thống kê tỉnh, các Sở, ban, ngành và UBND các xã,
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải	%	94,00		94,6		Vượt	94,9		

3	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND	Mục tiêu 9 tháng theo Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước kết quả thực hiện 9 tháng	Kết quả 9 tháng so với Kế hoạch số 419/KH-UBND	Đánh giá 9 tháng so Kế hoạch số 419/KH-UBND	Ước thực hiện cả năm	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện và phối hợp
	rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn									phường, đặc khu có liên quan
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	99,20				Đạt	99,20		
4	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100		100			100	Sở Y tế	
5	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	83,28		83		Đạt	83,28	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	96,00		95,4		Đạt	96,00	Sở Xây dựng	

Phụ lục III
Tình hình thực hiện chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội xã, phường, đặc khu 9 tháng năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số 956 /BC-UBND ngày14 /10 /2026 của UBND tỉnh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Chỉ tiêu												
		Tổng thu ngân sách trên địa bàn (triệu đồng)			Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công			Khối lượng giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn theo tiến độ (%)			Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng hạn và trước hạn (%)	Tỷ lệ cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính (%)	Tỷ lệ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền (%)	Hoàn thành nhiệm vụ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư (%)	
		Chỉ tiêu giao theo Quyết định số 252/QĐ-UBND (Triệu đồng)	Thực hiện 9 tháng năm 2026	So sánh với Quyết định số 252/QĐ-UBND (%)	Kế hoạch vốn giao năm 2026 (Triệu đồng)	Thực hiện 9 tháng năm 2026 (Triệu đồng)	Đạt tỷ lệ (%)	Số lượng dự án trên địa bàn	Khối lượng GPMB 9 tháng năm 2026	Lũy kế khối lượng GPMB đến hết 9 tháng năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Số lượng khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, chủ đầu tư được ghi nhận[40]	Số lượng khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đã giải quyết trong 9 tháng năm 2026
1	Đặc khu Kiên Hải	27.797	35.724	128,52	16.892	15.892	94,08	0	0	0	99,82	70,89	100	0	0
2	Đặc Khu Phú Quốc	3.216.620	2.547.041	79,18	5.877.989	4.221.158	71,81	16	90,3	90,03	83,11	50	19,81	16	16

[40] Số lượng khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, chủ đầu tư được ghi (bao gồm: còn tồn từ năm 2025 chưa xử lý và ghi nhận mới trong 9 tháng năm 2026)

3	Đặc Khu Thổ Châu	1.100	2.683	243,91	4.500	3.153	70,07	0	0	0	99,5	30	100	0	0
4	Phường Bình Đức	201.234	111.510	55,41	30.250	19.608	64,82	1	0	0	98,4	30	95	1	1
5	Phường Châu Đốc	188.232	123.390	65,55	26.376	20.373	77,24	1	100	100	99,1	30	100	6	6
6	Phường Chi Lăng	22.231	14.827	66,70	17.083	12.570	73,58	1	95	95	9.983	30	100	0	0
7	Phường Hà Tiên	110.473	57.469	52,02	239.845	131.934	55,01	5	95,69	95,69	99,75	30	70,59	0	0
8	Phường Long Phú	39.400	38.052	96,58	18.124	12.737	70,28	11	100	100	100	30	100	3	3
9	Phường Long Xuyên	590.205	439.247	74,42	83.874	55.990	66,75	9	91,75	91,75	99,34	30	85	9	9
10	Phường Mỹ Thới	135.950	84.818	62,39	30.793	16.395	53,24	1	93,6	93,6	99,57	50	100	1	1
11	Phường Rạch Giá	1.083.247	532.690	49,18	430.132	318.900	74,14	5	100	100	99,29	50	64,76	0	0
12	Phường Tân Châu	56.969	45.156	79,26	19.775	14.986	75,79	4	100	100	100	30	100	0	0
13	Phường Thới Sơn	28.446	20.746	72,93	17.677	13.414	75,88	1	100	100	100	30	100	3	3
14	Phường Tịnh Biên	35.189	33.202	94,35	16.785	14.947	89,05	5	5	100	99,51	30	100	0	0
15	Phường Tô Châu	50.450	52.016	103,10	113.237	93.197	82,30	19	100	100	100	40	100	0	0
16	Phường Vĩnh Tế	30.767	17.812	57,89	16.487	15.203	92,21	1	100	100	98,9	30	100	0	0
17	Phường Vĩnh Thông	78.496	51.353	65,42	201.711	123.178	61,07	1	94,96	94,96	99,81	30	100	0	0

18	Xã An Biên	41.448	31.858	76,86	16.993	13.042	76,75	2	100	100	100	50	100	0	0
19	Xã An Châu	60.852	40.547	66,63	20.444	16.235	79,41	0	100	100	90	30	100	0	0
20	Xã An Cư	16.962	13.018	76,75	17.082	11.240	65,80	2	90,84	90,84	100	30	100	1	1
21	Xã An Minh	30.316	19.883	65,59	65.488	16.056	24,52	6	100	100	97,6	50	100	0	0
22	Xã An Phú	34.562	23.485	67,95	16.767	15.135	90,27	2	81	81	99,94	30	100	0	0
23	Xã Ba Chúc	18.282	7.982	43,66	17.083	14.783	86,53	3	100	100	99,94	50	100	0	0
24	Xã Bình An	108.614	99.268	91,40	28.983	20.503	70,74	0	0	0	98,5	50	100	0	0
25	Xã Bình Giang	8.591	4.526	52,68	15.042	6.645	44,18	0	0	0	96,95	50	100	0	0
26	Xã Bình Hòa	36.432	39.518	108,47	18.749	14.200	75,74	2	100	100	98,53	66,67	100	0	0
27	Xã Bình Mỹ	32.406	26.562	81,97	15.149	10.683	70,52	2	50	50	98,78	70,89	100	0	0
28	Xã Bình Sơn	13.981	33.385	238,79	15.101	10.622	70,34	0	0	0	99,66	50	100	0	0
29	Xã Bình Thạnh Đông	85.448	27.774	32,50	15.893	13.444	84,59	0	0	0	100	50	100	0	0
30	Xã Cần Đăng	16.775	17.895	106,68	17.160	13.440	78,32	1	100	100	98,94	30	100	0	0
31	Xã Châu Phong	22.759	22.488	98,81	17.088	12.937	75,71	0	0	0	100	50	100	0	0
32	Xã Châu Phú	40.850	25.881	63,36	16.071	12.014	74,76	2	55	55	100	30	100	0	0
33	Xã Châu Thành	107.008	76.536	71,52	38.592	25.155	65,18	2	83,14	83,14	99,19	30	100	0	0
34	Xã Chợ Mới	88.781	46.050	51,87	18.868	2.546	13,49	3	0	0	99,92	50	100	0	0
35	Xã Chợ Vàm	23.287	15.036	64,57	16.904	12.700	75,13	0	0	0	100	30	100	0	0

36	Xã Cô Tô	37.609	39.353	104,64	17.380	13.475	77,53	2	100	100	99,02	30	100	0	0
37	Xã Cù Lao Giêng	59.301	20.958	35,34	16.547	12.464	75,32	0	0	0	93,5	30	100	0	0
38	Xã Định Hòa	10.296	9.190	89,26	15.637	11.133	71,19	9	100	100	99,49	50	100	0	0
39	Xã Định Mỹ	44.451	21.734	48,89	22.912	16.518	72,09	1	100	100	99,12	30	100	0	0
40	Xã Đông hòa	12.540	12.582	100,33	15.625	14.066	90,03	5	100	100	99,93	50	100	0	0
41	Xã Đông Hưng	5.302	3.087	58,22	15.060	10.588	70,30	0	0	0	99,2	30	100	0	0
42	Xã Đông Thái	22.330	22.418	100,39	50.803	33.698	66,33	10	100	100	99,93	40	100	0	0
43	Xã Giang Thành	17.127	11.877	69,35	15.357	9.754	63,52	0	0	0	99,17	30	100	0	0
44	Xã Giồng Riềng	35.508	21.534	60,65	36.083	14.054	38,95	2	100	100	99,7	30	100	0	0
45	Xã Gò Quao	27.621	15.778	57,12	16.220	11.723	72,27	10	100	100	99,52	30	82,76	0	0
46	Xã Hòa Điền	40.733	22.028	54,08	15.595	14.011	89,84	0	0	0	99,82	30	94,25	0	0
47	Xã Hòa Hưng	9.504	7.468	78,58	38.500	17.598	45,71	0	0	0	98,8	30	100	0	0
48	Xã Hòa Lạc	9.000	9.240	102,67	15.952	11.333	71,05	1	100	100	99,54	30	100	0	0
49	Xã Hòa Thuận	6.963	5.423	77,88	15.315	12.835	83,80	0	0	0	99,62	50	100	0	0
50	Xã Hội An	89.298	73.092	81,85	17.678	12.541	70,94	1	50	50	98,44	35	100	0	0
51	Xã Hòn Đất	60.100	38.397	63,89	16.412	14.154	86,24	7	100	100	100	30	100	0	0
52	Xã Hòn Nghệ	2.607	1.641	62,95	15.000	2.135	14,23	1	87,22	87,22	98,78	30	100	0	0

53	Xã Khánh Bình	25.993	22.199	85,40	19.189	15.714	81,89	0	0	0	99,78	30	100	0	0
54	Xã Kiên lương	160.864	138.209	85,92	19.165	16.161	84,32	7	54,78	54,78	99,28	30	100	0	0
55	Xã Long Điền	75.900	33.509	44,15	16.488	8.845	53,65	0	0	0	100	30	100	0	0
56	Xã Long Kiến	17.809	22.270	125,05	20.579	12.656	61,50	1	0	0	99,97	45	100	0	0
57	Xã Long Thạnh	10.934	9.489	86,78	31.523	17.352	55,05	0	0	0	99	30	100	0	0
58	Xã Mỹ Đức	22.979	14.254	62,03	15.298	10.795	70,56	2	99,24	9,24	99,28	70,49	100	1	1
59	Xã Mỹ Hòa Hưng	19.550	14.965	76,55	15.619	10.965	70,21	0	0	0	98,91	30	100	0	0
60	Xã Mỹ Thuận	29.755	16.251	54,62	17.116	12.499	73,03	0	0	0	98,86	30	100	0	0
61	Xã Ngọc Chúc	11.077	8.135	73,44	18.494	16.452	88,96	11	100	100	100	30	100	0	0
62	Xã Nhơn Hội	13.772	11.015	79,98	16.012	11.470	71,63	2	100	100	100	30	100	0	0
63	Xã Nhơn Mỹ	36.564	24.061	65,81	15.893	11.385	71,64	0	0	0	99,1	30	100	0	0
64	Xã Núi Cấm	11.176	6.619	59,23	16.250	11.557	71,12	1	100	100	99,94	30	100	0	0
65	Xã Ô Lâm	18.590	12.485	67,16	16.190	16.138	99,68	4	100	100	99,37	30	100	0	0
66	Xã Óc Eo	37.642	16.651	44,24	18.695	13.131	70,24	2	100	100	97,21	30	100	2	2
67	Xã Phú An	22.759	14.681	64,51	15.714	11.070	70,45	0	0	0	98,4	30	100	0	0
68	Xã Phú Hòa	50.688	27.156	53,57	20.819	16.981	81,56	3	100	100	99,6	30	100	0	0
69	Xã Phú Hữu	13.550	11.314	83,50	22.841	13.937	61,02	1	100	100	90,9	30	100	0	0

70	Xã Phú Lâm	8.690	8.296	95,47	15.714	11.233	71,48	3	100	100	100	30	100	0	0
71	Xã Phú Tân	149.105	65.833	44,15	20.950	14.925	71,24	0	0	0	100	50	100	0	0
72	Xã Sơn Hải	671	439	65,42	15.000	4.888	32,59	0	0	0	99,28	30	100	0	0
73	Xã Sơn Kiên	17.611	11.290	64,11	19.068	13.428	70,42	0	0	0	99,96	30	81,81	0	0
74	Xã Tân An	15.598	22.688	145,45	17.683	10.338	58,46	0	0	0	99,14	30	100	0	0
75	Xã Tân Hiệp	49.126	27.783	56,55	18.665	14.927	79,97	7	100	100	98,28	30	87,5	0	0
76	Xã Tân Hội	20.977	14.224	67,81	15.428	12.294	79,69	12	100	100	100	50	100	0	0
77	Xã Tân Thạnh	11.539	11.042	95,69	15.268	8.009	52,46	3	100	100	100	30	100	0	0
78	Xã Tây Phú	18.458	10.340	56,02	20.200	13.169	65,20	1	100	100	99,7	50	100	0	0
79	Xã Tây Yên	11.275	10.054	89,17	34.455	14.466	41,98	1	96,89	96,89	99,91	43,5	100	0	0
80	Xã Thạnh Đông	28.237	31.918	113,04	15.565	11.307	72,65	1	100	100	99,96	30	100	0	0
81	Xã Thạnh Hưng	12.914	13.243	102,55	15.530	11.443	73,68	9	88,89	88,89	99,63	43	100	0	0
82	Xã Thạnh Lộc	79.299	78.650	99,18	25.817	19.653	76,12	0	0	0	100	30	100	0	0
83	Xã Thạnh Mỹ Tây	20.614	16.188	78,53	15.196	11.367	74,80	6	100	100	99,12	30	100	0	0
84	Xã Thoại Sơn	61.325	40.871	66,65	18.510	9.364	50,59	0	0	0	99,5	50	100	0	0
85	Xã Tiên Hải	1.250	1.646	131,68	15.256	8.316	54,51	0	0	0	98,1	30	100	0	0
86	Xã Tri Tôn	68.739	75.268	109,50	17.082	12.009	70,30	1	99,2	99,2	98,59	30	100	0	0
87	Xã U Minh Thượng	27.126	14.541	53,61	16.071	11.266	70,10	27	100	100	99,5	30	95	0	0

88	Xã Vân Khánh	3.795	2.493	65,69	15.059	11.494	76,33	0	0	0	99,97	50	100	0	0
89	Xã Vĩnh An	17.750	12.257	69,05	17.475	14.486	82,89	0	0	0	99	30	100	0	0
90	Xã Vĩnh Bình	11.800	9.245	78,35	16.458	13.450	81,72	0	0	0	100	30	100	0	0
91	Xã Vĩnh Điều	19.129	18.229	95,30	45.608	10.811	23,70	0	0	0	99,06	50	100	0	0
92	Xã Vĩnh Gia	14.476	14.300	98,78	16.547	12.257	74,08	18	100	100	95	50	87	0	0
93	Xã Vĩnh Hanh	24.783	15.203	61,34	17.302	6.904	39,90	0	0	0	99,88	50	100	0	0
94	Xã Vĩnh Hậu	26.312	27.819	105,73	19.431	17.499	90,06	16	100	100	99,77	50	100	0	0
95	Xã Vĩnh Hòa	18.711	15.391	82,26	21.205	15.269	72,01	2	100	100	99,82	30	100	0	0
96	Xã Vĩnh Hòa Hưng	9.966	9.721	97,54	27.848	12.943	46,48	1	100	100	99,65	37,38	100	0	0
97	Xã Vĩnh Phong	51.953	56.063	107,91	16.577	12.993	78,38	1	96,61	96,61	99,75	71	100	0	0
98	Xã Vĩnh Thạnh Trung	75.658	29.478	38,96	15.893	11.900	74,88	4	100	100	99,34	30	100	0	0
99	Xã Vĩnh Thuận	7.117	5.775	81,14	15.178	12.625	83,18	0	0	0	99,6	30	100	0	0
100	Xã Vĩnh Trạch	21.670	12.975	59,88	19.866	14.502	73,00	0	0	0	99,7	50	100	0	0
101	Xã Vĩnh Tuy	10.076	7.466	74,10	21.398	14.261	66,65	1	100	100	100	30	100	0	0
102	Xã Vĩnh Xương	41.800	44.606	106,71	18.132	12.692	70,00	2	82,27	82,27	99,79	30	100	2	2

Phụ lục IV

Tình hình triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Báo cáo số 956 /BC-UBND ngày 14 / 10/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
1	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Tham mưu Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cập nhật, ban hành Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; đây là Chương trình hành động tổng thể, toàn diện được thiết kế với tầm nhìn dài hạn, mục tiêu rõ ràng và giải pháp mang tính khả thi cao, nhằm cụ thể hóa các định hướng, chủ trương lớn của Đảng thành những hành động thiết thực, sát thực tiễn, với 05 quan điểm chỉ đạo, các mục tiêu cụ thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Tham mưu ban hành Kế hoạch số 09-KH/BCĐ, ngày 13/02/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026, gồm 07 nhóm nhiệm vụ với 58 nhiệm vụ chính; các nhiệm vụ đều đang được giám sát triển khai thực hiện đúng tiến độ. Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực Thông báo số 20-TB/CQTTBCĐ, ngày 16/3/2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Phiên họp lần thứ nhất năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo[41] và Công văn số 939-CV/VPTW, ngày 16/3/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc thực hiện một số chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư tại Phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo Nghị quyết số 57-NQ/TW[42] phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tính đến thời điểm hiện tại, các nhiệm vụ đang được thực hiện đúng tiến độ. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch[43] điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; kiện toàn Ban Chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Đề án 06[44]. Theo đó, các ngành, địa phương quan tâm thành lập Ban Chỉ đạo và cụ thể hóa kế hoạch triển khai thực hiện với tinh thần "*thông suốt tư tưởng, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm*".

[41] Công văn số 889-CV/VPTU, ngày 18/3/2026.
[42] Công văn số 868-CV/VPTU, ngày 16/3/2026.
[43] Kế hoạch số 94/KH-UBND, ngày 23/02/2026.
[44] Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 16/7/2025.

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
			Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang đã ban hành Quyết định số 987-QĐ/TU, ngày 22/6/2026, phân công, kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, theo đó, phân công Công an tỉnh là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh. Ban hành Quyết định số 682-QĐ/TU, ngày 22/6/2026 và Quyết định số 932-QĐ/TU, ngày 13/8/2026 thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh triển khai thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và Tỉnh ủy An Giang về triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị giai đoạn 2026 - 2030. Công tác rà soát, tham mưu hoàn thiện thể chế, chính sách được triển khai kịp thời, bám sát chỉ đạo của Trung ương. HĐND tỉnh đã ban hành 08 … UBND tỉnh ban hành 02 đề án và 03 chương trình triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2030. Tham mưu ban hành Đề án đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 16/4/2026); Chương trình số 207/CTr-UBND ngày 16/4/2026 hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; Chương trình số 208/CTr-UBND ngày 16/4/2026 hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo đến năm 2030; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030 (Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 30/3/2026). Ban Chỉ đạo tỉnh đã tổ chức 04 cuộc họp và 04 Hội nghị, cụ thể: tổng kết công tác năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026; Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị quý I, nhiệm vụ trọng tâm quý II/2026; Ngày 28/5/2026, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 5 tháng đầu năm 2026; triển khai nhiệm vụ những tháng cuối năm 2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh Hồ Văn Mừng, Trưởng Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh chủ trì; Hội nghị Ban Chỉ đạo tỉnh sơ kết 06 tháng năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026. Ban hành Kế hoạch số 20-KH/BCĐ, ngày 17/7/2026 về hành động 100 ngày triển khai thực hiện nhiệm vụ xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh; Công văn số 21-CV/BCĐ, ngày 20/08/2026 về việc triển khai thực hiện kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ, Thông báo số 25-TB/CQTTBCĐ. Kế hoạch số 450/KH-UBND ngày 11/8/2026 Hành động 100 ngày triển khai thực hiện nhiệm vụ xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang. Tính đến ngày 02/10/2026, Tỉnh được giao 273 nhiệm vụ, trong đó: 169 nhiệm vụ đã hoàn thành, tỷ lệ 61,90% (164 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn, 2 nhiệm vụ hoàn thành quá hạn năm 2026); 06 nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn; 98 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên (không có thời hạn); Không có nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi theo Kế

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
			hoạch số 09-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo tỉnh: Tổng số 7 nhóm nhiệm vụ với 58 nhiệm vụ chính; các nhiệm vụ đều đang được chỉ đạo triển khai thực hiện, đến nay đã đạt 11/22 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 50%, các chỉ tiêu còn lại đang thực hiện theo lộ trình, kế hoạch, đảm bảo hoàn thành đến cuối năm 2026 (một số chỉ tiêu do các cơ quan Trung ương đánh giá cuối năm (TFP, DTI, PII...), và một số chỉ tiêu thực hiện theo lộ trình, thời gian hoàn thành đến cuối năm 2026).
2	Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới	Sở Du lịch	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 22/8/2025 của thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 115/KH-UBND tỉnh ngày 24/09/2025 thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh An Giang. Đồng thời, Tỉnh ủy An Giang đã ban hành Công văn số 317-CV/TU ngày 09/03/2026 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 56-CT/TW ngày 24/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ký kết, thực hiện các cam kết quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang. Báo cáo định kỳ triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; Triển khai Chương trình thông tin truyền thông chính sách về triển khai thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP của Chính phủ.
3	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới	Sở Tư pháp	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 04-CT/TU, ngày 22/8/2025 thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 12-KH/ĐU, ngày 20/10/2025 thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Kế hoạch số 65-KH/ĐU ngày 27/7/2026 thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW. UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 10/9/2025 thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Công văn số 1456/UBND-NC ngày 20/4/2026 về việc triển khai Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Kế hoạch số 444/KH-UBND ngày 10/8/2026 về thực hiện Quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang.Trong 9 tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh đã ban hành 191 văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, cụ thể: Tổng số văn bản do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Sở Tư pháp ban hành là 114 văn bản, gồm: 05 văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; 02 văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh; 50 văn bản của Ủy ban nhân dân

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
			tỉnh; 02 văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh và 55 văn bản của Sở Tư pháp. Tổng số văn bản do các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành là 77 văn bản. Sở Tư pháp đã chủ động tham mưu UBND tỉnh báo cáo Đảng ủy UBND tỉnh, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết 01 năm và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW trong 06 tháng, 08 tháng đầu năm 2026. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 66-NQ/TW và các văn bản triển khai thực hiện được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc, bằng nhiều hình thức phù hợp. Toàn tỉnh đã tổ chức 1.495 hội nghị tuyên truyền, phổ biến các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, với 22.802 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các doanh nghiệp và Nhân dân tham gia. Trong đó, Sở Tư pháp tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác xây dựng pháp luật kết hợp quán triệt, triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW cho 105 đại biểu là công chức làm công tác pháp chế và đại diện các phòng, đơn vị thuộc các sở, ban, ngành tỉnh. Công tác truyền thông Nghị quyết số 66-NQ/TW được chú trọng, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ và Nhân dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong giai đoạn mới. Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch truyền thông Nghị quyết số 66-NQ/TW; ban hành Kế hoạch biên soạn, phát hành Tập hệ thống các văn bản và bài nghiên cứu liên quan đến công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; chỉ đạo tuyên truyền, giới thiệu chuyên mục "Nghị quyết số 66-NQ/TW" trên Cổng Pháp luật quốc gia; thành lập nhóm Zalo "Truyền thông và thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW"; tổ chức tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 66-NQ/TW trên chuyên mục "Chính sách mới" của Báo và phát thanh, truyền hình An Giang. Tham mưu UBND tỉnh ban hành 19 Tờ trình đăng ký tổ chức các kỳ họp chuyên đề, kỳ họp giữa năm của HĐND tỉnh năm 2026; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật năm 2026. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 57 văn bản để triển khai, chỉ đạo và báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng, ban hành, tự kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Sở Tư pháp chủ động ban hành 55 văn bản triển khai công tác xây dựng và thi hành pháp luật, nâng cao chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật và công tác pháp chế; trong đó, có 21 văn bản đôn đốc xử lý các nghị quyết, quyết định chịu tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy. Xây dựng, vận hành phần mềm theo dõi tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, qua đó giúp theo dõi, nắm bắt kịp thời tiến độ của từng văn bản, xác định rõ văn bản đang ở giai đoạn nào, thuộc cơ quan nào và chuyên viên nào của Sở Tư pháp phụ trách để kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ; đồng thời, chủ động tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu. Tổ

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
			chức hơn 50 cuộc họp trao đổi, thống nhất với các sở, ban, ngành tỉnh để giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hoàn thành thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nhiệm vụ này được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, đúng tiến độ và đạt kết quả toàn diện. Đến nay, toàn tỉnh đã hoàn thành 100% nhiệm vụ tổng rà soát, với 21/21 sở, ban, ngành tỉnh và 102/102 xã, phường, đặc khu thực hiện, báo cáo kết quả sơ bộ tổng rà soát theo yêu cầu của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.
4	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân	Sở Tài chính	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 05-CT/TU ngày 22/8/2025 thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 09/9/2025 thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. UBND đã ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 05/02/2026 về Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026.
5	Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Công Thương	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/11/2025 thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW và UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 13/02/2026 về thực hiện Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13/10/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh An Giang. Đảng ủy UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 33-KH/ĐU ngày 25/3/2026 thực hiện Chương trình hành động số 07-Ctr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030,tầm nhìn đến năm 2045.

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
6	Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 10/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang. Trên cơ sở Nghị quyết số 281/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 04-CT/TU của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đã ban hành Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 11/11/2025 về thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó xác định 59 đầu việc cần thực hiện, đồng thời phân công trách nhiệm vụ thể cho các sở, ban, ngành, địa phương trong công tác tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 800/QĐ-SGDĐT ngày 31/3/2026 về thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển GDĐT của Ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, qua đó xây dựng quy chế hoạt động, thông báo phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo và các phòng chuyên môn trong việc tham mưu, phối hợp với các ngành, địa phương trong thực hiện Nghị quyết. Ngoài ra, để kịp thời định hướng, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Sở đã ban hành Kế hoạch số 3539/KH-SGDĐT ngày 04/6/2026 để cụ thể hoá thực hiện; ban hành Kế hoạch số 3540/KH-SGDĐT ngày 04/6/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ; Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động số 10- CTr/ĐU ngày 05/3/2026 của Đảng bộ UBND tỉnh. Đồng thời ban hành Kế hoạch số 3443/KH-SGDĐT ngày 01/6/2026 về thực hiện một số nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo theo Kế hoạch điều chỉnh kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026 tỉnh An Giang. Trong tổng số nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động và Kế hoạch của tỉnh, có 59 nhiệm vụ; đã hoàn thành 18 nhiệm vụ (tăng 03 nhiệm vụ); đang thực hiện 21 nhiệm vụ (triển khai thực hiện thêm 01 nhiệm vụ và không có nhiệm vụ quá hạn).
7	Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường	Sở Y tế	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang ban hành Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 10/11/2025 thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đảng Ủy UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 17a-KH/ĐU, ngày 11/11/2025 thực hiện Chương trình hành động

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
	bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân		số 05-CTr/TU, ngày 10/11/2025 thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh An Giang ban hành văn bản cụ thể hóa triển khai thực hiện tại Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 11/11/2025 thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đảng ủy Sở Y tế An Giang ban hành Kế hoạch số 02-KH/ĐU, ngày 03/12/2025 thực hiện Kế hoạch số 17a-KH/ĐU ngày 11/11/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 10/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (viết tắt là Kế hoạch số 02-KH/ĐU). Sở Y tế tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 121/KH-SYT, ngày 16/12/2025 của Sở Y tế triển khai thực hiện Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, Chương trình hành động số 05-CTr/TU và Kế hoạch số 02-KH/ĐU, ngày 03/12/2025 của Đảng ủy Sở Y tế. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 03/12/2025 thực hiện Kế hoạch số 131-KH/BTGDVTW, ngày 03/10/2025 tuyên truyền triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (Kế hoạch số 12-KH/TU) và Hướng dẫn số 05- HD/BTGDVTU, ngày 12/11/2025 tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết số 72- NQ/TW (Hướng dẫn số 05-HD/BTGDVTU). UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 12-KH/TU và Hướng dẫn số 05-HD/BTGDVTU (tại Công văn số 55/UBND-KGVX ngày 08/01/2026). Trên cơ sở đó, Sở Y tế ban hành Kế hoạch số 119/KH-SYT ngày 15/12/2025 về việc tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, Chương trình động số 05-CTr/TU, Kế hoạch số 186/KH-UBND, Kế hoạch số 121/KH-SYT, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm tinh thần chỉ đạo của Trung ương, lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh.
8	Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước	Sở Tài chính	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 30/3/2026 về việc thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Đảng ủy UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 50-KH/ĐU ngày 08/6/2026 về việc thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 30/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 362/KH-UBND ngày 04/7/2026 về việc Triển khai thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 30/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; Kế hoạch số 50-KH/ĐU, ngày 08/6/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU.

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
9	Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam	Sở Văn hóa và Thể thao	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 21-Ctr/TU ngày 30/3/2026 thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Đảng ủy UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 62-KH/ĐU ngày 13/7/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 27/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 28/4/2026 về triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam nhằm cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Trong đó, phân công nhiệm vụ cụ thể đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp trong việc tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 30/3/2026 và Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 28/4/2026, Sở Văn hóa và Thể thao đã ban hành Kế hoạch số 311/KH-SVHTT ngày 29/4/2026 để triển khai thực hiện. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 155/NQ-CP ngày 19/6/2026 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 30/NQ-CP, Sở Văn hóa và Thể thao tham mưu UBND tỉnh tiếp tục ban hành Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 15/8/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 28/4/2026 và Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh An Giang. Triển khai việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch, từng bước hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về văn hóa trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030; UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 Quy định việc quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 Quy định quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 về ban hành Bộ tiêu chí về phát triển văn hóa toàn diện tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, xây dựng các Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh và UBND tỉnh, gồm: (1) Nghị quyết quy định phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang, (2) Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ miễn, giảm và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh An Giang, (3) Nghị quyết quy định về Giải thưởng văn học, nghệ thuật Chiêu Anh Các tỉnh An Giang; (4) Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh trong lĩnh vực văn hóa không còn phù hợp, (5) Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di tích Văn hóa Óc Eo trên địa bàn tỉnh An Giang, (6) Quyết định bãi bỏ các

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
			Quyết định quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực văn hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành không còn phù hợp... Ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch, hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, gồm: : Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 01/7//2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 875/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ[45] trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch số 406/KH-UBND ngày 23/7//2026 của UBND tỉnh về triển khai Chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (theo Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 27/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ); Kế hoạch số 368/KH-UBND ngày 07/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; Kế hoạch số 446/KH-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 02/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ[46] trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 15/8/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 28/4/2026 và Kế hoạch số 352/KH-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh An Giang; Kế hoạch số 472/KH-UBND ngày 20/8/2026 về triển khai Khung hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam trong tiêu dùng và Bộ quy tắc ứng xử trong văn hóa tiêu dùng của con người Việt Nam trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 – 2030; Kế hoạch số 547/KH-UBND ngày 18/9/2026 về triển khai xây dựng chuẩn mực đạo đức, văn hóa kinh doanh của phụ nữ khởi nghiệp gắn với bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh An Giang; Công văn số 3086/UBND-KGVX ngày 10/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1157/QĐ-TTg ngày 26/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung chuẩn mực đạo đức, văn hóa kinh doanh gắn với bản sắc dân tộc và tiếp cận được tinh hoa văn hóa kinh doanh thế giới trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3699/UBND-KGVX ngày 14/9/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam; Công văn số 3602/UBND-KGVX ngày 06 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam tại Phiên họp thứ 2. UBND tỉnh xây dựng, ban hành một số chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết: Đề án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ tỉnh An Giang giai đoạn 2026 – 2030, Đề án bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống dân tộc

[45] Quyết định số 875/QĐ-TTg ngày 15/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam
[46] Quyết định số 1189/QĐ-TTg ngày 02/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
			Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 – 2030, Đề án bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với phát triển du lịch, Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa tỉnh An Giang. Đang tiếp tục tham mưu xây dựng các đề án: Đề án Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể lễ hội Vía bà Chúa Xứ núi Sam, được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Đề án "Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Nghi lễ vòng đời của người Chăm Islam tỉnh An Giang giai đoạn 2025-2030"… Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh – một trong những nội dung quan trọng của Nghị quyết số 80-NQ/TW, tỉnh đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I từ năm 2025 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030; Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 28/8/2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030; kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 – 2035; Tham gia vận hành nền tảng "Hệ thống thông tin quản lý chương trình mục tiêu quốc gia" theo quy định tại nghị định của Chính phủ; Triển khai Phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa năm 2026 (theo Phương án số 785/PA-SVHTT ngày 16/9/2026 của Sở VHTT).
10	Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Sở Tài chính	Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 21/8/2026 về việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 535-KH/UBND ngày 14/9/2026 Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang. Hiện tại Sở Tài chính đang tham mưu cho UBND tỉnh trình Đảng ủy UBND tỉnh thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 21/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
11	Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam	Sở Tài chính	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 21/8/2026 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam. Ngày 22/8/2026, Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 128-KH-TU về tổ chức Hội

STT	Tên Nghị quyết	Phân công thực hiện	Kết quả xây dựng chương trình hành động, kế hoạch tổ chức thực hiện
			nghị triển khai các văn bản của Tỉnh ủy thực hiện các nghị quyết, kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. UBND tỉnh đang xem xét ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 32-CTr/TU, ngày 21/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 217/NQ-CP, ngày 06/8/2026 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về "Đổi mới mô hình phát triển Việt Nam".
12	Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới	Sở Tài chính	Sở Tài chính đã có Tờ trình số 1069/TTr-STC ngày 15/9/2026 trình UBND tỉnh dự thảo Chương trình hành động của Tỉnh ủy và dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 29/9/2026 về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

Phụ lục V
Tiến độ thực hiện các dự án chuẩn bị phục vụ Hội nghị APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc
(Kèm theo Báo cáo số 956 /BC-UBND ngày 14/10/2026 của UBND tỉnh)

Stt	Tên dự án	Đơn vị phụ trách	*Tình hình thực hiện đến nay, tiến độ so với Kế hoạch số 61/KH-UBND*	Giải ngân/ Khối lượng	Phương hướng tới	Kết quả thực hiện so với tháng trước liền kề	Ghi chú
I. Tiến độ thi công							
I.1. Danh mục dự án đầu tư công							
1	Dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn	Ban QLDA các công trình NN&PTNT tỉnh	*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 52,03%.* *- Tiến độ thi công: 55,5%.* *2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: 19,23%, chậm 2,9 tháng* *3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027.*	110.247/389.044 triệu đồng, đạt 28,87%	Tập trung hoàn thành GPMB, cưỡng chế 04 hộ còn lại và xử lý các trường hợp có giấy chứng nhận; hoàn thiện điều chỉnh Lệnh khẩn cấp, bổ sung kinh phí bồi thường; đẩy nhanh thi công đào, vận chuyển đất, đắp đập, cống và các hạng mục liên quan, chủ động bổ sung nguồn lực để bù tiến độ.	Tiến độ thi công thực tế tăng 1.77%; giá trị giải ngân tăng 10.000 triệu đồng.	
2	Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2	Ban QLDA các công trình NN&PTNT tỉnh	*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 42,06%.* *- Tiến độ thi công: 51,42%.* *2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: 6,09%, chậm 4,8 tháng.* *3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027.*	238.782/825.489 triệu đồng, đạt 28,93%	Đẩy nhanh phê duyệt, chi trả và bàn giao phần mặt bằng còn lại khoảng 17 ha; sớm phê duyệt phương án tạm sử dụng rừng làm bãi chứa đất; tiếp tục thi công trên mặt bằng đã bàn giao, tăng cường nhân lực, thiết bị và vật liệu đá, điều chỉnh biện pháp thi công để bù tiến độ.	Tiến độ thi công tăng 1,16%; giải ngân tăng 20.000 triệu đồng.	
3	Dự án xây dựng kè và san lấp mặt bằng xây dựng Trung tâm tổ chức hội nghị APEC và các	Ban QLDA Xây dựng - Giao thông tỉnh	*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 56,20%.* *- Tiến độ thi công: 48,36%* *2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế:* chậm 141 ngày so với tiến độ theo hợp đồng.	189.063/686.000 triệu đồng, đạt 27,56%.	Huy động đầy đủ nhân lực, thiết bị, vật tư; đẩy nhanh sản xuất, vận chuyển và thi công cọc PHC 600, cọc SW840, Accropode và các hạng mục sàn giảm tải; chủ động thi công ngay khi thời tiết thuận lợi, tập trung bù tiến độ.	Tiến độ thi công tăng 1%; giải ngân tăng 25.009 triệu đồng.	

	công trình chức năng		*3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/12/2026*				
4	Dự án Đại lộ APEC		*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 48%.* *- Tiến độ thi công: 26,6%* *2. Tiến độ theo hợp đồng và tiến độ thực tế: chậm 117 ngày so với tiến độ theo hợp đồng.* *3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/12/2026*	255.455/625.466 triệu đồng, đạt 40,84%	Đẩy nhanh thi công các đoạn đã có mặt bằng; tháo dỡ, di dời hạ tầng kỹ thuật tại nút giao ĐT.973, bàn giao 250 m mặt bằng còn lại và bố trí nơi tập kết đất đá không thích hợp; hoàn thiện thủ tục điều chỉnh dự án, triển khai đồng bộ nền đường, hào kỹ thuật, thoát nước và cống hộp	Tiến độ thi công tăng 10,21%, giải ngân tăng 185.260 triệu đồng.	
5	Dự án đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 - Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 - ĐT.973)		*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 79,6%.* *- Tiến độ thi công: 53,14%* *2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: chậm 3 tháng* *3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/12/2026*	343.948/1.686.119 triệu đồng, đạt 20,40%	Đẩy nhanh thi công nền đường, cầu, hào kỹ thuật, thoát nước; khẩn trương xử lý các vị trí còn vướng GPMB, di dời điện, viễn thông, cấp nước; tăng cường nhân lực, thiết bị để bù tiến độ và đẩy nhanh thủ tục điều chỉnh dự án.	Tiến độ thi công tăng 6,27%.	
6	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1	Tập đoàn Sungroup	*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 42,78%.* *- Tiến độ thi công: 42,78%.* *2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế:* Các công việc chính đã thực hiện trong tuần: Triển khai thi công các hạng mục công trình: Thi công 3/3 hầm: Hầm số 1, số 2, số 3 ; Thi công 5/6 Nhà ga: Nhà ga số 1, số 2, số 3, số 4, Ga Apec; Toàn bộ 4/4 Cầu : số 1, Cầu số 2, cầu số 3, cầu số 4; Thi công đồng loạt 14/14,6 Km nền đường ray. *3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027*	1.879.273/3.440.244 triệu đồng, đạt 54,63%	Tiếp tục thi công đồng loạt các hạng mục hầm, nhà ga, cầu và nền đường ray; chủ động ứng phó mùa mưa, tăng ca, tăng kíp khi thời tiết thuận lợi; rà soát, hoàn thiện hồ sơ thiết kế - dự toán, tiêu chuẩn kỹ thuật và tập trung các hạng mục đường găng.	Tiến độ thi công tăng 7,5%.	
7	Dự án xây dựng công trình ngầm	Sở Xây dựng	*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 78,29*	39.630/233.390 triệu	Tập trung tháo gỡ vướng mắc về mặt bằng, điện, nước, viễn thông; đẩy nhanh thi công	Tiến độ thi công tăng 4,37%, giải	

	hóa hạ tầng kỹ thuật khu vực An Thới		*- Tiến độ thi công: 24,29%.* *2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: chậm 8 tháng.* *3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/12/2026*	đồng, đạt 16,98%	hào kỹ thuật, thoát nước và các hạng mục đủ điều kiện; bố trí bãi thải chính thức, tăng cường nhân lực, thiết bị để bù tiến độ.	ngân tăng 13.056 triệu đồng	
8	Dự án xây dựng công trình ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật khu vực Dương Đông	Sở Xây dựng	*1. Khối lượng thực hiện* *- Tiến độ dự án: 96,85* *- Tiến độ thi công: 67,54%* *2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: chậm 4 tháng* *3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/12/2026*	166.017/363.410 triệu đồng, đạt 45,68%	Đẩy nhanh thi công các tuyến 30/4, Hùng Vương, Nguyễn Trung Trực; xử lý dứt điểm các vướng mắc về điện, chiếu sáng; sớm bố trí bãi thải chính thức, bảo đảm mặt bằng và điều kiện thi công liên tục.	Tiến độ thi công tăng 11,56%, giải ngân tăng 21.589 triệu đồng.	
9	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện TP. Phú Quốc	Sở Khoa học và Công nghệ	1. Khối lượng thực hiện - Tiến độ dự án: 80,11%. - Tiến độ thi công: 62,07%. 2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: đúng tiến độ 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/12/2026	3.894/245.000 triệu đồng, đạt 1,59%	Đẩy nhanh thi công các hạng mục camera, điều khiển đèn giao thông, Trung tâm dữ liệu, IOC và các phần mềm; hoàn thiện kiểm thử, tích hợp và hạ tầng đường truyền. Tập trung tháo gỡ các vướng mắc về vị trí lắp đặt, cấp phép, điện, viễn thông và hạ tầng ngầm; tăng cường đôn đốc nhà thầu, bù tiến độ, phấn đấu hoàn thành nghiệm thu dự án trước ngày 31/12/2026	Tiến độ thi công tăng 5,91%, giải ngân tăng 3.894 triệu đồng.	
10	Khu Tái định cư An Thới	UBND đặc khu Phú Quốc	1. Khối lượng thực hiện - Tiến độ dự án: 77%. - Tiến độ thi công: 45,9% 2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: đúng tiến độ 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/10/2026	136.928/300.000 triệu đồng, đạt 45,64%	Đẩy nhanh các hạng mục thoát nước, hào kỹ thuật, đấu nối cấp nước; hoàn thành phương án bồi thường bổ sung; yêu cầu nhà thầu tăng nhân lực, thiết bị, tăng ca, tăng kíp, phấn đấu hoàn thành trong tháng 10/2026.	Tiến độ thi công tăng 6,56%, giải ngân tăng 27.266 triệu đồng.	
11	Khu Tái định cư Hồ Suối Lớn	UBND đặc khu Phú Quốc	1. Khối lượng thực hiện - Tiến độ dự án: 69%. - Tiến độ thi công: 20,96% 2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế:	90.279/252.000 triệu đồng, đạt 35,83%	Xử lý dứt điểm mặt bằng còn vướng, hoàn thiện thủ tục cưỡng chế; bảo đảm nguồn đá, vật liệu và xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh; đẩy nhanh thi công nền đường, thoát nước, phấn đấu hoàn thành trong tháng 10/2026.	Tiến độ thi công tăng 7,93%..	

			3. Kế hoạch tuần tới: Tiếp tục triển khai 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/10/2026				
12	Khu Tái định cư Hàm Ninh	UBND đặc khu Phú Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc.	1. Khối lượng thực hiện - Tiến độ dự án: 43,13%. - Tiến độ thi công: 11,1% 2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: đúng tiến độ 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 17/7/2026	17.445/539.000 triệu đồng, đạt 3,24%	Đẩy nhanh cưỡng chế, bàn giao mặt bằng; khẩn trương bảo đảm nguồn đất đắp, đẩy nhanh vận chuyển đất từ sân bay và ĐT.975; yêu cầu nhà thầu tăng nhân lực, thiết bị, tập trung khu vực 1.000 nền, phấn đấu hoàn thành trong tháng 9/2026 và các khối lượng còn lại trong tháng 10/2026.	Tiến độ thi công tăng 1,05%	
13	Khu Tái định cư Cửa Cạn	UBND đặc khu Phú Quốc	1. Khối lượng thực hiện - Tiến độ dự án: 41,4%. - Tiến độ thi công: 8,91% 2. Tiến độ theo Hợp đồng và tiến độ thực tế: Đúng tiến độ 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/10/2026	172.924/984.572 triệu đồng, đạt 17,56%	Tập trung xử lý mặt bằng, thủ tục thanh lý rừng và cưỡng chế giao đất; bảo đảm nguồn đất, đá; đẩy nhanh vận chuyển, san lấp và thi công các hạng mục hạ tầng, phấn đấu hoàn thành 1.000 nền trong tháng 9/2026 và toàn bộ dự án trong tháng 10/2026.	Tiến độ thi công tăng 1,94%	
14	Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu vực An Thới	UBND đặc khu Phú Quốc	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 0% - Tiến độ thi công: 0% 2. Tiến độ thi công thực tế: Đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại QĐ số 4309/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027		Khẩn trương triển khai các thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà thầu và tổ chức thi công, bảo đảm tiến độ xây dựng Nhà máy; đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc các đơn vị liên quan, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh, phấn đấu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng ngày 30/5/2026.		
I.2. Danh mục dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và đầu tư kinh doanh							
14	Dự án đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	Tập đoàn Sungroup	1. Khối lượng thực hiện: Nhà Ga T2: 74,07% ; Nhà Ga Vip: 97,62%; Đường cất hạ cánh: 100% - Bàn giao tài sản: Hoàn thành 2. Tiến độ hoàn thành trước ngày	13.602/22.000 tỷ đồng, đạt 57,18%	Tiếp tục đôn đốc nhà đầu tư tập trung nhân lực, thiết bị, tổ chức thi công đồng bộ các hạng mục, phấn đấu hoàn thành dự án trước ngày 30/12/2026; khẩn trương tháo gỡ các vướng mắc về giải phóng mặt bằng, đồng thời bảo	Giá trị giải ngân tăng 1.018.000 triệu đồng	

			30/12/2026		đảm, bổ sung kịp thời nguồn đá xây dựng, đáp ứng nhu cầu thi công, không để thiếu vật liệu ảnh hưởng đến tiến độ dự án.		
15	Trung tâm tổ chức Hội nghị APEC	Tập đoàn Sungroup	1. Khối lượng thực hiện: 71,2% UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định, hiện đang hoàn thiện quy chế làm việc; hồ sơ dự án cơ bản hoàn chỉnh nhưng các báo cáo thẩm tra chưa đạt yêu cầu, đang tiếp tục rà soát, hoàn thiện theo quy định. 2. Tiến độ thi công thực tế Trung tâm hội nghị và triển lãm (S3): Khối lượng kết cấu bê tông cốt thép đạt khoảng 90%; kết cấu thép đang được triển khai đồng bộ, cơ bản hoàn thành nhiều phân khu chính. Nhà hát đa năng (S2): Khối lượng kết cấu bê tông cốt thép đạt khoảng 80%. Công viên APEC: Chưa triển khai (0%). 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027	6.630 /21.860 tỷ đạt 23,53%	Tiếp tục đôn đốc nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, tập trung hoàn thành kết cấu các hạng mục S2, S3 và các hạng mục hạ tầng liên quan; chủ động tổ chức thi công phù hợp trong điều kiện mùa mưa, tăng cường huy động nhân lực, thiết bị và tổ chức thi công tăng ca, ca 3. Đồng thời, đẩy nhanh bơm cát khu vực giai đoạn 2, phối hợp đồng bộ với thi công hạ tầng giai đoạn 1, hạn chế ảnh hưởng do mặt bằng thi công chật hẹp và bảo đảm tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027.	Tiến độ dự án tăng 6,5%, giá trị giải ngân tăng 1.486.000 triệu đồng	
16	Khu xử lý rác Bãi Bổn (Hàm Ninh)	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 49%. - Tiến độ thi công: 31% 2. Tiến độ thi công thực tế: Đã giao, cho thuê đất toàn bộ; khối lượng lũy kế đạt khoảng 31%, đã hoàn thành các hạng mục chuẩn bị mặt bằng, đường tạm, một số tuyến đường nội bộ, móng và kết cấu chính nhà tiếp nhận rác số 5;	15 tỷ đồng; đạt 5%	Tiếp tục thi công đồng loạt các hạng mục; tập trung nhà tiếp nhận rác, hố tiếp nhận, hố chôn rác, hạ tầng giao thông, thoát nước và đẩy nhanh gia công, vận chuyển, lắp đặt thiết bị công nghệ, bảo đảm mục tiêu hoàn thành ngày 31/12/2026.	Tiến độ thi công tăng 0%	

			đang triển khai các hạng mục còn lại. 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/12/2026				
17	Nhà máy điện rác Bãi Bổn (Hàm Ninh)	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 16,75%. - Tiến độ thi công: 3 % 2. Tiến độ thi công thực tế: Đã giao, cho thuê 9,905 ha, bảo đảm diện tích thực hiện; khối lượng lũy kế đạt khoảng 3%, đang san lấp mặt bằng và thi công tuyến đường chính Lối đi số 2 dài 196 m kết nối với ĐT.975C, cùng hệ thống thoát nước. 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/3/2027	58,6 tỷ đồng; đạt 15,3%	Khẩn trương huy động đầy đủ nhân lực, thiết bị và tổ chức thi công đồng loạt các hạng mục, đồng thời lập tiến độ chi tiết sản xuất, vận chuyển, lắp đặt và chạy thử thiết bị để theo dõi hằng tuần, hạn chế nguy cơ chậm tiến độ.	Tiến độ thi công tăng 1%	
18	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt An Thới	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 11,2%. - Tiến độ thi công: 0% 2. Tiến độ thi công thực tế: Tình hình GPMB: Nhà đầu tư đã ứng 36,124 tỷ đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giai đoạn 1 (1,47 ha) và đã đề nghị thuê đất nhưng chưa được giao, cho thuê nên chưa thể khởi công.	42,89 tỷ đồng; đạt 30,6%	Khẩn trương hoàn tất thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với phần diện tích đã bồi thường để đủ điều kiện khởi công; đồng thời hoàn thiện xác định nguồn gốc đất, tình trạng quy hoạch rừng và phương án bồi thường đối với phần diện tích còn lại.		
19	Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu vực Dương Đông	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 12%. - Tiến độ thi công: 0% 2. Tiến độ thi công thực tế: - Giao, thuê đất: Chưa thực hiện do Nhà đầu tư mới nộp 30/149,62 tỷ đồng kinh phí bồi thường, hỗ trợ,	65 tỷ đồng, đạt 10,8%	Tiếp tục yêu cầu nhà đầu tư bố trí đủ kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn thiếu khoảng 119,621 tỷ đồng để hoàn thành GPMB, đủ điều kiện giao đất; đồng thời xử lý vướng mắc về phương pháp xác định giá dịch vụ thoát nước để bảo đảm tính khả thi của dự án.		

			tái định cư, còn thiếu khoảng 119,62 tỷ đồng. - Tiến độ: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Nhà đầu tư hoàn tất kinh phí còn thiếu trước 24/8/2026 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027				
20	Nhà máy nước Dương Đông 2	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 42,5%. - Tiến độ thi công: 41% 2. Tiến độ thi công thực tế: Đang san lấp mặt bằng, tận thu khoáng sản để hoàn tất thủ tục giao, cho thuê đất; Công ty đã ép cọc thử và hoàn thành đào đắp 02 bể chứa nước. Khối lượng: Đã lắp đặt 15.100/33.000 m đường ống (46,5%), khối lượng chung đạt 19,3%, giải ngân 87 tỷ đồng, đạt 31,07% tổng vốn đầu tư. 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027	85,4 tỷ đồng; đạt 26,7%	Tiếp tục lắp đặt tuyến ống, thi công đường tạm, cấp điện tạm và chuẩn bị ép cọc; đẩy nhanh việc san lấp, tận thu khoáng sản và hoàn tất thủ tục giao đất, cho thuê đất cho nhà máy để không ảnh hưởng tiến độ hoàn thành tháng 5/2027.	Giá trị giải ngân tăng 10,4 tỷ đồng	
21	Nhà máy nước hồ Cửa Cạn	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 43,7%. - Tiến độ thi công: 20% 2. Tiến độ thi công thực tế: Đã giao, cho thuê đất toàn bộ; khối lượng lũy kế khoảng 20%, các hạng mục nhà máy đang thi công, sản xuất 4.000 m ống HDPE D560. Khó khăn: Tuyến ống truyền tải chưa thi công đồng bộ do còn	59,2 tỷ đồng; đạt 10,7%	Tiếp tục thi công các hạng mục chính của nhà máy; khẩn trương tháo gỡ vướng mắc đối với tuyến ống truyền tải, đồng thời hoàn thiện phương án thi công đoạn tuyến qua ĐT.975B và Vườn Quốc gia; xem xét gia hạn thời gian thu hồi đất, cát từ lòng hồ Cửa Cạn đến hết tháng 11/2026 để phục vụ san lấp.	Tiến độ thi công tăng 1,1%	

			vướng thỏa thuận vị trí đoạn qua ĐT.975B và Vườn Quốc gia Phú Quốc; ngày 15/9/2026, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc đã yêu cầu Nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ và lập tiến độ chi tiết để theo dõi hằng tuần. 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 31/3/2027				
22	Khu đô thị hỗn hợp - Bãi Đất đỏ	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 50%. - Tiến độ thi công: 35,1% 2. Tiến độ thi công thực tế: Đã GPMB 87,47/88,5 ha (99%), giao/cho thuê đất 83,7 ha (94,58%); khối lượng xây dựng lũy kế đạt khoảng 35,1%, các khu S5–S10 đang thi công phần thân/hầm, S12 chuẩn bị thi công đại trà. 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027	13.776 tỷ đồng; đạt 21,54%	Tiếp tục thi công các hạng mục theo tiến độ; khẩn trương hoàn tất bồi thường, giao đất, cho thuê đất đối với khoảng 1 ha còn lại, bảo đảm triển khai đồng bộ toàn dự án.	Giá trị giải ngân tăng 8.360 tỷ đồng	
23	Khu đô thị hỗn hợp du lịch sinh thái Núi Ông Quán	Ban Quản lý Khu kinh tế	1. Khối lượng thực hiện: - Tiến độ dự án: 52,8%. - Tiến độ thi công: 40% 2. Tiến độ thi công thực tế: Đã GPMB 22/22 ha (100%), giao/cho thuê đất 21,19/22 ha (96,3%); khối lượng xây dựng lũy kế đạt khoảng 40,1%, các tòa 4.1–4.7 đang triển khai thi công ở các mức độ khác nhau. 3. Tiến độ hoàn thành trước ngày 30/5/2027	2.887 tỷ đồng; đạt 52,11%	Tiếp tục thi công các tòa nhà theo tiến độ, ưu tiên các hạng mục móng, tầng hầm và kết cấu phần thân; sớm hoàn tất thủ tục giao đất, cho thuê đất khoảng 0,81 ha còn lại.	Giá trị giải ngân tăng 303 tỷ đồng	
II. Tiến độ giải phóng mặt bằng							

1	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư hồ nước Cửa Cạn	UBND đặc khu Phú Quốc	Đất dân 8,5 ha đã phê duyệt phương án bồi thường 100%, bàn giao khoảng 7,52/8,5 ha, đạt 88,47%. Đất rừng đã giao thực địa khoảng 197,82 ha, đang hoàn thiện thủ tục pháp lý.	81.188/157.914 triệu đồng, đạt 51,41%	Tiếp tục xử lý phần mặt bằng còn lại; hoàn thiện hồ sơ pháp lý giao đất; phối hợp xử lý vi phạm, cưỡng chế để sớm bàn giao toàn bộ mặt bằng.	Đã cơ bản đảm bảo mặt bằng thi công.	Tháng 6/2026
2	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư hồ nước Dương Đông 2	UBND đặc khu Phú Quốc	Đã phê duyệt bồi thường 56,82/90,11 ha, đạt 63,06%; đã bàn giao 55,23/90,11 ha, đạt 61,29%. Một số diện tích đang xác minh, thẩm định và lấy ý kiến người dân.	1.301.174/1.426.557 triệu đồng, đạt 91,21%	Đẩy nhanh thẩm định, phê duyệt các phương án còn lại; tiếp tục đối thoại, vận động người dân nhận tiền và bàn giao mặt bằng.		
3	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đại lộ APEC	UBND đặc khu Phú Quốc	Phần đầu tư công 3,24 ha đã bồi thường và bàn giao 100%. Phần đầu tư tư trong Khu đô thị An Thới 260 ha, diện tích 5,12 ha trong phạm vi Đại lộ đã bồi thường, bàn giao 100%.	170.192/200.000 triệu đồng, đạt 84,42%.	Duy trì mặt bằng đã bàn giao, phối hợp chủ đầu tư bảo đảm thi công theo tiến độ.	Giải ngân tăng 850 triệu đồng, Hoàn thành GPMB	
4	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường tỉnh ĐT.975	UBND đặc khu Phú Quốc	Diện tích khoảng 6,78 ha; đã phê duyệt bồi thường và bàn giao mặt bằng 100%.	267.682/359.000 triệu đồng, đạt 74,56%	Hoàn tất các thủ tục còn lại và bảo đảm mặt bằng phục vụ thi công tuyến đường.	.Hoàn thành GPMB	
5	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án Tái định cư Suối Lớn	UBND đặc khu Phú Quốc	Diện tích 24,91 ha; đã phê duyệt bồi thường 100%; bàn giao 24,3/24,91 ha, đạt 97,55%.	629.135/667.428 triệu đồng, đạt 93,82%	Tiếp tục vận động các hộ còn lại nhận tiền, bàn giao mặt bằng; trường hợp không chấp hành thì củng cố hồ sơ cưỡng chế. Đồng thời ưu tiên hoàn thiện hạ tầng khoảng 200 nền để bố trí tái định cư.	Giải ngân tăng 2.944 triệu đồng. Tăng bàn giao 2,01%, còn 0,61ha	
6	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án	UBND đặc khu Phú Quốc	Diện tích 23,87 ha; đã phê duyệt bồi thường toàn bộ và bàn giao mặt bằng 100%. Đã bàn giao 525/1.200 nền tái định cư.	815.546/841.000 triệu đồng, đạt 96,97%	Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng và bàn giao số nền còn lại; dự kiến hoàn thành bàn giao toàn bộ nền vào 30/10/2026 theo báo cáo.	Giá trị giải ngân tăng 11.796 triệu đồng. Hoàn thành GPMB	

	Tái định cư An Thới						
7	Dự án Khu Tái định cư Cửa Cạn	UBND đặc khu Phú Quốc	Tổng mặt bằng đã giao 95,7/98,2 ha, đạt 97,45%. Phần đất rừng còn vướng khoảng 1,2181 ha; phần đất phải bồi thường còn 0,57 ha của 05 hộ chưa nhận tiền.		Tiếp tục xử lý diện tích còn vướng, vận động các hộ nhận tiền; thực hiện cưỡng chế đối với trường hợp vi phạm, bảo đảm hoàn thành mặt bằng.	Tăng bàn giao 0,15%	
8	Dự án Khu tái định cư Hàm Ninh	UBND đặc khu Phú Quốc	Vườn Quốc gia đã bàn giao 96,16/102,85 ha, đạt 93,5%; còn vướng thực tế khoảng 7,17 ha.		Tiếp tục xử lý vi phạm, vận động và cưỡng chế để hoàn thành GPMB; đồng thời tập trung hoàn thiện khoảng 1.000 nền tái định cư. Khó khăn lớn là thiếu khoảng 1,4 triệu m³ đất san lấp, dự kiến cuối tháng 10/2026 mới hoàn tất thủ tục tận thu theo báo cáo.	Tăng bằng giao lên 0,44%, còn khoảng 7,17 ha	
9	Dự án đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	UBND đặc khu Phú Quốc	Khu vực ưu tiên 72,22 ha; đã phê duyệt bồi thường 49,55/69 ha, đạt 71,81%; đã bàn giao 42,5/72,22 ha, đạt 58,85%.		Tiếp tục vận động người dân nhận tiền, bàn giao đất; song song hoàn thiện hồ sơ và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.	Tăng bàn giao 22,05%	
10	Dự án khu đô thị hỗn hợp - Bãi Đất Đỏ	UBND đặc khu Phú Quốc	Đã phê duyệt bồi thường 100%; bàn giao 88,17/88,38 ha, đạt 99,76%.		Tiếp tục vận động phần diện tích còn lại, đồng thời hoàn thiện hồ sơ cưỡng chế.		
11	Dự án khu đô thị hỗn hợp du lịch sinh thái Núi Ông Quán	UBND đặc khu Phú Quốc	Đã phê duyệt bồi thường 100%, bàn giao mặt bằng 100%.		Duy trì mặt bằng đã bàn giao, phối hợp chủ đầu tư bảo đảm tiến độ triển khai dự án.	Đã hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường và bàn giao mặt bằng	
12	Dự án nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt An Thới	UBND đặc khu Phú Quốc	Đã đo đạc, kiểm đếm 100%. Diện tích 1,47 ha đã phê duyệt và chi trả 06/06 hộ; còn 2,64 ha và 0,1 ha chưa hoàn thành phương án do vướng áp giá đất cụ thể sau 01/7/2026.		Sớm tháo gỡ vướng mắc về giá đất cụ thể, hoàn thành thẩm định, phê duyệt và chi trả bồi thường đối với diện tích còn lại.		
13	Dự án nhà máy xử lý nước thải tập trung khu vực An Thới	UBND đặc khu Phú Quốc	Diện tích 1,01 ha; đã bàn giao mặt bằng 100%.		Sở Tài chính thẩm định chủ trương đầu tư công; dự kiến tháng 10/2026 ký hợp đồng EPC để triển khai. Theo báo cáo, mục tiêu hoàn thành trước tháng 8/2027.	Hoàn thành GPMB	

14	Dự án nhà máy xử lý nước thải tập trung khu vực Dương Đông	UBND đặc khu Phú Quốc	Diện tích 2,8 ha, đã đo đạc, kiểm đếm. Nhà đầu tư mới tạm ứng 30/149 tỷ đồng kinh phí bồi thường, hỗ trợ; chưa nộp phần còn lại.		Đề nghị nhà đầu tư khẩn trương bố trí đủ kinh phí bồi thường, GPMB để tiếp tục thực hiện phương án đã được phê duyệt và hoàn thành bàn giao mặt bằng.		
15	Dự án nhà máy nước Dương Đông 2	UBND đặc khu Phú Quốc	Diện tích 3,6 ha, nằm trong phạm vi dự án Hồ nước Dương Đông 2; phụ lục thể hiện đã bàn giao mặt bằng 100%.		Tiếp tục phối hợp thực hiện theo tiến độ chung của dự án Hồ nước Dương Đông 2.		
16	Dự án nhà máy nước hồ Cửa Cạn	UBND đặc khu Phú Quốc	Diện tích 3,6 ha, nằm trong phạm vi dự án Hồ nước Cửa Cạn; phụ lục thể hiện mặt bằng 100%.		Tiếp tục phối hợp thực hiện theo tiến độ chung của dự án Hồ nước Cửa Cạn.		
III. Về vật liệu xây dựng: Qua thống kê, tổng nhu cầu dự kiến để phục vụ các dự án, như sau: cát đắp khoảng 16.346.231 m^3; đá các loại khoảng 4.826.152 m^3; đất đắp khoảng 5.214.371 m^3.							
1	Về cát đắp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh đã cấp phép khai thác 02 mỏ cát biển tại Mũi Ông Đội (trữ lượng 6,9 triệu m^3) phục vụ Dự án Trung tâm Hội nghị APEC; đến ngày 10/6/2026 đã khai thác khoảng 4,5 triệu m^3, đạt 64,77% nhu cầu. hiện tạm ngừng khai thác do biển động.		Theo dõi tình hình thời tiết, biển động để tổ chức khai thác trở lại ngay khi điều kiện cho phép, đồng thời đôn đốc đơn vị chủ mỏ đẩy nhanh khai thác, vận chuyển và cung cấp cát, bảo đảm đủ khối lượng phục vụ san lấp và tiến độ Dự án Trung tâm tổ chức hội nghị APEC.		
2	Về đất đắp		Nguồn vật liệu đào, đắp dôi dư từ các dự án APEC cơ bản đáp ứng nhu cầu san lấp; UBND tỉnh đã hoàn thành các thủ tục xác nhận thu hồi khoáng sản và thống nhất phương án sử dụng vật liệu phục vụ san lấp Khu tái định cư Hàm Ninh.		Tiếp tục điều phối, tận dụng hiệu quả nguồn đất đắp từ các dự án dôi dư, đảm bảo đáp ứng nhu cầu san lấp. Tăng cường phối hợp triển khai các phương án đổ thải, thu hồi khoáng sản theo quy định; đồng thời quản lý, giám sát chặt chẽ quá trình vận chuyển, sử dụng để đảm bảo tiến độ và hiệu quả dự án.		
3	Về nguồn đá		Tổng nhu cầu vật liệu phục vụ các dự án APEC giai đoạn 2026–2027 khoảng 4,54 triệu m^3; nhu cầu năm 2026 khoảng 4,2 triệu m^3. Đến nay, đã phân bổ khoảng 3,27 triệu		Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các đơn vị khai thác, cung cấp và vận chuyển vật liệu, bảo đảm nguồn cung cho các dự án APEC; chủ động điều tiết, bổ sung vật liệu giữa các dự án phù hợp với tiến độ thi công, ưu tiên các công		

			m³ cho 14 công trình và khoảng 1,27 triệu m³ cho 02 công trình thông qua giấy phép khai thác; đồng thời điều tiết bổ sung 0,2 triệu m³ cho một số dự án. Tổng khối lượng đã cung cấp đến ngày 09/9/2026 khoảng 1,95 triệu m³. Tiến độ cung cấp còn chậm do mùa mưa bão ảnh hưởng đến khai thác, chế biến và vận chuyển vật liệu..		trình có nhu cầu cấp thiết và có khả năng triển khai ngay. Đồng thời, tăng cường phối hợp tháo gỡ khó khăn trong khai thác, vận chuyển, nhất là trong điều kiện mùa mưa bão, nhằm bảo đảm tiến độ cung cấp vật liệu.		
4	Về đăng ký thu hồi khoáng sản trong dự án công trình		Đến nay, có 03 dự án đã thực hiện đăng ký thu hồi khoáng sản, gồm: Mở rộng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc đã cung cấp 528.776 m³/788.768 m³, đạt 67,07%; Khu đô thị hỗn hợp du lịch sinh thái núi Ông Quán đã cung cấp 68.718,7 m³/73.891 m³, đạt 89,79%; Dự án thành phần thuộc ĐT.975 đã cung cấp 1.332.645 m³/1.693.633 m³, đạt khoảng 78%. Khối lượng đã cung cấp chủ yếu phục vụ các dự án tái định cư, Khu đô thị hỗn hợp Bãi Đất Đỏ APEC và Khu dân cư Phú Quốc Housing.		Tiếp tục rà soát, đôn đốc các dự án đã được xác nhận thu hồi khoáng sản đẩy nhanh việc khai thác, cung cấp và điều phối khối lượng còn lại cho các dự án có nhu cầu; đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ các dự án đủ điều kiện sớm hoàn thiện thủ tục đăng ký thu hồi khoáng sản, góp phần bảo đảm nguồn vật liệu và tiến độ các dự án APEC.		

Phụ lục VI
Các đề án, nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang
(Kèm theo Báo cáo số 956/BC-UBND ngày 14 /10/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Tài chính	Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026	- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 04/5/2026 về thực hiện Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. - UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/7/2026 Tổ chức tập huấn Luật Quy hoạch năm 2025; triển khai công tác Quy hoạch tỉnh; hướng dẫn sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án nâng cao chất lượng tăng trưởng hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số tỉnh An Giang.	
2	Đề án tổ chức, xây dựng lực lượng, huấn luyện, hoạt động và đảm bảo chế độ, chính sách trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã cho dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	UBND tỉnh	Đề án số 150/ĐA-UBND ngày 10/12/2025	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1086/KH-BCH ngày 25/02/2026 thực hiện Đề án. Hiện nay, đang triển khai thực hiện Đề án, phân kỳ năm 2026 theo đúng tiến độ.	
3	Kế hoạch nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính.	Sở Nội vụ	UBND tỉnh	Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 16/4/2026	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 16/4/2026 về nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI giai đoạn 2026-2030; tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS năm 2025 và Hội nghị tập huấn chuyên đề về cải cách hành chính theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến đến 102 xã, phường, đặc khu, tổ chức 06 lớp tập huấn công tác cải cách hành chính và văn hóa công vụ, qua đó xác định các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và hiệu quả quản trị, điều hành. Theo Kế hoạch 201/KH-UBND, tỉnh triển khai 77 nhiệm vụ; đến nay, các nhiệm vụ cơ bản bảo đảm tiến độ, công tác CCHC năm 2026 đã hoàn thành 72/81 nhiệm vụ, đạt 88,9%. Tỉnh tập trung đẩy mạnh cải cách TTHC, tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ, cải cách tài chính công, chuyển đổi số; tăng cường kiểm tra CCHC, kỷ luật, kỷ cương, kiểm soát TTHC, tuyên truyền CCHC;	

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
					đồng thời thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng phục vụ người dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, giải quyết kiến nghị của người dân và triển khai một số sáng kiến, giải pháp công nghệ phục vụ quản lý, điều hành. Các nhiệm vụ còn lại đang tiếp tục được rà soát, đôn đốc thực hiện theo tiến độ, góp phần nâng cao kết quả các Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI của tỉnh	
4	Kế hoạch xây dựng xã, phường, đặc khu đạt chuẩn về an ninh trật tự và văn minh đô thị.	Công an tỉnh	UBND tỉnh	Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 16/4/2026	Trên cơ sở Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an. Công an tỉnh đang phối hợp Sở Tư pháp dự thảo Quyết định ban hành Bộ Tiêu chí thực hiện xã, phường, đặc khu đạt chuẩn về an ninh, trật tự và văn minh đô thị và bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để các sở, ban, ngành tham gia đóng góp ý kiến theo quy định của quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
5	Đề án nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh An Giang hướng tới mục tiêu hai con số giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 338/KH-UBND ngày 26/6/2026 thực hiện Quyết định phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng tăng trưởng hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số tỉnh An Giang giai đoạn 2026 -2030. Đồng thời, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai tại đơn vị mình	
6	Đề án phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang.	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 363/KH-UBND ngày 06/7/2025 về thực hiện Đề án Phát triển kinh tế tư nhân tỉnh An Giang	
7	Đề án phát triển Phú Quốc theo cơ chế đặc thù, vượt trội.	Sở Tài chính	UBND tỉnh	-	Văn phòng Tỉnh ủy có Thông báo số 292-TB/VPTU ngày 19/3/2026 tạm thời chưa thông qua dự thảo Đề án phát triển Phú Quốc theo cơ chế đặc thù, vượt trội.	

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
8	Đề án hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, logistics.	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	Sở Xây dựng đang hoàn thiện dự thảo Kế hoạch thực hiện Đề án hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, logistics lấy ý kiến các ngành, đia phương. Đến nay, Sở Xây dựng chưa hoàn thành Kế hoạch thực hiện Đề án trình UBND tỉnh ban hành.	Chưa ban hành Kế hoạch
9	Đề án xây dựng phát triển nhanh các đô thị động lực: Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, An Biên, Giồng Riềng.	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Sở Xây dựng đang hoàn thiện dự thảo Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng phát triển nhanh các đô thị động lực: Long Xuyên, Châu Đốc, Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, An Biên, Giồng Riềng. Đến nay, Sở Xây dựng chưa hoàn thành Kế hoạch thực hiện Đề án trình UBND tỉnh ban hành.	Chưa ban hành Kế hoạch
10	Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thủ tướng Chính phủ	Đang hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền	Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Tờ trình số 164/TTr-SNNMT ngày 13/5/2026 trình UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia. UBND tỉnh đang hoàn thiện Tờ trình UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	Thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ
11	Đề án Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch gắn với công nghiệp chế biến, chế tạo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Đã ban hành Kế hoạch số 151/KH-SNNMT ngày 01/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về triển khai Đề án Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch gắn với công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2026. Đang phối hợp Sở Tài chính, Sở Công thương, các đơn vị liên quan tham mưu triển khai rà soát danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 thuộc Đề án phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch gắn với công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2040.	
12	Đề án bảo vệ môi trường và thích ứng với đổi khí hậu, phát triển bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	UBND ban hành Kế hoạch số 315/KH-UBND ngày 16/6/2026 về Kế hoạch thực hiện Đề án "Bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh An Giang, để triển khai thực hiện.	
13	Chương trình sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm.	Sở Nông nghiệp	UBND tỉnh	Chương trình số 206/CTr-	Đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-SNNMT ngày 25/5/2026 về phân công tổ chức thực hiện "Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia, sản phẩm của tỉnh, mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-	

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
		và Môi trường		UBND ngày 16/4/2026	2030".	
14	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh An Giang giai đoạn 2025 – 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND tỉnh	Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 265/KH-UBND ngày 21/5/2026 về việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang.	Quyết định ban hành 03 Chương trình mục tiêu quốc gia
15	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh	Đề án số 1393/ĐA-UBND ngày 16/4/2026	UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch số 428/KH-UBND thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh An Giang, giai đoạn 2026 – 2030" năm 2026.	
16	Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.	Sở Công Thương	UBND tỉnh	Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 28/4/2026	UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch số 443/KH-UBND ngày 10/8/2026 thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.	
17	Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh	Chương trình số 208/CTr-UBND ngày 16/4/2026	UBND tỉnh ban hành Chương trình số 208/CTr-UBND ngày 16/4/2026. HĐND tỉnh đã chấp thuận việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030 (tại Thông báo số 95/TB-TT ngày 29/6/2026). Hiện Sở tổng hợp ý kiến các cơ quan, đơn vị đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030.	
18	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh	Chương trình số 207/CTr-UBND ngày 16/4/2026	UBND tỉnh đã ban hành Chương trình số 208/CTr-UBND ngày 16/4/2026. HĐND tỉnh đã chấp thuận việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030 (tại Thông báo số 94/TB-TT ngày 29/6/2026). Hiện Sở đang gửi lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.	

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
19	Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa tỉnh An Giang.	Sở Văn hóa và Thể thao	UBND tỉnh	Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 15/4/2026	Sau khi Đề án được phê duyệt, đã ban hành Công văn số 1955/SVHTT-QLVH ngày 04/5/2026 triển khai đến các sở, ban, ngành, cơ quan Đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trên địa bàn tỉnh[47]. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 317/KH-SVHTT ngày 04/5/2026 triển khai thực hiện nhiệm vụ trong năm 2026 của Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa tỉnh An Giang. Trong đó, trọng tâm năm 2026 tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau: (1) Điều tra – kiểm kê di sản văn hóa toàn tỉnh; thu thập dữ liệu; lập nền tảng bản đồ văn hóa số. (2) Khảo sát nhu cầu đào tạo; mở lớp truyền dạy đầu tiên. Ưu tiên mô hình "nghệ nhân - cộng đồng - trường học" nhằm tạo môi trường thực hành bền vững, gắn với giáo dục thế hệ trẻ. (3) Khảo sát địa điểm đề xuất xây dựng 05 không gian văn hóa; chuẩn bị mặt bằng, mô hình thí điểm, gồm: - Không gian văn hóa núi (Bảy Núi) - trung tâm của văn hóa Khmer; - Không gian văn hóa sông Hậu - bản sắc thương hồ và tín ngưỡng tâm linh đặc trưng; - Không gian văn hóa biển - đảo Biển Tây - di sản nghề cá và tín ngưỡng bảo trợ biển; - Không gian văn hóa thị - cảng Hà Tiên - nơi hội tụ văn hóa Hoa và giao thương quốc tế; - Không gian văn hóa rừng U Minh Thượng - tri thức bản địa trong sinh thái ngập mặn - rừng tràm. (4) Lập kế hoạch sự kiện - truyền thông, biên tập nội dung quảng bá. Đẩy mạnh truyền thông đa nền tảng về bản sắc văn hóa tỉnh nhằm lan tỏa giá trị di sản tới cộng đồng trong nước và quốc tế.	

[47] Hiện có Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương: An Biên, An Châu, An Phú, Cần Đăng, Châu Đốc, Châu Thành, Định Hòa, Giang Thành, Gò Quao, Hòa Hưng, Khánh Bình, Long Điền, Mỹ Thuận, Nhơn Hội, Phú Hữu, Tân An, Thạnh Hưng, Thới Sơn, Tịnh Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Tuy đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện.

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
					Trên cơ sở Kế hoạch số 317/KH-SVHTT, Bảo tàng tỉnh và các phòng chuyên môn thuộc Sở đang tích cực phối hợp các địa phương triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đạt tiến độ theo kế hoạch đề ra.	
20	Đề án Phát triển du lịch An Giang giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2035.	Sở Du lịch	UBND tỉnh	Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Sở Du lịch đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 519/KH-UBND ngày 06/9/2026 về thực hiện Đề án Phát triển du lịch An Giang giai đoạn 2026 – 2030, định hướng đến năm 2035.	
21	Đề án đẩy mạnh hoạt động đối ngoại.	Sở Du lịch	UBND tỉnh	Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Sở Du lịch đã trình UBND tỉnh, dự thảo: Chương trình hành động của ban chấp hành đảng bộ tỉnh Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 19/05/2026 của Bộ Chính trị về triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIV của Đảng. Sở Du lịch sẽ tham mưu 01 Kế hoạch tổng thể triển khai để tránh việc ban hành các kế hoạch có nội dung trùng lắp.	
22	Đề án đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh	Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Triển khai Đề án đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 481/KH-UBND ngày 24/8/2026 triển khai Đề án đột phá ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030.	
23	Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	UBND tỉnh	Đề án số 106/ĐA-UBND ngày 16/4/2026	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đang tổng hợp và hoàn thiện dự thảo Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2026 – 2030 trình UBND tỉnh phê duyệt	Văn bản quản lý theo chế độ "Mật"
24	Đề án Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới.	Sở Nội vụ	UBND tỉnh	Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 16/4/2026	Đảng ủy UBND tỉnh đã phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 94-KH/TU ngày 25 tháng 5 năm 2026 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm 2026. Đồng thời, chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 204/KH-UBND về hỗ trợ phát triển thị trường lao động giai đoạn 2026–2030, Kế hoạch số 217/KH-UBND về đào tạo nghề năm 2026, Kế hoạch số 329/KH-UBND về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2026. Thành lập Hội đồng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh và chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai Đề án, góp phần nâng	

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
					cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	
25	Đề án phòng thủ dân sự giai đoạn 2026 - 2030.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	UBND tỉnh	Đề án số 107/ĐA-UBND ngày 16/4/2026	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 447/KH-UBND ngày 10/8/2026 triển khai thực hiện Đề án phòng thủ dân sự giai đoạn 2026 – 2030, Phân kỳ 2026	Văn bản quản lý theo chế độ "Mật"
26	Đề án bảo đảm an ninh trật tự, củng cố quốc phòng an ninh khu vực biên giới.	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	UBND tỉnh	Đề án số 105/ĐA-UBND ngày 16/4/2026	UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 18/6/2026 về việc triển khai thực hiện Đề án bảo đảm an ninh trật tự, củng cố quốc phòng an ninh khu vực biên giới.	Văn bản quản lý theo chế độ "Mật"
27	Đề án số hóa tài liệu quản lý và sử dụng hiệu quả trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức bộ máy	Sở Tài chính	UBND tỉnh	Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 25/6/2026	- UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 369/KH-UBND ngày 07/7/2026 về triển khai thực hiện Đề án số hóa tài liệu quản lý và sử dụng hiệu quả trụ sở, tài sản sau sắp xếp tổ chức bộ máy. - Các cơ quan, đơn vị và địa phương xã xây dựng kế hoạch thực hiện tại đơn vị. - Sở Tài chính trình UBND tỉnh bổ sung dự toán kinh phí thực hiện năm 2026 làm cơ sở tổ chức thực hiện đề án được duyệt	
28	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển Phú Quốc theo cơ chế đặc thù, vượt trội (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án)	Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc	UBND tỉnh		Tiếp tục thực hiện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án phát triển Phú Quốc theo cơ chế đặc thù, vượt trội.	Đề án mới bổ sung
29	Đề án Khu Thương mại tự do Phú Quốc	Sở Tài chính	UBND tỉnh		UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 10705/VP-KT ngày 09/6/2026 thống nhất chủ trương xây dựng Đề án Khu Thương mại tự do Phú Quốc Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 7026/STC-THQH ngày 22/7/2026 về việc lấy ý kiến Sở, ban, ngành và địa phương các nội dung lập Đề cương, dự toán trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương lập Đề án Khu Thương mại Tự do Phú Quốc.	Đề án mới bổ sung

STT	Tên chương trình, dự án, đề án...	Cơ quan chủ trì tham mưu	Thẩm quyền ban hành	Đề án, chương trình đã ban hành	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
30	Xây dựng Đề án phát triển Kinh tế tầm thấp trên địa bàn tỉnh An Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh		Thực hiện Biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) đã ký với Tập đoàn CT Group, Sở Khoa học và Công nghệ đang phối hợp xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Biên bản ghi nhớ; trong đó, xác định nội dung Sở Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với Tập đoàn CT Group nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển kinh tế tầng thấp trên địa bàn tỉnh An Giang. Hiện Sở chưa xây dựng dự thảo Đề án cụ thể; sau khi Kế hoạch triển khai thực hiện MOU được ban hành, Sở sẽ tiếp tục phối hợp Tập đoàn CT Group và các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai xây dựng Đề án theo đúng nội dung, tiến độ đã xác định.	Đề án mới bổ sung

**** Ghi chú:*** *Đến nay, UBND tỉnh đã triển khai 25/30 chương trình, dự án, đề án và đang triển khai, hoàn thiện 06/30 chương trình, dự án, đề án*

Phụ lục VII
Phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2026
(Kèm theo Báo cáo số 956 /BC-UBND ngày 14 /10/2026 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
I. Lĩnh vực kinh tế		
1	Sở Tài chính	Chủ trì, phối hợp với các chủ đầu tư, các sở, ngành và địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; ưu tiên các công trình, dự án trọng điểm, các dự án phục vụ Hội nghị cấp cao APEC 2027 và các dự án có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung xử lý dứt điểm các công trình, dự án tồn đọng, kéo dài; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, quỹ nhà, đất sau sắp xếp, bảo đảm đúng quy định và phát huy hiệu quả nguồn lực. Chủ trì, phối hợp các cơ quan thu phấn đấu hoàn thành đạt và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác quản lý tài sản công theo Công điện số 19/CĐ-TTg ngày 26/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả sắp xếp, xử lý, khai thác tài sản công. Chủ trì, phối hợp Thuế tỉnh An Giang theo dõi, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh đánh giá nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương không hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách. Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026; phối hợp Công an tỉnh và các đơn vị liên quan triển khai hoàn thành định danh điện tử doanh nghiệp. Theo dõi, rà soát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và hoạt động triển khai thoái vốn doanh nghiệp nhà nước, đảm bảo theo đúng quy trình, quy định. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và địa phương tham mưu UBND tỉnh đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả đầu tư đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo Công văn số 5302/BTC-NSNN ngày 28/4/2026 của Bộ Tài chính. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội quy định cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các dự án, công trình phục vụ Hội nghị cấp cao APEC 2027 tại đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang; Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quyết định số 948/QĐ-TTg ngày 17/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ. Tham mưu UBND triển khai Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về "phát triển vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới".
2	Sở Công Thương	Tiếp tục triển khai thực hiện Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 11/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm cung ứng xăng dầu cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 1515/KH-BCĐ389 ngày 10/3/2026 của Bộ Công Thương về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2026.

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
		Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch điện VIII, Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển thị trường trong nước theo Nghị quyết số 88/NQ-CP và Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ đến năm 2030; triển khai đồng bộ các giải pháp kích cầu tiêu dùng, bình ổn thị trường, bảo đảm cung ứng hàng hóa phục vụ các dịp lễ, tết; đẩy mạnh Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Tiếp tục phát triển dịch vụ logistics theo Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035.
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tập trung theo dõi và triển khai hiệu quả các kế hoạch chi tiết về kịch bản tăng trưởng thuộc khu vực I. Tiếp tục theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án Phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030; Chương trình nông thôn mới; Giảm nghèo bền vững và Chương trình OCOP; Đề án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đề án bảo vệ môi trường. Giám sát, theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và thủy sản trên địa bàn của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, truy quét, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp năm 2026, tập trung trọng điểm tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra vi phạm về khai thác, phá rừng trái pháp luật, lấn, chiếm rừng. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 2310/QĐ-TTg ngày 17/10/2025; Công điện số 198/CĐ-TTg ngày 17/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về "Kế hoạch hành động tháng cao điểm chống khai thác IUU và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam; về tập trung thực hiện tháng cao điểm chống khai thác IUU và phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam. Tăng cường thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về đất đai, xây dựng, khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 166/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 – 2035. Về nguồn vật liệu san lấp (cát, đất) cho các công trình, dự án phục vụ Hội nghị APEC: Chủ trì tổ chức cuộc họp làm việc với các chủ đầu tư để xác định nhu cầu, điều tiết nguồn vật liệu khai thác và nguồn phế thải từ sân bay một cách hợp lý, đúng quy định, bảo đảm phục vụ liên tục cho các công trình trọng điểm.
4	Sở Xây dựng	Phối hợp các cơ quan Trung ương thực hiện công tác Điều chỉnh Quy hoạch Vùng đồng bằng Sông Cửu Long; điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh; kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 05/11/2025 của UBND tỉnh tổ chức thực hiện các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết trên địa bàn đặc khu Phú Quốc. Tiếp tục theo dõi, tổng hợp và báo cáo cấp thẩm quyền xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai các công trình giao thông trọng điểm quốc gia đi qua địa bàn, các tuyến đường cao tốc, các tuyến đường liên tỉnh, các cảng biển, các cảng hàng không và các dự án phục vụ APEC 2027.

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
		Theo dõi, tổng hợp kết quả đầu tư xây dựng các dự án nhà ở xã hội. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các kế hoạch đảm bảo trật tự ATGT; tăng cường kiểm soát hoạt động tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải đặc biệt là vận tải thủy trên các tuyến vận tải từ bờ ra đảo và các đảo vào mùa mưa bão.
5	Thống kê tỉnh	Tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn cấp xã biên soạn 02 chỉ tiêu tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp xã và thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn cấp xã vào cuối năm theo Quyết định số 2545/QĐ-BTC ngày 14/9/2026 của Bộ Tài chính về ban hành hướng dẫn biên soạn 02 chỉ tiêu tổng hợp cấp xã.
6	Thuế tỉnh	Triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp và người dân nhanh chóng phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề tăng thu NSNN, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về thuế, hóa đơn, chứng từ để kịp thời phát hiện các rủi ro tuân thủ và xử lý các hành vi vi phạm. Đẩy mạnh rà soát, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật để giảm nghĩa vụ thuế. Triển khai quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ, cưỡng chế; kiểm soát chặt phát sinh nợ mới; đẩy mạnh công khai nợ, làm sạch dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong cảnh báo rủi ro nợ.
7	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	Chỉ đạo tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp tục tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng kinh tế, các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn (bao gồm giải pháp tín dụng; biện pháp để giảm mặt bằng lãi suất…), triển khai hiệu quả chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
8	Sở Du lịch	Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả: (1) Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới; (2) Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững; (3) Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững thời gian tới. Tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án "Phát triển du lịch tỉnh An Giang giai đoạn 2025 - 2030 và định hướng đến năm 2035". Tham mưu UBND triển khai Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về "phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới" và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 02/8/2026 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài.
9	Sở Khoa học và Công nghệ	Tiếp tục đẩy mạnh đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số toàn diện mô hình quản trị, tập trung vào chính quyền số (phục vụ Nhân dân; phục vụ lãnh đạo, điều hành) và kinh tế số (phục vụ sản xuất kinh doanh, chú trọng công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm nông - lâm - thủy sản). Chú trọng đào tạo, thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. Quản lý, phát huy hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao, nhất là nghiên cứu, đánh giá đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy hình thành và

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
		phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tăng cường ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phát triển nhân lực chất lượng cao và trọng dụng nhân tài.
10	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	Tổ chức Họp mặt doanh nghiệp và đối thoại doanh nghiệp (cà phê doanh nhân) quý IV. Tổ chức xét chọn danh hiệu "Doanh nghiệp xanh và trách nhiệm xã hội tỉnh An Giang năm 2026". Tổ chức tiếp đón và làm việc với các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tìm hiểu đầu tư vào An Giang. Triển khai kế hoạch phối hợp với Bộ ngoại giao tổ chức lớp cập nhật kiến thức về thị trường Halal cho cán bộ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ tại phường Rạch Giá. Tham gia các sự kiện hội chợ, triển lãm ngoài tỉnh: Triển lãm quốc tế công nghiệp thực phẩm Việt Nam 2026 (Foodexpo 2026); Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (Vietnam Expo 2026); các hoạt động kết nối tiêu thụ nông sản, hàng hóa tại Hà Nội và Hội chợ Mùa Thu lần thứ II - 2026 tại Hà Nội. Tiếp tục triển khai Chương trình xúc tiến thương mại và kích cầu tiêu dùng năm 2026; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP và hàng hóa đặc trưng của tỉnh. Dự thảo Kế hoạch tổ chức Festival Du lịch Biển Phú Quốc - An Giang 2026 tại đặc khu Phú Quốc. Tham gia quảng bá du lịch tỉnh tại Festival Thu Hà Nội năm 2026. Tổ chức buổi kết nối xúc tiến du lịch với các Hiệp hội, doanh nghiệp Campuchia tại Hội chợ kết nối giao thương và quảng bá sản phẩm Việt Nam - Campuchia 2026 ở Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia.
11	Chi cục Hải quan khu vực XX	Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động xuất nhập khẩu qua địa bàn; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong thông quan hàng hóa; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thông quan, giảm tối đa chi phí cho doanh nghiệp. Phối hợp các lực lượng chức năng của tỉnh tăng cường kiểm soát, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; đồng thời bảo đảm tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất nhập khẩu hợp pháp.
12	UBND các xã, phường, đặc khu	Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng đối với các chỉ tiêu đạt kết quả tốt, đối với các chỉ tiêu đạt thấp cần khẩn trương rà soát, đánh giá nguyên nhân và tập trung triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm cải thiện kết quả thực hiện trong các quý tiếp theo. Khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027. Tăng cường thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, nhất là trên các lĩnh vực đất đai, trật tự xây dựng, du lịch, tài nguyên và môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý dứt điểm các hành vi lấn chiếm đất rừng, đất do nhà nước quản lý, tình trạng xây dựng nhà ở, công trình trái phép, không đúng mục đích sử dụng đất, không đúng quy hoạch, tuyệt đối không để phát sinh vi phạm mới; thực hiện nghiêm các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn cho người dân, du khách. Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử, cách mạng của các di tích; kiên quyết không để xảy ra các hoạt động xâm hại di tích. Tổ chức khai thác du lịch có trách nhiệm, đúng quy định, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo sức hút và giữ chân du khách. Quan tâm thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo tại các địa bàn còn nhiều khó khăn, nhất là khu vực có đông đồng bào dân tộc sinh sống; chú trọng bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
		Khẩn trương hoàn thiện quy hoạch xã, phường theo hướng đồng bộ, khả thi, có tầm nhìn lâu dài, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; ưu tiên bố trí quỹ đất và không gian phát triển cho các công trình hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội, bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương và khu vực trong giai đoạn mới. Chủ động phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị liên quan tăng cường công tác quản lý tàu không đủ điều kiện hoạt động khai thác, đánh bắt trên địa bàn quản lý, không để xảy ra tình trạng tàu cá không đủ điều kiện trốn tránh, tiếp tục đánh bắt làm ảnh hưởng đến công tác tháo gỡ thẻ vàng IUU của tỉnh và cả nước.
II. Lĩnh vực văn hóa - xã hội		
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tập trung cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt Chương trình hành động số 04-CTr/TU, ngày 10/11/2025 của Tỉnh ủy về đột phá phát triển giáo dục - đào tạo[48]; Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2025 - 2035. Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh. Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới đất liền *giai đoạn 2 theo chủ trương của Trung ương*[49]. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, đầu tư, nâng cấp hệ thống giáo dục; khắc phục tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị, dạy và học. Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2026 - 2027 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; xây dựng Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 vào các trường THPT chuyên và THPT công lập năm học 2027 - 2028 trình UBND tỉnh phê duyệt. Triển khai công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 57/2026/TT-BGDĐT.
13	Sở Y tế	Tiếp tục triển khai thực hiện các đầu công việc được giao tại Kế hoạch số 186/KH-UBND triển khai Chương trình hành động số 05-CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW. Triển khai Kế hoạch phát triển ngành Y tế tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050; Kế hoạch số 452/KH-UBND ngày 12/8/2026 về Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026–2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động phòng, chống dịch bệnh lưu hành tại địa phương, dự báo sớm nguy cơ dịch bệnh mới nổi. Tăng cường công tác quản lý, tầm soát, dự phòng các yếu tố nguy cơ các bệnh không lây nhiễm trong cộng đồng, TNTT, đuối nước,… Đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh. Tiếp tục thẩm định và xử lý các tờ trình mua sắm thuốc, vắc xin, vật tư y tế, vật tư tiêu hao cho các đơn vị trực thuộc. Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo công tác đấu thầu thuốc tập trung cấp địa phương giai đoạn năm 2025-2027. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công tác Bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng chống tệ nạn xã hội.
14	Sở Nội vụ	Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 18/4/2026 hỗ trợ phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030. Tập trung điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị định số 321/2026/NĐ-CP ngày 15/8/2026 của Chính phủ.

[48] Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị

[49] Tại các xã: Ba Chúc, Vĩnh Điều, Vĩnh Xương, An Phú, Nhơn Hội, Phú Hữu.

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
		Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã; trình HĐND tỉnh bầu thành viên UBND tỉnh theo thẩm quyền; Trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi sắp xếp đơn vị hành chính xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo dõi tiến độ thực hiện Dự án: "Lập mới hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp tỉnh An Giang theo các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025". Tổng hợp lấy ý kiến nhân dân và trình kỳ họp HĐND các cấp Đề án thành lập các phường thuộc tỉnh An Giang; Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương thành lập các phường thuộc tỉnh An Giang. Thẩm định trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về vị trí việc làm công chức thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Tiếp tục hoàn chỉnh văn bản triển khai thực hiện một số nội dung về đánh giá, xếp loại hằng quý theo Hướng dẫn số 02-HD/TU ngày 19/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tiêu chí đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trình cấp có thẩm quyền theo quy định.
15	Sở Khoa học và Công nghệ	Tập trung triển khai hiệu quả Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 22/8/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; nhất là tập trung thực hiện nhiệm vụ năm 2026 theo Kế hoạch số 09-KH/BCĐ và Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, đảm bảo nguyên tắc 6 rõ. Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về ứng dụng, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, dữ liệu và các quy định có liên quan. Ưu tiên sử dụng hiệu quả nguồn lực cho các nhiệm vụ có khả năng tạo sản phẩm, công nghệ, quy trình mới, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Chú trọng các đề tài nghiên cứu có giá trị ứng dụng cao, đặc biệt là đánh giá đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; đổi mới phương thức quản trị, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và các nền tảng số dùng chung. Triển khai hệ sinh thái chuyển đổi số và Cổng thương mại điện tử; triển khai có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Bộ chỉ số DTI, PII; Triển khai có hiệu quả mô hình chuyển đổi số cấp xã theo hướng dẫn của Bộ KHCN tại Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29/4/2026. Đẩy mạnh phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với học tập suốt đời và phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức, từng bước hình thành nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Phát triển đồng bộ hạ tầng số, viễn thông và công nghệ thông tin; nâng cao năng lực trung tâm dữ liệu, mạng truyền số liệu chuyên dùng và các hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ chuyển đổi số. Mở rộng Internet băng rộng, mạng 5G và các công nghệ kết nối thế hệ mới, bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn và ổn định. Hoàn thiện Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) theo hướng tích hợp, kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành; Xúc tiến thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Đổi mới sáng tạo An Giang để hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh. Tăng cường, mở rộng hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; hình thành mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học tham gia tư vấn, nghiên cứu và giải quyết các bài toán phát triển trọng điểm của tỉnh. Triển khai hiệu quả

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
		Chương trình phối hợp giữa Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và Tỉnh ủy An Giang về triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị giai đoạn 2026 - 2030.
16	Sở Văn hóa và Thể thao	Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 30/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Tập trung tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 194 năm Ngày truyền thống tỉnh An Giang (1832 – 2026); Lễ hội truyền thống kỷ niệm 158 năm Ngày Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực hy sinh (1868 – 2026); Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng bào dân tộc Khmer tỉnh An Giang năm 2026; Hội thi Đờn ca tài tử tỉnh An Giang năm 2026… Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, tuyên truyền cổ động, triển lãm, chiếu phim lưu động, thể dục thể thao đa dạng về nội dung và phong phú về hình thức nhân kỷ niệm các ngày lễ của đất nước, sự kiện của tỉnh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.
17	Sở Tư pháp	Theo dõi, đôn đốc tiến độ, góp ý, thẩm định các dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh và UBND tỉnh do các sở, ban, ngành tỉnh trình thay thế, bãi bỏ thực hiện theo Nghị quyết 66-NQ/TW. Tự kiểm tra 100% văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành; kiểm tra theo thẩm quyền 100% văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã, phường, đặc khu ban hành; Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Tiếp tục hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch cho UBND xã, phường, đặc khu.
18	Thanh tra tỉnh	Kịp thời ban hành các kết luận thanh tra đối với các đoàn thanh tra đang thực hiện; tiếp tục tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra của tỉnh và Thanh tra Chính phủ. Tăng cường tổng hợp, theo dõi tình hình tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; chủ động nắm bắt, dự báo tình hình để tham mưu xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh, không để hình thành các "điểm nóng" về an ninh, trật tự trên địa bàn. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, vượt cấp, đông người; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Phối hợp với các đơn vị, địa phương tham mưu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ còn lại theo Kế hoạch công tác PCTNTC năm 2026.
19	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Tham mưu ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết về chính sách đặc thù đối với tôn giáo (đã có Báo cáo UBND tỉnh về khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện). Hoàn thành nhiệm vụ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho địa phương và doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, đầu tư, sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo; kịp thời báo cáo, tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.
20	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phát triển người tham gia, thu và giảm tiền chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2026 theo kịch bản đã điều chỉnh; tăng cường rà soát, khai thác, phát triển đối tượng tiềm năng, đôn đốc các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định việc giải quyết và chi trả các chế độ BHXH, BHTN; tăng cường kiểm soát, bảo đảm quyền lợi của người tham gia và người thụ hưởng. Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu BHXH Việt Nam giao.

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
		Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN bằng các hình thức phù hợp, thiết thực, hiệu quả.
21	Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo	Tiếp tục khẩn trương hoàn tất các quy trình, thủ tục đề cử Khu Di tích khảo cổ Óc Eo nhằm đảm bảo tiến độ ghi danh vào danh mục Di sản văn hóa thế giới.
III. Lĩnh vực an ninh, quốc phòng, đối ngoại		
22	Công an tỉnh	Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương để kịp thời tham mưu, đề xuất với Bộ Công an, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và cấp ủy chính quyền địa phương những chủ trương, giải pháp phù hợp trong công tác bảo đảm ANTT, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục tham mưu, thực hiện có hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ, tham mưu tổng kết "Chiến dịch rà soát, làm sạch, xây dựng dữ liệu, cấp căn cước, tài khoản định danh điện tử cá nhân, tổ chức; Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID" trên địa bàn tỉnh An Giang. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Kế hoạch hành động 100 ngày tổng rà soát, xác minh, cập nhật làm sạch dữ liệu đăng ký, quản lý phương tiện trên Hệ thống đăng ký xe; Kế hoạch của Công an tỉnh về tập trung rà soát, phân loại, xử lý phương tiện VPHC tồn đọng trên địa bàn tỉnh. và Chiến dịch đào tạo kỹ năng lái xe mô tô, xe gắn máy an toàn. Triển khai cao điểm đảm bảo TTATGT - TTXH dịp Noel, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và các lễ hội đầu xuân. Tham mưu UBND tỉnh Quyết định công nhận xã, phường, đặc khu, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục (thuộc cấp tỉnh quản lý) đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2026 theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA. Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2026; kết quả xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2026; ban hành kế hoạch chuyển hóa địa bàn phức tạp về ANTT theo quyết định của Bộ Công an. Tăng cường các giải pháp quản lý đảm bảo an ninh, toàn toàn các cơ sở giam, giữ, cơ sở cai nghiện. Hội nghị sơ kết mô hình "Dân vận khéo" thực hiện Đề án xây dựng đặc khu Phú Quốc thành "Đơn vị kiểu mẫu về an ninh, trật tự và văn minh đô thị".
23	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Phối hợp với các đơn vị có liên quan tiếp tục thực hiện tốt công tác tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo các chương trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh. Tăng cường nắm tình hình, duy trì nghiêm công tác sẵn sàng chiến đấu; thực hiện tốt công tác nắm tình hình ngoại biên, tổ chức tuần tra, kiểm soát phòng chống buôn lậu, xuất nhập cảnh trái phép và phòng chống khai thác IUU. Chủ động phối hợp Chi cục Hải quan khu vực XX, Sở Công Thương, UBND các xã, phường biên giới và các đơn vị liên quan bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa, xuất nhập khẩu, hoạt động cửa khẩu và thương mại biên giới.
24	Sở Du lịch	Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả: (1) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; (2) Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 02/8/2026 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Triển khai Kế hoạch thực hiện "Đề án đẩy mạnh hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035". Tham mưu UBND tỉnh: (1) Kế hoạch tuyên truyền công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền và thành quả phân giới cắm mốc giữa 2 nước Việt Nam - Campuchia; (2) Tổ chức Hội nghị tổng kết hợp tác giữa tỉnh An Giang với các tỉnh Kampot, Preah Sihanouk, Takeo và Kandal, Campuchia; (3) Tổ chức Lễ công bố cặp cửa khẩu quốc tế đường bộ Khánh Bình - Chrey Thom.

STT	Đơn vị	Phương hướng, nhiệm vụ
25	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Tiếp tục đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút đầu tư vào các KCN và khu kinh tế cửa khẩu; tăng cường cung cấp thông tin, hỗ trợ nhà đầu tư khảo sát, nghiên cứu cơ hội đầu tư. Theo dõi, hướng dẫn thực hiện các thủ tục đầu tư đối với các dự án đang triển khai; đồng thời theo dõi, tiếp nhận, cấp, điều chỉnh và đề xuất thu hồi các dự án đầu tư trong KCN, khu kinh tế cửa khẩu theo quy định. Tổ chức thực hiện điều hành, phối hợp thống nhất hoạt động của các đơn vị chức năng tại cửa khẩu trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người, phương tiện giao thông vận tải.